

15 THÁNG 4 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

PHẠM VIỆT CHÂU từ dự kiến Trung tâm quyền
lực đến mưu đồ tái phân trị thế giới * NGUYỄN
GIA TƯỜNG giáo dục cần được quan niệm thế
nào? * HỒ HỮU TƯỜNG một trung tâm sáng tác
văn nghệ * GEORGES E. GAUTHIER trường ca «Con
đường cái quan» và «Mẹ Việt-nam» của Phạm Duy *
VƯƠNG HỒNG SẼN năm 71 tuổi, bàn về nghệ thuật
sống dai và truyện phản lão hoàn đồng * DOÃN DÂN
một sáng ngậm ngùi * TƯỜNG LINH sao khuya *
TẠ TỶ giọt buồn * PHƯƠNG HOA sử tình ca *
NGUYỄN MỘNG GIÁC vào đời * **SINH HOẠT**
cuộc nói chuyện của nhà văn Bình Nguyên Lộc *
nhà văn Châm Vũ Nguyễn văn Tồn với chữ Nhật

* thời sự văn nghệ

thời sự khoa học *

thời sự thế giới *

367



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:

Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Đà soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	70đ.
SÁU THÁNG	770đ.
MỘT NĂM	1500đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 367 ngày 15-4-1972

PHẠM VIỆT CHÂU từ dự kiến Trung tâm quyền lực đến mưu đồ tái phân-trị thế giới	05
NGUYỄN GIA TƯỜNG giáo dục cần được quan-niệm thế nào ?	18
HỒ HỮU TƯỜNG một trung tâm sáng tác văn nghệ	23
GEORGES E. GAUTHIER trường ca « Con đường cái quan » và « Mẹ Việt-nam » của Phạm Duy (Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm Duy)	37
VƯƠNG HỒNG SÈN năm 71 tuổi, bàn về nghệ thuật sống dai và truyện phản lão hoàn đồng	45
DOÃN DÂN một sáng ngậm ngùi (truyện)	55
TƯỜNG LINH sao khuya (thơ)	60
TẠ TỶ giọt buồn (thơ)	61
PHƯƠNG HOA SỬ tình ca (thơ)	62
NGUYỄN MỘNG GIÁC vào đời (truyện dài)	63
SINH HOẠT	
THU THỦY thời sự văn nghệ	73
THẾ NHÂN cuộc nói chuyện của nhà văn Bình Nguyên Lộc về sự liên hệ giữa gốc tổ V.N. và gốc tổ Mã-lai trên căn bản ngôn ngữ.	75
Nhà văn Châm Vũ Nguyễn Văn Tấn và chữ Nhật	77
TỬ DIỆP thời sự khoa học	79
TỪ MINH thời sự thế giới	83

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 6đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Khảo về đồ sứ cổ Trung-hoa Hiên cổ đặc san số 4, của Vương Hồng Sển, do tác giả gửi tặng. Sách dày 460 trang gồm 2 phần, biên khảo rất công phu, từ đồ đất nung qua đồ gốm đến đồ sành. Có kèm theo 9 trang hình vẽ và 56 hình ảnh do Hoàng Xuân Lợi trình bày. Giá ủng hộ 2000đ. Giá thân hữu 1.500đ.

— Văn-phạm Anh-văn căn-bản (Basic - English - Grammar) của Lữ Phúc Ảnh do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng sách dày 436, trang viết bằng Anh ngữ và Việt ngữ dành cho học sinh các lớp 8, 9, 10, 11 12, và các thí sinh tự học, gồm 8 loại tiếng và cú pháp trong Anh ngữ. Giá 450 đ.

— Giải đề thi và khảo sát Anh

văn, Tú-tài 1 và 2 AB, Sinh ngữ 1, của Trương Đăng Đệ, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 270 tr. giải các đề thi Tú tài 1 và II từ 1963 đến nay, cùng hơn 50 bài khảo sát đề nghị và các điểm văn phạm cần thiết. Giá 350đ.

— Phương pháp giải Toán Hình học không gian (Tú tài 1 AB) và Phương pháp giải Toán Đại số (Tú Tài 1 AB) của Phan Lưu Biên, Lê Văn Đăng, Trần Thành Minh, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 284 trang và trên 300 trang gồm 11 chương mỗi chương đều có 2 phần : tóm lược giáo khoa và phương pháp giải toán. Giá 320đ. và 350đ.

— Câu hỏi giáo khoa Tân Toán học, lớp 12B, của Phan Lưu Biên, Lê Văn Đăng, Trần Thành Minh, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 150 trang gồm 7 chương mỗi chương đều có 2 phần : Câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi giáo khoa. Giá 200đ.

Bưu phí gửi Bách - Khoa ra nước ngoài.

Theo bản kê bưu phí ngoại quốc áp dụng từ ngày 11-3-1972 của Tổng Nha Bưu-diện :

— Cước phí đường thủy { 6 tháng : 200đ
1 năm : 400đ

— Cước phí máy bay mỗi số Bách-Khoa :

Gửi đi Ai-lao : 30đ.
— Kampuchia : 20đ.
— Đông Nam Á (Hồng Kông, Đài loan, Thái lan v.v...) : 40đ.
— Nhật bản, Đại hàn, Ấn độ
Hồi quốc : 90đ.

Gửi đi Úc, Tích lan v.v.. : 130đ.
— Pháp : 160đ.
— Âu châu (trừ Pháp), Bắc
Phi châu : 175đ.
— Hoa kỳ, Gia nã đại : 210đ

Phụ phí hàng không nội xứ

Bắt đầu từ ngày 11-3-1972, phụ phí Hàng không nội xứ mỗi số Bách - Khoa là 6đ. Do đó Bách - Khoa gửi lên Cao - nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay một năm là 200đ.

Từ dự-kiến Trung-tâm quyền-lực đến mưu đồ tái phân-trị thế-giới

MỞ LỜI

Những vận-động xoáy lốc trong trận tranh-bá-chiến 39-45 đã lôi cuốn tất cả các lực-lượng đối-kháng vì quyền-lợi thành hai lượm sóng lớn đề rồi quyết-liệt xô ập vào nhau một mất một còn. Sau sự tan vỡ hoàn-toàn của Quốc-tế Cực-quyền (Phe Trục), lượm sóng chiến thắng mang nhãn-hiệu « dân-chủ » (Phe Đồng minh) lại lập tức phân đôi thù nghịch : Quốc-tế Tư-bản và Quốc-tế Cộng-sản.

Trong suốt một phần tư thế-kỷ, các nhược tiểu dân-tộc đã lại bị cuốn hút vào lòng kiểm-tòa của hai lượm sóng mới ấy. Mặc tình vùng vẫy, mặc tình kêu la, chúng ta vẫn bị sức chi phối ngàn cân giữ chặt tay chân. thậm chí nhiều nơi lại còn phải chịu đựng cảnh chém giết tang thương giữa sự giằng xé đôi co của hai cường lực—Nhưng sự giằng xé đôi co cục bộ với chủ-trương thâm hiểm là lấy máu nhược-tiểu giữ cho thể đại-cường toàn bộ được thăng bằng.

Nhưng cái thế thăng bằng tạm thời ấy ngày nay đang lung lay đến tận gốc rễ. Sự thế đã xảy ra chỉ vì mỗi lượm sóng vốn ngầm chứa xung động nội tại đang tới lúc tự vỡ lở.

Có tiếng reo hò, vỗ tay, giậm chân đầu đầu của những con người nhược-tiểu biểu lộ niềm hân hoan chờ đợi thoát ra từ đáy lòng ảm ức bấy lâu (1). Tiếc thay, đó chỉ là nỗi vui mừng thơ ngây của trẻ con, vì sự giải-tải của « lương tâm chi phối chế » há nào phải sự giải-thê của « Đế-quốc phân-trị chế » ! Đế-quốc vẫn còn đó. Những tên đầu sỏ ngồi vạch bản đồ thế giới mặc cả chia phần ở Yalta 27 năm xưa vẫn còn đó. Có khác chăng chỉ thấy ở chỗ ván bài tay đôi nay đã có thêm người chơi mới. Câu-lạc-bộ Đế-quốc có thêm hội-viên, tất nhiên phần ăn phải được chia lại.

Ý-nghĩa sự xuất-hiện của các cường-lực mới thực ra chỉ có vậy. Trông chờ nơi đó một sự giải-thoát khỏi kiểm-tòa, áp bách, bòn rút và khai-thác là trông chờ cái chết ! Trông chờ nơi đó một chút cơm thừa canh cặn, một sự bố thí của thái đã nhiễm trùng là trông chờ cái nhục !

Những tên Đế-quốc chủ-nhân-ông cũ, nếu có vì muốn giữ chân nô-lệ mà bỏ tiền đánh những chiếc xích vàng, thì há đâu phải bởi chúng bỗng chuyển từ tâm xót thương nô-lệ hơn xưa ! Những tên Đế-quốc mới ra đời nếu có

(1) Diễn hình là cử-chỉ của nhiều đại-diện nước nhỏ, nhất là Phi châu ở Liên-Hiệp-Quốc trong ngày bỏ phiếu lựa chọn quyết-nghị của Mỹ và quyết-nghị của Albanie về thủ tục biểu quyết thu nhận Trung-Cộng vào tổ-chức này (25-10-71).

vì muốn dụ dỗ nô-lệ của kẻ khác mà đưa ra những lời đường mật như thề đồng cảnh đồng tình thì há đâu phải bởi chúng thật lòng muốn đứng vào hàng ngũ nô-lệ đấu tranh để giải-phóng kiếp ngựa trâu !

Mỹ với những vận-động ngấm ngấm của một tay Kissinger quỷ-quyệt, Nga với những trận tấn-công ngoại giao trên nhiều thủ-đô bốn châu lớn, thấy đều là những ngón đòn chiến-lược dàn bày trận đồ quốc tế mới. Giọng lười bợn Kiều-quán-Hoa nơi diễn đàn Liên-Hiệp-Quốc xoén xoét nói đến « phe nhược-tiểu chúng ta », không tự nhận tư thế đại-cường, vờ quên đi thành ngữ đầu môi « Trung-quốc vĩ-đại » xưa nay, đã biểu lộ rõ rệt nhất tính chất mị thể-giới-các-nước-nhỏ để xỏ mũi thật nham-hiềm của Tàu.

Lại nữa, sự cựa cựa trời dậy của những tay thực dân già Tây-Âu vốn đã hết thời đang muốn đòi chia xẻ ảnh-hưởng tại cựu thuộc-địa cùng với sự dò dẫm kiểm mồi của những tên tay sai tài-phiệt Nhật-bản với ý-đồ đẩy mũi kinh-tế đi trước, dọn đường cho mũi chính-trị tiến sau, cũng thấy đều là những chỉ dấu chẳng sáng sủa gì cho nhân-loại trong góc chót còn lại của thế-kỷ này !

Trong cảnh tranh chấp mới, bọn Đế-quốc đang giữ nhau từng miếng, những cuộc mặc cả đang diễn ra quyết-liệt, trong bóng tối. Những tên tay em nào sẽ bị hy-sinh ? Những vùng ảnh-hưởng nào sẽ bị trao đổi ? Không ai có thể trả lời dứt khoát trước được. Nhưng, để có cái nhìn bao quát toàn bộ hoạt-cảnh thế-giới, tưởng hãy duyệt xét các xu-hướng chính trị trong việc phân định những trung-tâm quyền-lực trước đã.

Dự kiến về các trung tâm quyền lực

Diễn biến quan trọng nhất trên thế giới gần đây là việc Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc và hội nghị cấp cao Mỹ-Trung. Diễn biến này bắt nguồn từ quyết định phân chia lại vùng ảnh-hưởng của Mỹ và nỗ lực đẩy cuộc cách-mạng ở Hoa-lục sang thời-kỳ chuyển tiếp để sẽ tiến tới thời-kỳ thắng bằng chính-trị (hậu cách-mạng) của nhóm lãnh-đạo Trung-Cộng.

Cũng như Nga-sô, kể từ khi cướp được chính quyền, Cộng-sản Trung-hoa đã phải duy trì thời kỳ cách-

mạng trên hai mươi năm để thiết-dựng cho đất nước một thể chế ổn-định. Trong thời-kỳ cách-mạng, Nga-sô đã trải qua ba giai-đoạn : Giai-đoạn Quốc-tế, Giai-đoạn Quốc-gia, nối tiếp cuộc thanh-trừng vĩ-đại các cán-bộ lớp cũ, và Giai-đoạn Đế-quốc Quân-chính, chấm dứt với thành quả kiểm soát Đông-Âu (theo sử-gia Nga Andrei Amalrik). Trung-Cộng cũng có những bước đi tương tự : Quốc-tế lúc đầu (đoạt cao-điểm thời-kỳ Bandung), sau mới chuyển sang Quốc-gia (chống Nga, đánh Ấn) và Đế-quốc Quân-chính (chiếm Tây-Tạng). Có điều khác biệt nhỏ là giai-đoạn Quốc-gia và Đế-quốc Quân-

chính không tách rời nhau và vì không đủ mạnh nên Trung-Cộng đã không thể kiểm soát được những vùng rộng lớn như Nga đã thực-hiện ở Đông-Âu. Ở Nga, việc bước sang thời-kỳ chuyển tiếp đã trải qua những ngày xáo trộn lớn trong nội bộ. Ở Tàu ngày nay, xáo trộn nội bộ cũng không thể tránh nhưng đã được chinh đốn mau lẹ hơn.

Có thể nói Cộng-sản Trung-hoa đã rút được kinh-nghiệm từ bài học cách-mạng Nga-sô nên đã bước nhanh hơn, vì bước quá nhanh nên diễn biến xảy ra được coi là hơi đột ngột. Việc chuyển bước này đã đương nhiên kéo theo việc thay đổi chính-sách đối ngoại. Chính-sách đối ngoại mới hầu như bỏ quên văn-đề ý-thức-hệ và chỉ còn dựa vào tiêu-chuẩn hành-xử quyền lực mưu tìm quyền-lợi quốc-gia bằng cách phối hợp hay chống lại các quyền lực khác (1).

Mao quyết-định chuyển bước không hẳn vì cách-mạng Trung-hoa đã làm xong nhiệm vụ của nó, nhưng chỉ là vì Mao cảm thấy cần phải tạo gắp thế đứng mới để đương đầu và chia phần với các cường-lực khác. Thế đứng mới của Trung-Cộng là thế đại-cường, cùng Nga và Mỹ hợp thành tam-đầu-chế. Đối với Trung-Cộng, cái thời mà Nga Mỹ độc quyền quyết-định chuyện quốc-tế đã hết, từ nay mọi việc thế-giới còn phải qua bàn tay Bắc-kinh. Bắc-kinh đã có lối đi "hợp pháp" qua LHQ, Bắc-kinh chỉ cần bình-thường-

hóa bang-giao với Mỹ nữa là xong. Với Nga, tuy đã trở thành đối nghịch quyết liệt, nhưng mỗi đây đại-sứ vẫn còn đó, chưa đến nỗi đóng cửa rút cầu.

Về phía Mạc-tư-khoa, nhìn chung giới lãnh-đạo đã ý thức khá rõ rệt chiều hướng thế-giới mới đang chuyển biến làm sút mẻ to lớn hệ-thống chư hầu cũ của Nga Mỹ. Những nước hạng trung đang vươn lên tìm đường kết-hợp tạo thành thế lực mới. Trung-Cộng chuyển bước ngày càng nguy-hiêm hơn cho Nga. Vì vậy, Nga đã phải cấp tốc duyệt

(1) Ý tưởng về cuộc tranh đua phi-ý-thức-hệ giữa hai đế-quốc đầu sỏ Nga-Mỹ đã được Poliansky, ủy viên Bộ Chính-trị Trung-ương Cộng-đảng Nga, phát biểu trong một dạ-tiệc tại Nữu-ước năm 1960 như sau "Chúng tôi nghĩ là ngựa xã-hội trẻ hơn và nhanh hơn ngựa tư-bản. Nếu quý vị không đồng-ý thì đó là Việc của quý vị, nhưng hà tất chúng ta phải đánh nhau vì điều ấy. Ngay trong những cuộc đua ngựa, chẳng có ai lại đi đề-nghị phân thắng bại bằng cuộc đánh lộn giữa các tay nài".

Ngày nay, Nixon cũng đã lập lại cùng ý ấy đề dùng làm nền-tảng bang giao Mỹ-Trung : "Quý vị tin-tưởng sâu xa vào chế-độ của quý-vị và chúng tôi cũng tin tưởng sâu xa không kém vào chế độ của chúng tôi. Không phải niềm tin chung của chúng ta đã quy tụ chúng ta tại đây, mà chính là quyền lợi chung và những mối hy-vọng chung của chúng ta : Thứ quyền lợi mà mỗi người chúng ta phải duy-trì là nền độc-lập và an-ninh của dân-tộc mình, và thứ hy-vọng mà mỗi người chúng ta phải góp phần xây-dựng là một nền trật tự thế giới mới..." (Diễn-từ trong dạ-tiệc tại Đại-sảnh Nhân-dân Bắc-kinh ngày 25-2-1972).

xét lại chính sách toàn cầu, đồng thời tấn công ngoại giao bằng cách mở các hội-nghị cấp cao tại thủ-đô nhiều nước (1).

Trong dịp này, tờ Izvestia ngày 3-11-71 đã nhận định: Ngày nay Tây-Đức đã xuất-hiện và hành-động như một nước đã thoát cảnh bị lệ thuộc, Nhật-bản đã tỏ ra là một trong những cường-quốc kinh-tế lớn nhất thế-giới và có những lợi ích công-khai mâu-thuẫn với Mỹ, Anh đã chọn con đường gia nhập tập thể các nước Châu Âu, Trung-hoa của Mao đang ngồi vào ghế Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc, vì vậy thế giới ngày nay đã xuất-hiện dưới một ánh-sáng hoàn toàn khác hẳn thời đại Yalta, và thời đại này phải được coi như đã chấm dứt. Tờ Literaturnaya Gazeta ngày 3-11-71 cũng cho rằng kể từ nay không thể có hiện tượng giải-quyết các vấn đề thế-giới qua giải-pháp toàn bộ Đông-Tây nữa. Mọi vấn-đề phải được giải-quyết tùy theo đặc điểm cụ-thể của nó.

Như vậy có nghĩa là Nga-sô sẽ đi thẳng với từng nước trong từng trường hợp mà dàn xếp và tạo ảnh-hưởng. Nga hiện đang xông xáo vào các nước vốn chịu ảnh-hưởng của Mỹ từ trước, nhưng đồng thời lại đầy mạnh nỗ-lực ngăn chặn việc Mỹ xông xáo vào các nước chư-hầu Nga.

Vì thế, có thể nói cái nhìn rất mới mẻ của Nga về thế-giới đã không đưa Nga tới chỗ chấp nhận dễ-dàng một thế-giới đa đầu. Quan-điểm phân trị của Nga vẫn còn giữ nguyên sự

bất biến về thế-lực siêu-việt của hai siêu-cường, có khác chỉ là ở chỗ công nhận thêm vai trò quan trọng tương đối của một số các cường-quốc hạng trung. Trong hai siêu-cường, Nga phải có đặc quyền kiểm-soát những khu vực riêng biệt, thực chất chỉ vì quyền lợi riêng tư nhưng ngoài môi lại nhân-danh chủ-nghĩa (Brezhnev: Nga có quyền can-thiệp ở bất cứ nơi nào chủ-nghĩa xã-hội lâm nguy).

Điểm dị-biệt quan-trọng nhất về việc phân định các trung-tâm quyền lực giữa Nga và Mỹ chính là ở chỗ Nga cố gắng dìm Trung-Cộng xuống hàng thứ yếu, trong khi Mỹ cố đẩy Trung-Cộng lên giữ vai trò có tính cách chia xẻ quyết-định việc thế-giới. Hành động của Mỹ chẳng phải vì muốn nâng đỡ Trung-Cộng, lại càng không phải vì sức mạnh vũ-trang của Trung-Cộng đã được coi như siêu việt ngang hàng Nga Mỹ. Chẳng qua cũng chỉ do mưu đồ bá chủ của Mỹ: Đẩy Trung-Cộng lên để Nga-Trung cùng phải thường xuyên trấn-áp kiểm chế nhau, Mỹ rảnh tay hơn sẽ nghiêm nhiên vượt lên trên mọi thế lực.

Đối với các cường-quốc hạng trung, Mỹ cũng cùng quan-điểm với Nga về vai trò mới của họ, nhưng

(1) Cuối tháng 10-1971, bộ ba lãnh-tụ Nga Tổng-bí-thư Đảng Brezhnev, Chủ tịch Nhà nước Podgorny, Thủ-tướng Chính phủ Kossygin đã chia nhau đi Algérie, Gia-nã-đại, Nam-tư, Pháp, Đan-mạch, Na-uy, Bắc-Việt, Cuba, đề mở hàng loạt các cuộc hội-đàm với lãnh tụ các nước này.

cũng từ chính sách tạo ra sự tương-
chế khắp nơi Mỹ đã trù tính đầy
Nhật và Tây-Âu lên thêm một bước
nữa để trong tương-lai Tây-Âu sẽ
kiềm chế Nga trên mặt Đông Đại
tây-dương, Nhật sẽ kiềm chế Trung-
Cộng trên mặt Tây Thái-bình-dương.

Do sự tính toán trên, Nixon đã
phác ra hình ảnh một thế-giới bị chi-
phối bởi 5 Trung-tâm quyền-lực :
Mỹ, Nga, Trung-Cộng, Tây-Âu, Nhật.
Có một điều Nixon không nói ra là
trong cái hình địa-cầu 5 góc ấy, góc
Mỹ sẽ là đỉnh cao trên kết.

Tương-quan Mỹ-Trung

Hội nghị cấp cao Mỹ-Trung đã
được mở ra trước hết là vì vấn-đề
quyền lợi của hai nước trong cuộc. Về
phía Trung-Cộng như trên đã nói,
hội-nghị này sở dĩ đã có là do sự
thay đổi chính-sách đối ngoại của
Bắc-kinh ; Sự thay đổi ấy bắt nguồn
từ chủ-trương chuyển bước chính-
lược chấm dứt thời kỳ cách mạng ở
Hoa-lục ; Chủ-trương chuyển bước
chính-lược đã có vì nhu-cầu ổn định
nội tình để chuẩn bị tiềm lực kinh
tế, tiềm lực quân-sự hành xử như
một đại cường.

Về phía Mỹ, học-thuyết Nixon đã
dự liệu sự triệt-thoái các lực-lượng
quân-sự Mỹ khỏi các nước Tây Thái-
bình-dương. Từ vài điểm sơ khởi
nhấn mạnh đến chủ-trương địa-
phương-hóa nỗ lực phòng-thủ của
chư-hầu Đông-Nam-Á công bố ở
Guam năm 1969, học-thuyết Nixon
đã được vun bồi, triển-khai thêm

để trở thành chính-sách đối ngoại của
Mỹ (1). Chính-sách đối ngoại mới có
điểm chủ-yếu là sẽ dùng thế lực để
chế ngự hơn là mở các cuộc viễn
chinh có thể đưa đến sa lầy như kiểu
chiến tranh Đông-dương. Ở Đông-Á,
Mỹ sẽ không thể giải quyết đơn
phương mọi vấn đề trong khi chính Mỹ
đã công nhận có tới bốn trung tâm
quyền lực Thái-bình-dương (Mỹ,

(1) Chính sách đối ngoại của Mỹ đã
được Nixon công-bố trong Thông-diệp Liên-
bang ngày 20-1-1972 gồm 5 điểm chính và
4 điểm giải thích thêm. Đại ý 5 điểm chính
là :

1. Mỹ tiếp-tục duy-trì một lực lượng
gián chi đủ mạnh để đập tan mọi đe dọa
đối với nền an-ninh của Mỹ và các nước
chư-hầu.

2. Mỹ sẽ giúp chư-hầu phát-triển khả-
năng quốc-phòng đề tự-vệ.

3. Mỹ tôn-trọng mọi cam kết trù liệu
trong mọi hiệp-ước ký với nước khác.

4. Mỹ sẽ dùng biện pháp quân-sự nhằm
bảo toàn quyền lợi thiết thân bất cứ nơi
nào trên thế-giới khi quyền lợi ấy bị đe
dọa.

5. Vai trò của Mỹ sẽ rất giới-hạn trong
những trường-hợp nào không liên-can đến
quyền-lợi thiết-thân hoặc cam kết của Mỹ.

Trong trường-hợp đề cập ở điều thứ 5.
Mỹ sẽ hành-động theo 4 điểm giải-thích
thêm :

— Mỹ sẽ không can thiệp quân-sự.

— Nhưng sẽ dùng thế-lực ngăn chặn
chiến-tranh.

— Nếu chiến-tranh cứ xảy ra, Mỹ sẽ dùng
thế-lực để chấm dứt.

— Khi chiến-tranh chấm dứt, Mỹ sẽ góp
phần hàn gấn vết thương của cả hai phe
lâu chiến (?)

Trung-Cộng, Nga, Nhật). Vì vậy Mỹ phải mở đường nói chuyện với Trung Cộng và Nga-sô sau khi đã có những thỏa thuận giới-bạn với Nhật.

Nixon đã nuôi dưỡng từ lâu ý tưởng bắt tay với Trung Cộng để duy trì quyền lợi lâu dài ở Đông Á⁽¹⁾. Ý tưởng ấy đã được Mao chia sẻ, vì Mao cũng mong muốn bình-thường-hóa bang giao với Mỹ để tạo điều kiện đương đầu lâu dài với Nga-sô⁽²⁾. Mao đã không nói chuyện với Mỹ sớm hơn chỉ là vì nội tình Trung Cộng chưa ổn định (nghĩa là thời kỳ cách mạng chưa chấm dứt sớm hơn được), và hơn nữa cũng chưa có thời-cơ thuận lợi. Mấy năm gần đây nhiều cửa ngõ tiếp xúc giữa đôi bên đã được mở ra; Chính Nixon đã công khai tuyên-dương công-trạng Lỗ (Chủ tịch Ceaucescu) trong việc bắc một nhịp cầu quan-trọng nhất giữa Bắc-kinh và Hoa-thịnh-đốn.

Dầu đã có những thuận lợi bên ngoài nhưng cả Nixon lẫn Mao đều đã phải nỗ lực vượt qua những trở ngại nội bộ không nhỏ. Giới lãnh-đạo lưỡng đảng Mỹ vốn sẵn có chủ-trương cơ-hội cứng nhắc « chỉ tính chuyện Hoa-lục sau khi Mao chết ». Chính-lược-gia Mỹ đã trù liệu sau khi Mao chết, Hoa-lục có thể xảy ra hai trường-hợp:

— Hoặc sẽ đại loạn vì sự tranh chấp của các phe nhóm trong Đảng và sự nổi dậy của nhiều địa phương.

— Hoặc sẽ ổn định, chính-quyền vào tay những phần-tử ôn hòa với chính sách đối ngoại thực tiễn hơn.

Ở trường-hợp trên Mỹ sẽ tùy cơ khai thác. Trong trường hợp dưới Mỹ sẽ tính chuyện bình-thường-hóa bang-giao.

Về phía Tàu, thái-độ chống Mỹ đến kỳ cùng của phe quân nhân trong Đảng do Lâm-Bưu cầm đầu cũng không phải là thái độ dễ lay chuyển. Vào đầu năm 1971, quân-nhân đã chiếm tới 40% tổng-số ủy-viên trong Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng và trên dưới 50% tại các tỉnh-đảng-bộ. Lâm-Bưu, nhân vật số 2 của

(1) Ngay từ 1966, sau chuyến đi Á-châu cho hãng Pepsi-Cola, Nixon đã phác họa những ý-tưởng « tiến tới Bắc-kinh » trong tạp-chí Foreign Affairs; Những ý-tưởng ấy đã được triển khai thêm trong cuộc vận-động tranh-cử 1968. Trong thông-diệp đầu tiên sau khi đắc cử năm 1969 Nixon cũng nhắc lại nhu-cầu liên lạc với Bắc-kinh và chỉ 15 ngày sau khi ngồi vào ghế Tổng-thống, Nixon đã ra lệnh duyệt xét toàn bộ chính sách Hoa-kỳ đối với TC. Trong nỗ-lực hình thành tân chính-sách. Chủ-điểm mà Nixon đưa ra cho những người phụ-trách việc chi-tiết-hóa (chủ chốt là Phụ-tá Ngoại-trưởng Marshall Green và cố vấn Bạch-cung Henry Kissinger) là làm thế nào để Mỹ sẽ không phải là địch thủ số một của Nga hay Tàu, mà chính mỗi nước ấy sẽ là địch thủ số một của nhau.

(2) Năm 1965, trong câu chuyện với André Malraux (Khí ấy là Tổng-trưởng Văn-hóa Pháp được De Gaulle cử đi công-cán riêng tại Bắc-kinh) Mao đã cho thấy Nga mới chính là kẻ thù thực sự của Trung-hoa, chứ không phải Mỹ. Xích-mịch Mỹ-Trung chỉ có tính-cách giai-đoạn, đôi bên rồi sẽ giải-quyết được vì cùng cần lẫn nhau. Trung-hoa cần kỹ-thuật và vốn của Mỹ, Mỹ cần thị-trường rộng lớn của Trung-hoa. Trái lại, xích mịch Nga-Trung sẽ ngày càng gia-tăng, sớm muộn gì cũng phát-sinh chiến-tranh.

Cộng-đảng Trung-hoa, từ Cách-mạng văn-hóa đã nghiêm nhiên được coi là người sẽ kế-vị Mao. Cánh tay mặt của Lâm và Tướng Tham-mưu-trưởng Hoàng-vinh-Thắng cũng nhờ uy-thế của tập-thể quân-đội mà vọt lên hàng thứ tư, kế cận Chu-ân-Lai.

Cuối cùng, cả Nixon lẫn Mao đều đã vượt qua những trở ngại nội bộ để mặt đối mặt nói chuyện với nhau. Hoa-du của Nixon nhìn về lâu về dài là một bước liêu lĩnh so với chính sách *Hậu Mao* chắc ăn cũ, nhưng nhờ tính cách khích-động tinh-thần mạo hiểm lôi cuốn được sự ủng-hộ của đa-số nhân dân Mỹ, nên Nixon cũng đã không bị níu kéo, trở ngại nhiều (trừ sự chống đối của những phần tử cực hữu như J. Buckley, nhóm Mac Intire...). Còn đối với Cộng-sản Trung-hoa, một khi mâu-thuân có tính cách chiến-lược hay có tầm mức định đoạt đường lối quốc-gia thì tất sẽ phải giải-quyết bằng thanh trừng lẫn nhau. Vì vậy trong cuộc thanh trừng tháng 9-71, Lâm-Bưu, Hoàng-vinh-Thắng và đồng bọn đã bị Mao-Chu đánh đổ và loại khỏi Đảng. Đảng Cộng-sản Trung-hoa đã từng ghi nhận những thắng lợi nội bộ của Mao như những chiến-tích lấy lừng không kém công cuộc đánh Nhật, lật Tởng: Nào là đập tan bọn « gia-trưởng » Trần-Độc-Tú, bọn « vị chủng » Cù-Huy-Bộc, bọn « độc đoán » Lý-Lập-Tam, nào là đè bẹp bọn « ác ôn » Vương-Minh, bọn « quân-phiệt » Trương-Cúc-Đạo, bọn « bịp bợm » Lưu-Thiếu-Kỳ. Mai đây, nếu lịch-sử đảng có ghi thêm chiến thắng bọn

« tả khuynh » Lâm-Bưu nữa thì cũng chẳng có gì là lạ, vì sao vụ này Mao đã tự coi việc bắt tay với Mỹ là một thắng lợi lớn.

Nixon cũng tự cho mình đã đạt được một thắng lợi lớn không kém trong chuyến Hoa-du. Mỹ và Tàu đều thắng lợi, chỉ có những rước chur-hầu nằm trong quỹ đạo Mỹ hoặc Trung là thất bại — thất bại trong nỗi chua cay của một món hàng có thể bị trao qua đổi lại.

Giao thiệp Mỹ-Trung tuy mới mẻ nhưng chắc chắn sẽ được đẩy mạnh vào việc trước mắt là lập lại thế thăng bằng quyền lực ở Thái-Bình-Dương và chia vùng ảnh-hưởng (thực chất là chia khu vực thống-trị) ở Viễn-đông, đặc biệt là Đông-Nam Á. Tại Đông-Nam-Á, nếu đôi bên chưa chịu nhường nhau hoàn toàn, thì ít ra cũng đã đồng ý được một điều là sẽ cùng có những nỗ lực chặn đứng bước bành-trướng ảnh-hưởng của Nga-sô, không để Nga-sô một mình tọa hưởng.

Nhìn chung, tương quan Mỹ-Trung là tương-quan của hai Đế-quốc đang cố thoát ra khỏi tình-trạng thù nghịch và chuyển sang tình trạng tương lượng để đôi bên cùng có lợi. Quyền lợi mà hai bên mặc cả phần nhiều đều là quyền lợi bên ngoài mỗi nước, vì vậy cả hai bên đã cùng chấp nhận áp dụng 5 nguyên-tắc sống chung hòa-bình với nhau, điều mà Nga-Trung không thể làm được vì tham vọng lãnh-thò của nhau.

(còn tiếp)

PHẠM VIỆT CHÂU

Kỳ tới Tương quan Nga-Trung Nga-Mỹ...

☐ Tủ sách **THỜI MỚI HẠT TIÊU** với chủ trương :

- Chọn lọc các tinh túy cô đọng nhất của mỗi tác giả.
- Đưa ra những tác phẩm hay, khuôn khổ nhỏ, giá rẻ.
- Phổ biến những tuyệt tác vừa tầm tay và túi tiền mọi người.

☐ Đầu tháng 4-1972 sẽ phát hành tác phẩm đầu tiên :

THƯ VỀ ĐƯỜNG SƠN CÚC

Truyện của HOÀNG NGỌC TUẤN

Tựa của VÕ PHIẾN

- Một lá thư tình gửi đến mọi thiếu nữ đến tuổi yêu đương.
- Một bài thơ rạo rực về TÌNH YÊU và THIÊN NHIÊN.



Giáo dục

cần được quan niệm thế nào ?

Tùy địa vị và thời thế

Từ khi cơ cấu chính thể Việt-nam Cộng-hòa có một phủ Quốc-vụ-khanh đặc trách Văn-hóa, người ta được biết Miền Nam Việt-nam này không còn thỏa mãn với nền Văn-hóa do người Pháp để lại, mà muốn đi tìm một cái gì khác, thích hợp hơn với thời đại. Với sự thành lập một Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục đặt dưới quyền điều khiển của Phó Tổng-thống, ý chí tìm kiếm đó lại rõ rệt hơn nữa. Hội-đồng làm việc, bầu cử 2 Phó Chủ-tịch : một về Giáo dục là Giáo sư trường Đại-học Văn-khoa Saigon, một về Văn-hóa là một soạn giả hữu danh tuồng Hát-bội. Nghĩa là địa vị cao quý thời trước vẫn còn được tôn trọng, nhưng cũng cần nhắc đến một phương pháp giáo hóa cả nhà cầm quyền lẫn dân chúng, mà cổ nhân vốn tế nhị đã biết thể hiện dưới hình thức một môn Văn-ngệ sân-khấu.

Gần đây Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục lại đã kết thúc được một dự-án về chính-sách Văn-hóa Giáo-dục để đưa ra Quốc-hội và Hành-pháp. Thực là một điều đáng mừng. Tuy nhiên nếu nghĩ đến công phu hơn một năm trường tranh đấu vất vả thế nào, Hội-đồng mới hoàn thành được công việc đó thì ta hiểu được rằng con đường « trở về nguồn » để làm sáng tỏ Chính-

nghĩa-quốc-gia còn dài và khó nhọc lắm. Những thành kiến thời bị trị để lại còn nhiều và sâu đậm vì liên-hệ với những quyền lợi thực tế chưa bị phá vỡ. Cho nên có thể nói rằng về vấn đề Văn-hóa Giáo-dục bao nhiêu tài liệu cũng chẳng thừa và vì thế nay có bài này đóng góp. (1)

Quan niệm truyền thống

Theo truyền thống, trong cộng đồng xã-hội Dân-tộc, có 3 cơ-cấu : Gia-đình, Học-đường và Xã-hội quốc dân do một chính quyền điều khiển, hết triều-đại này đến triều-đại khác.

Gia-đình là nguồn gốc Dân-tộc, và cũng là nơi mà con người từ thuở sơ sinh đến tuổi bạc đầu, cùng với kẻ khác tập chung sống yên vui, và gây dựng hạnh phúc cho nhau, từ thế-hệ này qua thế-hệ sau. Sự quản tụ đến tam tứ đại là thường, nếu không cùng nhà thì cùng xóm, cùng làng. Có phải đi xa tha phương cầu thực, buôn ngược bán xuôi, chẳng bao giờ cam tâm bỏ lỡ dịp ngày giỗ Tết về sum họp với gia đình thân thích. Sở dĩ giỗ Tết được coi quan trọng là vì liên-hệ với sinh hoạt cộng đồng gia đình, họ hàng, làng nước như thế.

Nếp sống đó khởi sự có lẽ chỉ là một thói quen thô sơ rất tự nhiên. Về

(1) Rút từ một cuốn giáo khoa « Luân lý Chức nghiệp » xuất bản 12 năm trước đây.

sau mới được hệ-thống-hóa chặt chẽ với nhiều chi tiết, theo giáo lý tu viện Nhà Chúa, nhất là theo Văn-học Học-đường Nho-giáo. Phương pháp truyền bá qua «Chữ nghĩa» chắc giới hạn lắm, mạnh bằng lối truyền khẩu và cứ coi nhau mà bắt chước những «khôn vàng thước ngọc» của thánh hiền để lại. Sau nữa, khi chính quyền muốn lợi dụng Văn-học kén Nho-sĩ giúp việc Hành chánh, thì Văn học trở thành đường lối tiến lên Công danh Sự nghiệp. Do đó từ mười mấy thế kỷ nền Văn-học cổ truyền, có Phật giáo, Khổng giáo, đã nêu lên được cho người Việt-nam những tiêu chuẩn vững vàng cho đời sống tâm linh cũng như đời sống xã hội.

Theo quan niệm giáo dục đơn giản như thế, gia đình một khi đã được Học đường giáo hóa, lại cùng với Học đường xây dựng Xã hội Quốc gia. Những con em có giáo dục trở thành công dân lương thiện và những phần tử xuất sắc (Bảng vàng nêu tên) sẽ trở thành các cấp lãnh đạo tài ba và minh chính. Quả thị Học-đường đã nắm trọn vẹn uy quyền Văn hóa và cứu môn sinh có đạt tới quyền cao chức trọng, phần đông vẫn giữ được bốn phận «đồng môn» đối với thầy học cũ. Đó là một sự thường trong tập quán lịch sử dân tộc.⁽¹⁾

Một điều nữa cần ghi nhớ là khi một triều chính suy đồi, không còn làm nổi nghĩa vụ cai trị và hướng dẫn nhân dân thì sớm muộn trong dân gian cũng có cuộc nổi loạn và cũng nhân danh Chính-nghĩa-quốc-gia, đưa lên chính-quyền một tập đoàn khác. Tập đoàn này phải xứng đáng hơn mới đứng vững

và bình trị được giang sơn, không làm mất vào tay một lân bang hay cường quốc nào, khiến Dân tộc chỉ có danh mà không còn thực chất. Vậy «Chính-nghĩa quốc-gia» là cái lẽ sống còn (Đạo lý sinh tồn) toàn vẹn trên đất nước Tổ tiên. Và nhờ cái nền giáo dục cổ truyền đã được phổ biến sâu xa nên Dân tộc mới sẵn tinh thần chống ngoại xâm từ phía Bắc và âm thầm phản Thực-dân trong thời bị đô hộ.

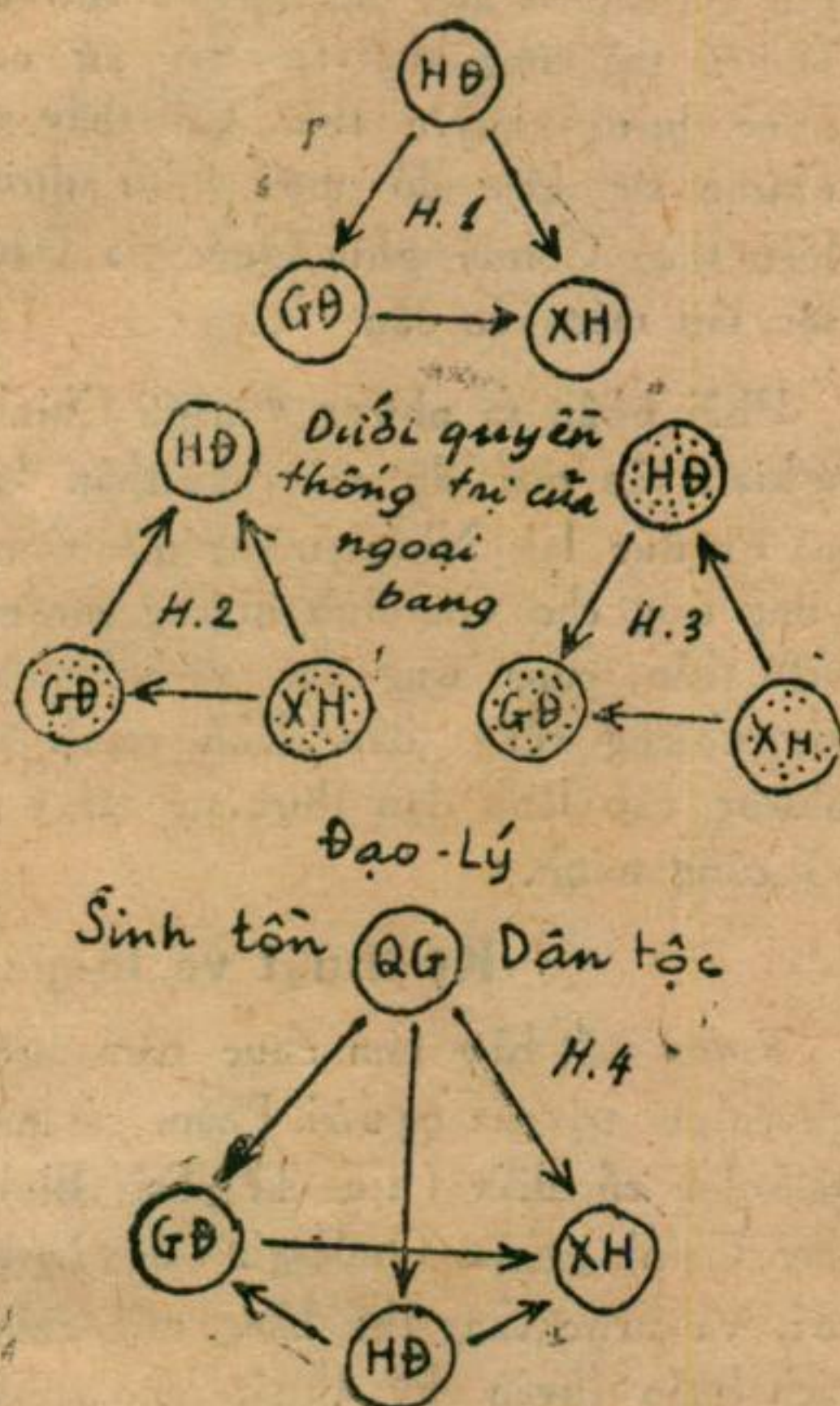
Sự thống trị của ngoại bang

Một khi ngoại-bang, bằng võ lực hay bằng mách lới, đã chiếm đoạt được quyền cai trị chúng ta thì cái quyền đó thống trị toàn bộ quốc dân. Nhưng thành phần chịu ảnh hưởng trước tiên và mạnh nhất là giới thừa hành của họ và gia đình thân thích đương sự. Trong Dân tộc đó là giới quyền thế, gia đình họ vì quá tin quyền thế mà có thể dần dần thoát ly khỏi ảnh hưởng Văn-hóa nhà trường. Chẳng hạn họ đòi dừng quá nghiêm khắc, mà phải biệt đãi con em họ. Mặt khác, vì áp lực của kẻ cầm quyền, Nhà trường muốn đứng được (nhà giáo muốn hành nghề) đối với Chính quyền ngoại bang cũng phải hưởng ứng: chẳng hạn như dành cho ngoại-ngữ một địa vị quan trọng hơn quốc-ngữ.

Đến đây thiên chức của Nhà trường đã bị lật ngược. Thay vì hướng dẫn cả

(1) Chẳng phải vì gương sáng của ông Carnot bên Pháp, lên tới địa vị Tổng-thống mà khi về quê nhà còn tìm đến trường làng hỏi thăm thầy học cũ.

Xem họa đồ tượng trưng. (Hình 1)



(H. 1) Học đường cơ quan Văn hóa hướng dẫn Gia đình và Xã hội.

(H. 2) Học đường bị tấn công hai mặt, GD và XH : Dân tộc hoang mang

(H.3) Gia đình bị tấn công hai mặt, XH và HĐ: Dân tộc bị đe dọa trầm trọng.

(H. 4) Chính nghĩa Quốc gia Dân tộc có được đề cao, Học đường mới lấy lại được uy thế lãnh đạo Văn hóa và cùng với gia đình kiến tạo lại xã hội bình trị.

gia đình lẫn xã-hội về Văn-hóa thì chính thức phải chiều chuộng cả gia đình và xã hội dưới quyền cai trị của ngoại bang. Uy thế Văn-hóa truyền thống làm sao chỗ ng đỡ nổi? (xem hình 2)

Rồi từ khi nhà giáo, dù muốn dù không, cũng phải phổ biến Văn-hóa ngoại lai, (tự nhủ là để chọn lấy cái

hay), với uy tín còn sót lại, càng giúp cho gia đình thoát ly mau lẹ đến hết những ràng buộc lễ giáo cổ truyền. Đến giai đoạn này, Gia-đình là nguồn gốc Dân-tộc, Văn-hóa ngoại lai tấn công cả từ hai mặt : Xã-hội và Học - đường. Truyền-thống dân-tộc bị đe dọa trầm trọng và ý thức Quốc-gia bị xóa nhòa dần. (xem hình 3)

Trong thực tế, những danh từ « Quốc-gia », « Dân-tộc » còn có nghĩa gì đối với một gia đình trong đó từ ông bà, cha mẹ, con cháu, nói với nhau hoàn toàn bằng ngoại ngữ? Lại có kẻ cho thế mới là cao quý!

Đối với chủ nghĩa Cộng-sản thì chiến thuật xâm lăng và đồng-hóa khác hẳn chiến thuật của Thực-dân cũ. Khởi sự chẳng cần đến vũ khí hay quân lực. Họ bắt đầu bằng tuyên truyền trong giới lao động, vốn chất phác dễ tin lại thường bị ức hiếp. Họ khai thác bất mãn, nuôi dưỡng oán thù, lấy động lực đả phá. Nhằm chẳng những nguy quyền mà cả những rường mối gia đình, tổ quốc và tôn giáo mà họ coi là nguyên nhân nổi suy nhược dân tộc. Mặc nhiên Dân tộc bị tấn công ngay vào những điểm tâm lý sâu xa nhất mà đã gần một thế kỷ, danh lợi theo Thực dân đã gạt bỏ đi rất nhiều. Thành thử khi có chiến tranh cách mạng hay chiến tranh giải phóng thì chỉ là « cách mạng của Cộng-sản » hay « giải phóng vào lưới Cộng-sản » mà thôi. Còn gì cho Quốc-gia Dân-tộc đâu?

Sự sống còn của dân-tộc

Phải ý thức được cái nguy cơ Dân-

tộc suy vong và nguyên do dẫn đến sự suy vong như kể trên mới có thể nhận ra đường lối sống còn của Dân-tộc. Sự sống còn đó chẳng phải chỉ như sinh mạng của cá nhân, mà chính là cả cái hệ thống tư tưởng và tình cảm tâm lý được xây dựng dần dần từ ngàn xưa và được nuôi dưỡng liên tục cho nảy nở từ thế hệ này qua thế hệ khác. Khi trong cùng một gia đình một gia tộc, mà vì ty hiềm này khác con cháu không còn biết sót thương cha mẹ, ông bà, tiền nhân... thì cùng dòng giống người ta có thể dễ chém giết nhau vì sung đột ý-thức-hệ. Dân-tộc đang tiến trên con đường diệt vong. Chẳng diệt vong trong tàn sát thì cũng diệt vong trong nô lệ ngoại bang.

Thiên chức của Nhà trường là nghiên cứu cho tương tận Văn-hóa Dân-tộc qua những cá tính Nhân-văn Địa-lý, qua những biến chuyển thăng trầm lịch sử, để tìm ra cho bằng được cách thức loại trừ những độc tố do ngoại nhân độn nhập cho nạn nhân bạc nhược để lợi dụng. Tìm ra cho bằng được cách thức huấn luyện các thế hệ Dân-tộc, các tầng lớp xã hội, cho đều biết lấy sự sống còn của Quốc-gia Dân-tộc làm trọng.

Đó là công việc « ôn cổ tri tân ». Tỷ như trên đất nước này, phải tìm hiểu cuộc Trịnh-Nguyễn phân tranh đã bị người Pháp lợi dụng thế nào để chiếm nước Việt-nam, rồi cả Đông-Dương. Đến khi liên tiếp thất thế trước Nhật-bàn, trước Cộng-sản, trước Hoa-kỳ, họ chính thức phải rút lui, tránh né vào bóng tối, thì dùng người thân tín

giữ ấm chỗ và xếp đặt ngấm, chờ cơ hội có thể công khai trở lại xứ này phục hưng quyền thế. Có thấy rõ những sự kiện đó mới hiểu được hiện thời Chính-nghĩa Quốc-gia Dân-tộc tẩn mác vào đâu.

Phải nhận ra những « mảnh Chính-nghĩa » tẩn mác đó mà thâu thập lại, mà un đúc lại, Nhà trường mới mong cung ứng cho Gia-đình những con em hiểu thảo, cung ứng cho xã-hội quốc-gia những công dân lành mạnh và những cấp lãnh đạo thực sự tài đức và công minh.

Kỹ-thuật và lễ-giao

Trong suốt bảy tám chục năm dưới quyền cai trị của người Pháp, cái nền giáo-dục cổ điển (Tu Tề Trị Bình) theo Chính-nghĩa Quốc-gia đã bị bỏ rơi, và được thay thế bằng một chính sách huấn luyện kỹ thuật cho nhân viên (và hậu bổ) thừa hành cai trị. Lễ sống chính thức mặc nhiên chỉ còn là sự Trung-thành với « Mẫu quốc », được nuôi dưỡng bằng Danh lợi hưởng thụ, trong giới công chức đồng thời cũng là đa số trí thức. Bởi vậy họ hết tin rằng người mình còn có một nền Văn-hóa riêng và Dân-tộc ta vốn biết tự chủ chứ không uơu hèn.

Xét về đối tượng giáo dục thì kỹ thuật cũng như khoa học, chỉ là những phương tiện để hành động, tựa như võ-lực hay tiền-tài. Đối với Dân-tộc, vấn đề đặt ra là những phương tiện đó phải được dùng theo mục đích nào, có lợi hay có hại ra sao. Khi mà những phương tiện đó (trong thâm tâm con người) được đặt lên hàng « Tối thượng », bên trên không cần biết có gì nữa, (mặc

nhuần chỉ có cái ta) thì đó là thứ giáo dục thoái hóa, vì nó chỉ khiến cho con người sa đọa xuống hàng thú rừng.

Bởi thế cho nên truyền thống VN không coi trọng Tôn giáo và dù theo Phật giáo hay Nho học, cũng lấy Lễ giáo làm đầu. (Tiên học Lễ). Lễ giáo chẳng phải chỉ là việc thờ-phụng Tiên-nhân, Tổ-tiên, Quốc-tổ, mà còn là phương-thức giao-tế trong mọi sinh hoạt gia-đình, học-đường, xã hội quốc dân và phương-thức hành xử chính-quyền. Trình độ kỹ thuật càng cao thì Lễ giáo càng phải tinh tế. Đến một mức độ kỹ thuật nào đó, nếu con người không muốn hay không biết thi hành Lễ giáo tương đương, tất phải trở về lối «Vô rùng». Chẳng thế năm vô khi nguyên-tử trong tay các cường quốc đang phải lo tìm ra đường lối giao-tế mới để khỏi bị tiêu diệt với cả Nhân-loại.

...Lễ giáo là tất cả

Sau cả thế kỷ chưa thoát khỏi nạn Thực-dân cai trị lại bị Cộng-sản làm loạn, nếu những khốn khổ phải chịu đựng đã tạm đủ để giác ngộ con người Dân tộc VN, và muốn trao lại cho Nhà trường cái Thiên-chức Văn-hóa của nó, thì phải lại cái quan niệm xưa của Tổ tiên, coi trọng Lễ giáo là tất cả. Lễ giáo mà lành mạnh thì tất cả đều lành mạnh.

Với đời sống phức tạp ngày nay, đành rằng giáo dục phải có kỹ thuật, mới đủ phương tiện sinh hoạt, nhưng quá thiên trọng kỹ thuật (cũng như ỷ vào vô lực hay tiền tài) mà coi thường Lễ-giáo thì cái kỹ thuật có thể chỉ được dùng để che đậy và củng cố tham vọng

riêng tư ; khi cần, cá nhân không ngại phản bội quyền lợi đồng bào, tệ hại nhất là tiếp tay cho thế lực ngoại bang đồng hóa Dân-tộc mình.

Cần nhớ rằng chính vì ảnh hưởng ngoại lai mà giáo dục kỹ thuật đã từ lâu được đề cao (độc tôn khoa học) như thừa thế để thay Lễ-giáo. Kỳ thực thiếu Lễ-giáo, một cá nhân có thể nhờ kỹ thuật chuyên môn của mình mà có được sự sung túc vật chất nhưng chẳng thể đòi hỏi Lễ giáo nơi con cháu ; mặc nhiên từ đây đoạn tuyệt với Dân-tộc đưa giống nòi vào một cuộc phiêu lưu vong bản.

Gần đây Hội đồng VHGD đã làm được một công việc rất đúng, là quyết định không cho Ngoại nhân mở trường Tư-thục từ Mẫu giáo lên Tiểu học đến Trung học. Đáng lý ra, đến Đại học, việc cấp học bổng và cho phép du học tự túc cũng nên buộc thanh niên phải đủ điều kiện Văn-hóa Dân-tộc thế nào mới có bảo đảm khỏi «xuất nã».

Tóm lại, Giáo-dục nên được quan niệm là phương-thức huấn luyện cho con em chẳng những được nhờ kỹ thuật để mưu sinh trong cộng-đồng xã-hội, mà còn được biết nuôi dưỡng mối thông cảm với đồng bào qua Lễ-giáo truyền thống. Có vậy Tâm lý truyền thống mới đủ vững mạnh để bảo vệ sự sinh tồn của Dân tộc trong khi chuyên viên kỹ thuật tìm kiếm kế hoạch hay thi hành những biện pháp cải tiến Dân sinh. Trong suốt thời gian bị Thực-dân cai trị, cái phần huấn luyện tâm lý bị bỏ rơi, vì họ muốn mặc nhiên người VN phải hướng về «Mẫu quốc». Nhưng bây giờ .. Ngoài Bắc phải hướng về «Thành-trị» nào ? Trong Nam này, chắc chắn không có ai cảm người VN đề cao Đạo lý sinh tồn của Dân-tộc để lấy phương-châm, sinh hoạt cho đời mình có ý nghĩa.

NGUYỄN GIA TƯỜNG

Cadao mới phát hành:

— **NIETZSCHE, CUỘC ĐỜI VÀ TRIẾT LÝ**

của Felicien Challaye — Mạnh Tường dịch

Sách in lần 2 có thêm gần 40 trang trước đây bị kiểm duyệt bỏ.

— **THÂN PHẬN, Thơ Hoài Khanh**

in lần thứ 3, toàn giấy trắng, mẫu bìa và phụ bản của Nguyễn Khai.

— **CUỘC ĐỜI CỦA ĐẠI NHẠC SĨ BEETHOVEN**

của J.W.N. Sullivan — Mạnh Tường và Quế Thanh dịch

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CÔ ACIDE GLU...MIQUE



*khải vị,
ăn thêm ngon*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

EN 2071, 6Y1

Một trung tâm sáng tác văn nghệ

(Bài nói chuyện tại Trung-Tâm Văn-Bút, sáng Chủ nhật 19-3-1972)

... Tương truyền cô gái nước Việt, là nàng Tây Thi, có một nhan sắc đẹp tuyệt trần, liếc qua là nghiêng thành, liếc lại là nghiêng nước. Năm 1946, ở Hà Nội, tôi mới làm quen với Khái Hưng lần đầu, trong một buổi tiệc hằng tuần, tại nhà xuất bản Minh Đức. Sau khi biết rằng Khái Hưng thường ký tên là « Chàng Lăn Thẩn » trong nhật báo *Việt Nam*, do Nhất Linh Nguyễn-Tường-Tam chủ trương, tôi đường đột :

— Anh cho tôi hỏi anh một câu rất lẩn thẩn...

— Anh cứ hỏi, Khái Hưng đáp với một nụ cười. Tôi tin rằng, ví như câu hỏi anh có một cái bề ngoài lẩn thẩn đi nữa, thì thâm ý chứa ắt là như vậy.

— ... Tôi hỏi anh, ví như nàng con gái nước Việt, thường ngày giặt lụa ở bờ sông, và có tên là Tây Thi, nếu chẳng có được Phạm Lãi bắt gặp, đem về dạy dỗ, hóa trang sắc đẹp, tập tành đàn, hát, múa, ca luyện rèn thơ, họa, võ trang tinh thần, thì nàng ấy có đi vào lịch sử muôn đời với cái danh là tuyệt sắc giai nhân chăng ?

— Chắc chắn là không, Khái Hưng đáp. Trong thôn quê, có biết bao nhiêu nàng con gái mà Tạo hóa cho sẵn một cái đẹp thiên phú, thế mà bị hoàn cảnh làm mai một... Mà tại sao anh lại hỏi tôi một câu lẩn thẩn như vậy ?

— Bởi tôi nghĩ rằng, trong thiên hạ, có chẳng biết bao nhiêu kẻ được tạo

hóa thiên phú cho một văn tâm rất phong phú. Ví chẳng khác chi nàng Tây Thi được trời cho sẵn có một cái đẹp thiên nhiên, nhưng chôn vùi trong nếp sống thôn nữ, chẳng khác chi ngọc tốt và quý còn nằm giữa đá. Vấn đề, theo tôi, là cần có những Phạm Lãi trong văn nghệ, để đi tìm những « Tây Thi văn nghệ » mang về mà uốn nắn, hun đúc, rèn luyện, tập tành, để cho những « Tây Thi văn nghệ » này phục vụ cho sứ mạng của mình. Nói cách khác, cần có một nơi na ná như nơi mà Phạm Lãi biến cô gái giặt lụa thành một mỹ nhân khả dĩ làm cho Ngô Phù-Sai mê say mà cơ nghiệp nước Ngô phải đổ nát...

Khái Hưng nhìn nhận rằng kinh nghiệm của cái « trung tâm sáng tác » ở Thái-hà-ấp, đối với nhóm Tự-lực Văn-đoàn cũng noi theo chiều hướng lập luận của tôi. Câu chuyện, tới đây, hết thành lẩn thẩn, nên chúng tôi sang qua vấn đề khác.

Câu chuyện sáng tác văn nghệ lớn vốn trong đầu óc tôi từ những năm 1946 ấy. Tôi cảm thấy tôi giống như cô gái giặt lụa, đang mong chờ một Phạm Lãi giải thoát mình khỏi thân phận giặt lụa, mang về một trung tâm huấn luyện, hầu trở thành một tuyệt sắc giai nhân. Chẳng phải riêng đối với Khái Hưng, mà bất cứ đối với ai, tôi cũng có một thái độ cầu cạnh. Câu chuyện kể nơi trên xảy ra tại nhà xuất bản *Minh-Đức*. Cũng nên nhắc sơ qua

cơ hội nào mà một kẻ dùng văn lại gặp gỡ những nhà làm văn.

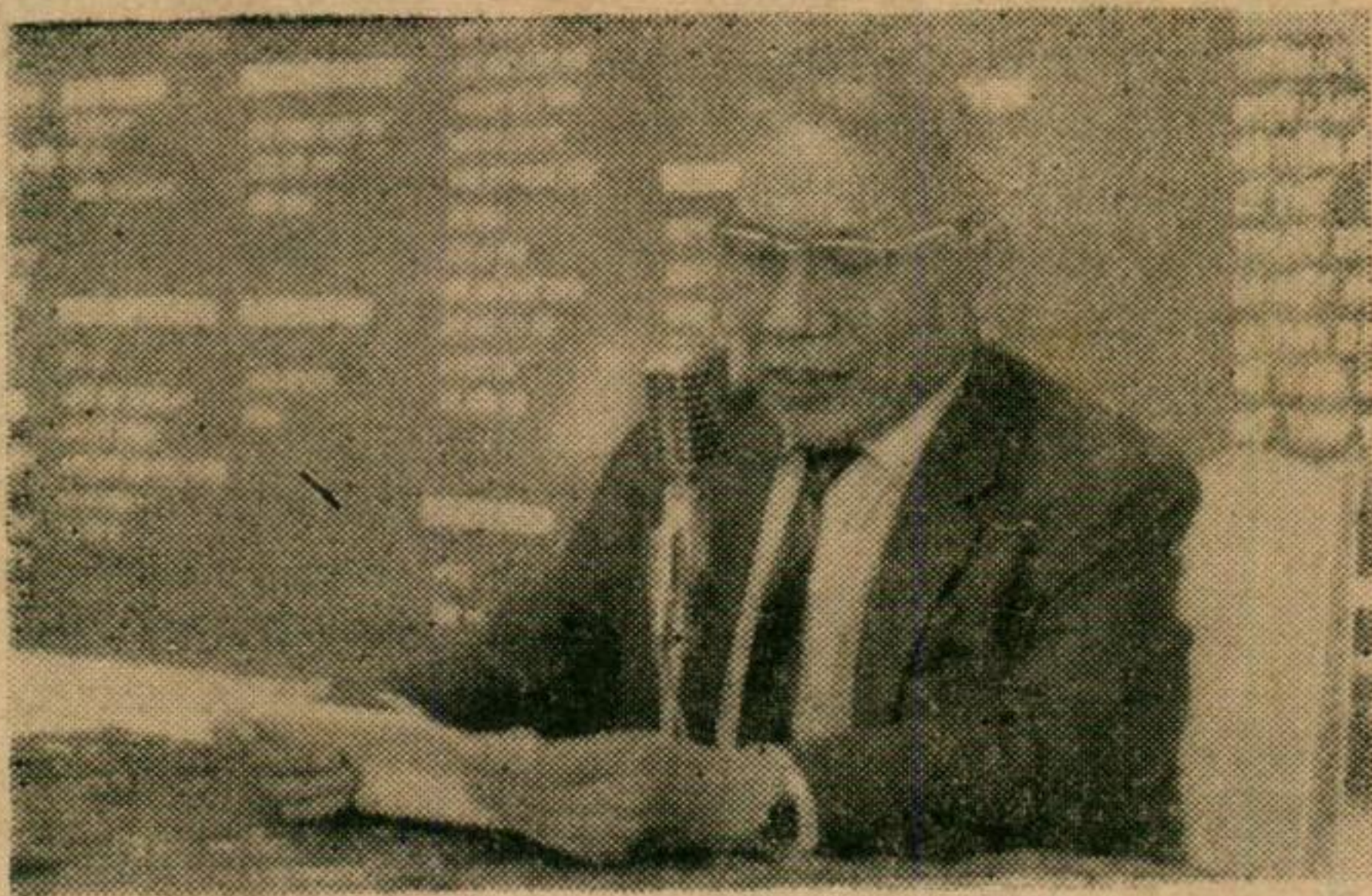
Cuối năm 1945, nhà văn Phạm Ngọc Khuê mai mối mà bán cho tôi bản thảo *Muốn hiểu chánh trị*. Gặp lúc « thời lai phong tổng Đảng vương các », lúc mà toàn dân vừa chỗi dậy giành quyền độc lập, thì người người đều muốn hiểu chút ít về cái thứ khó tiêu, và có tên là « chánh trị » này, nên quyển sách có cái tên hấp dẫn nọ, mặc dầu mang tên trước tác là một bút hiệu chưa từng xuất hiện trong làng văn, là « Thuần Phong », song với cái bìa quyển rừ của Tô-Ngọc-Vân trình bày, sách ấy bán rất chạy. Chỉ có một tháng sau, là ông giám đốc nhà xuất bản Minh-Đức phải trưng bản quyền này, luôn dịp, ông Trần Thiệu Bảo lấy đà đó mà xuất bản luôn của tôi mấy quyển khác: Như *Phong kiến là gì?* (với bút hiệu Duy Minh), *Vấn đề dân tộc* (với bút hiệu Huấn Chi). Ấy là đến cuối tháng 5 năm 1946. Tình trạng doanh thương của nhà Minh Đức được sáng tươi, chủ nhân thuê một biệt thự rộng, có nơi hội hiệp chứa nổi cả trăm người. Để thực hiện một cái mộng mà tôi đã bắt đầu ấp ủ. Là lấy trụ sở của nhà Minh Đức mà làm một trung tâm sáng tác văn nghệ.

Khi tôi xúi ông Trần Thiệu Bảo làm cái đầu tàu lôi kéo các toa xe khác mà hướng vào con đường này, tôi cũng có mục đích vị kỷ mà lẩn núp sau cái bình phong vị tha. Vị kỷ, là nhờ có cái trung tâm này, mà kẻ dùng văn, là tôi, được sống gần gũi, mật thiết trong làng văn, giữa những cây

viết tiền bối để mà « ăn cắp nghề ». Còn vị tha, là tôi hy vọng rằng rồi đây, một số bạn trẻ, nhờ bầu không khí này hun đúc, mà trở nên nhà văn lỗi lạc.

Để góp chút ít hồ sơ vào văn học sử, xin ghi sau đây một vài ký ức. Nội qui, nếu được gọi như vậy, rất là rộng rãi, phóng túng. Cửa của trung tâm mở rộng. Anh em văn nghệ sĩ, ai đến cũng được, có vắng mặt mà không hoạt động, cũng chẳng bị khai trừ khiển trách, chẳng đóng nguyệt liêm, mà cũng chẳng có bốn phận nào. Nhưng mà kỷ luật, vốn vẹn có một điều duy nhất, lại rất sắt thép. Là ai bước vào trung tâm, thì xin tạm cởi cái áo, và cuốn ngọn cờ chánh trị mà gởi ở ngoài. Và đi vào trung tâm là nhà văn, là nhạc sĩ, là nghệ sĩ, lấy tình văn nghệ mà đối xử với nhau, không để cho anh chiến sĩ mang căm thù, uất hận và thành kiến vào mà làm thương tổn tình bằng hữu.

Nhờ cái nội qui này, mà ban đầu có họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung, họa sĩ Tô Ngọc Vân, nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát, kiến trúc sư Nguyễn Quang Luyện, thi sĩ Tú Mỡ, nhà văn Nguyễn Tuân, Đỗ Phồn, Đoàn Phú Tứ, Phạm Ngọc Khuê, Nguyễn Đình Lạp, Hồ Hữu Tường. Số ấy có thể gọi là sáng lập viên và nhân viên thường trực. Gặp nhau vài kỳ, thì thi sĩ Thế Lữ và kịch gia Vi Huyền Đắc nhập bọn, kể rồi Phan Khôi, Khái Hưng. Đại khái những vị này là đội quân « chủ lực ». Thỉnh thoảng, đôi lần, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đến ngâm thơ của mình. Thỉnh thoảng, nhóm này lại tổ chức những buổi họp khoáng đại, như trong dịp



lễ kỷ niệm giỗ nhà văn Vũ Trọng Phụng, thì thật là đông đảo, đếm cả gần trăm. Tôi còn nhớ, buổi chiều ấy, nhà xuất bản có mời gia đình của Vũ Trọng Phụng đến dự lễ phát hành quyển *Số đỏ*. Tôi còn nhớ Nguyễn Tuân ranh mãnh, nheo mắt đề nghị cho in lại tiểu thuyết này, và nói nhỏ bên tai tôi: «Tụi nó đúng là gặp thời, như là Xuân tóc đỏ». Chắc là quý văn hữu đã biết Nguyễn Tuân ám chỉ ai. Tôi còn nhớ buổi ấy, Giáng Kiều ngâm thơ, Ngu Í cao hứng cởi áo vung lên mà diễn một xen ngắn. Rồi anh em bắt buộc tôi phải ngâm một bài thơ ngắn để cho anh em nghe được giọng ngâm thơ miền Nam. Tiệc trà mãn, bạn bè kiêu từ, thì còn lại cái nhóm hẹp sanh hoạt như mỗi tuần, vào chiều thứ bảy.

Cái sanh hoạt thường lệ này, tưởng cũng nên vén màn lên mà trình lại nơi đây một đôi hình ảnh cũ, xưa hơn một phần tư thế kỷ. Mục đích của cuộc sanh

hoạt này là cởi mở, để giúp cho người trong nhóm tìm cái bầu không khí đồng loã cho sự sáng tác văn nghệ. Nó khởi sự từ chiều thứ bảy, và chấm dứt sang hôm sau, với những tia sáng đầu tiên của buổi mặt trời mọc ngày chúa nhật. Nếu tôi không lầm, có lẽ nhờ bầu không khí này mà Nguyễn Tuân tìm được hứng và tứ để viết một bài tùy bút, mà tôi chủ quan, cho là hay nhất của anh, có lẽ của loại này nữa. Nếu cho tôi ở vào bàn giám khảo chấm điểm các bài tùy bút của nhà văn chuyên viết tùy bút ở làng Mọc, thì chắc chắn là tôi sẽ sắp bài *Có một nền Văn hóa đờ hộp* vào ưu hạng. Và cũng có lẽ bầu không khí của trung tâm sáng tác văn nghệ này đã gây hứng cho tác giả của Nguyễn sáng tác ra giai phẩm nhan đề là *Chùa đàn*, trước khi đeo mang ba-lô mà dẫn thân làm anh cán bộ văn nghệ.

Sở dĩ tôi dám nêu giả thuyết ở trên là vì lúc nọ, nhà văn Hoài Thanh vừa

cho ra một tập tiểu luận nhan đề là *Có một nền văn hóa Việt Nam*. Sách vừa phát hành, thì thứ bảy tuần đó, Nguyễn Tuân ôm một bầu rượu bằng pha lê tinh, rượu bọt trong vắt, ra nhà xuất bản Minh Đức, gặp ôi xách một bọc chả giò, cuốn sẵn, nhưng chưa chiên, cũng vừa đến. Vừa bắt tay tôi, tác giả của *Vang bóng một thời* vội vàng hỏi:

— Anh có đọc tập sách của Hoài Thanh chớ?

— Có. Sao?

— Hẳn chứng minh sự hiện hữu của một cái gì cũ xưa cả bốn ngàn năm, thì ai cũng chấp nhận là có rồi. Có gì là khó? Có khó chăng, là chứng minh cho tất cả thấy và chấp nhận sự hiện hữu của một cái văn hóa vừa xuất hiện, mà chưa ai quen kia!

Ý tôi dường hiểu Nguyễn Tuân muốn nói gì. Nhưng muốn tránh lòng khỏi bị nghi ngờ, tôi hỏi:

— Anh trở cái văn hóa vừa mới xuất hiện, ấy là cái văn hóa nào?

— Tôi muốn nói cái văn hóa rập con người theo chung một mẫu cả. Đó là cái « văn hóa đồ sộ », để dành xơi lâu được, nhưng nó lại nhạt phèo, xơi chán lắm. Có ai lấy cá mè hộp mà nhậu với rượu bọt đâu? Bọt rượu như tôi, vừa thấy rót vào ly thứ rượu vừa lên tới nửa ly là bọt sôi đã tràn rồi, và cũng vừa cảm thấy mình tuy chưa uống mà đã say túy lúy, thì bọn tôi vẫn nhậu được với một quả me tươi cùng chén muối ớt. Song nhất định, không thể nào khui hộp cá mè để mà hai ba anh em đánh chén...

Những anh em khác đến, nói chuyện hàn huyên. Chủ nhà lo hâm nóng phần ăn của mỗi người mang lại, phần ăn chỉ vừa bụng mình chứa thôi, nhưng mỗi người mỗi khác, và góp chung lại thì chúng tôi có một bữa tiệc thịnh soạn đếm chừng mười mấy món khác nhau, mà chẳng ai tốn thêm một đồng nào hơn là bữa ăn trong nhà. Riêng Nguyễn Tuân thì lo rượu, mà khỏi lo thức ăn còn Trần Thiệu Bảo thì chịu nổi cơm và củi lửa để hâm thức ăn cho nóng lại.

Trong bữa cơm, có khi kéo dài cả hai ba giờ, thì câu chuyện được bàn là câu chuyện chung của tất cả. Mỗi người góp món ăn tinh thần của mình cho buổi họp mặt được hào hứng, cũng như mỗi ai đều có mang theo thức ăn riêng của mình cho buổi tiệc được ai ai cũng khoái khẩu. Tiệc xong, thì tự do mà dậm lại, nhóm hai, nhóm ba, nhóm năm, và cũng tự do rời nhóm này để sang qua nhóm khác hay tiếp tục theo một luồng cảm hứng nào vừa bắt gặp.

Hôm ấy, cái đề tài « văn hóa đồ hộp » đã đem lại cho tôi hào hứng. Nguyễn Tuân, rượu đã ngà say, tôi kéo chàng lại một góc, trải chiếu lên sàn gạch, kéo chàng nằm xuống. Và tôi đóng vai trò Thân Công Báo mà khích cho chàng chửi cái « văn hóa đồ hộp ». Chẳng phải vì thành kiến chánh trị hay văn hóa gì cả. Nay, tôi xin thú thật rằng lúc đó, tôi chẳng phải hèn nhát gì, mà bên ngoài chẳng dám chống đối lại cái văn hóa bên này hay bên kia, còn bên trong ứ tràn uất hận, nên mượn miệng Nguyễn Tuân mà chửi cho hả dạ. Đêm đó, rù rì với nhau chỉ có hai anh chẳng có ai xen

nghe hùn, thì chưởi mà ai nghe? Vả lại, nếu tôi chưởi, thì lời của tôi như rựa chém đất, như dùi đục chấm nước mắm, có thú vị nào đâu? Còn, cũng cái chưởi ấy, mà vào miệng của Nguyễn Tuân, thì có dây, có nhợ, có ca, có kệ, có điển, có tích. Nghe mà mê. Đồng bào ở miền Nam chỉ biết chưởi cộc lốc. Thật tình chưa hưởng được cái thú vị nghe chưởi. Tôi ra Hà Nội năm 1945, vào ở Bạch Mai với Phạm Ngọc Khuê, gần nhà Nguyễn Đình Lạp. Một hôm Đình Lạp dắt tôi đi chơi rong ở chốn ngoại ô, thỉnh thoảng thấy tôi đứng khựng lại mà chẳng chịu bước tới theo anh. Anh trở lại hỏi, té ra là tôi đứng dừng lại để mà nghe một bà già mắt một con gà đang đứng chưởi. Nghe mà khoái lổ tai. Tôi cứ tưởng tượng ngày nào buồn chán, tôi lên đi ăn trộm gà, rồi rình gần đó để mà nghe chưởi, Nguyễn Đình Lạp nghe tôi kể tâm sự nọ, cười xòa nói:

— Thằng cha Nguyễn Tuân nó mà chưởi, thì anh nghe còn sướng đến bậc nào!

Từ hôm ấy, tôi định lập tâm nghe Nguyễn Tuân chưởi cho khoái lổ tai. Gặp con người có những cái khoái kỳ lạ, mà lấy lý trí khó biện minh được. Trong việc chưởi gồm cả ba cạnh khía, chân, thiện và mỹ. Việc chưởi ấy có đúng sự thật chẳng? Việc chưởi ấy có hợp đạo lý chẳng? Tôi xem nhẹ hai vấn đề chân và thiện. Yếu tố mà tôi khoái nghe trong việc chưởi, là yếu tố mỹ. Chưởi nghe cho hay, cho đúng điệu nghệ thì kẻ nghe cũng có thể có một cảm giác nà ná như bọm nhậu nốc một ly rượu cay xé lưỡi vậy. Đời tôi, tôi thường

chọc cho chúng chưởi, và tôi nghe chưởi ít khi biết giận. Chỉ biết khổ, là khi nào họ chưởi nghe tẻ quá, không xứng đồng tiền bát gạo mà thôi. Bấy giờ, nghe Nguyễn Đình Lạp giới thiệu rằng Nguyễn Tuân chưởi hay, thú thật, tôi thềm nghe hết sức. Nhưng mà, từ khi làm quen với Nguyễn Tuân, tôi được hẳn ta yêu và quý. Chẳng lẽ đem đổi một tình bạn nồng nàn, để chác lấy một thú vui thềm vụng, mà chọc cho hẳn chưởi, để nghe cho sướng lổ tai? Nay gầy dịp may mà hẳn chưởi bằng quơ, chưởi tập thể cái văn hóa đồ hộp, tôi thích thú quá, khích cho hẳn chưởi cái « văn hóa đồ hộp » cả một đêm, thì tội gì mà không khích cho hẳn chưởi? Ví như hẳn chưởi tôi, tôi cũng dành vành tròn lổ tai để nghe, hưởng hồ là chưởi cái văn hóa đồ hộp.

Tuần sau, khi Nguyễn Tuân đến như hường lệ, hẳn ta, thêm vào bầu rượu, lại cầm theo một tờ báo, có đăng bài tùy bút mới của anh, nhan đề là « *Có một nền văn hóa đồ hộp* ». Nguyễn Tuân cười hề hề nói:

— Anh cắt tờ báo này, để khi nào buồn buồn, anh lấy ra mà đọc. Thằng cha kiểm duyệt, khi đọc qua, tưởng đâu tôi chỉ chưởi cái văn hóa Hoa-kỳ mà thôi. Hẳn lấy làm hứng thú, khen hay. Nên hẳn cho in, chẳng bôi bỏ chữ nào. Ba hôm sau, không biết bọn phải gió nào đau gần chết, cầu vồng hồn tổ tám đời về mách cho biết, là muốn hết chúng phải gió, thì lại Nha kiểm duyệt mà tố giác, mà moi móc rằng bài này cũng chưởi luôn cái văn hóa của tổ sư chúng nó. Tội nó đọc lại, găm cái văn hóa

của mình cũng là một thứ văn hóa đồ hộp nữa, nên cho đi hết số báo đó.

Bài *Có một nền văn hóa đồ hộp* chẳng những là một tùy bút hay, mà là một mẫu văn chửi rất điệu nghệ, đáng làm kiểu mẫu cho loại văn chửi...

Đêm ấy, đề tài được thảo luận chung với Nguyễn Tuân lại nghiêm chỉnh hơn. Là làm thế nào để « chửi », mà chẳng có tiếng chửi và giọng chửi. Bàn thì bàn đại cương vậy, nhưng chẳng ai để ý mình phải làm gì. Riêng Nguyễn Tuân sau đó vắng mặt hai tuần. Kết quả là tác phẩm *Chùa đàn*, mà có lẽ quý vị đã có người được đọc.

Cái « trung tâm sáng tác văn nghệ » thuở ấy, chẳng những gây hào hứng hun đúc văn tâm, mai mối văn tứ cho những nhà văn đã thành tài rồi, mà nó lại còn giúp chẳng nhỏ cho kẻ sắp sửa bước vào làng văn. Tôi xin gác ngoài những việc riêng của tôi. Tôi cũng chỉ xin đơn cử một mẫu chuyện nhỏ, để mời quý vị tế nhận rằng gián tiếp, nó cũng tạo được một cái gì, bằng những ảnh hưởng gián tiếp.

Cũng vào lúc ấy, tôi ngụ ở phố Hòa Mã, ở trên gác. Mỗi lần tôi đi hội với anh em trong làng văn nghệ ở nhà xuất bản Minh Đức về, thì hôm sau, có một nhóm sinh viên đến nghe lóm lại những trò gì hay. Sau này, tôi mất liên lạc, không biết nhóm sinh viên này có sản xuất được nhà văn lỗi lạc nào không. Nhưng năm 1969, sang Pháp, tôi gặp lại một cô, bây giờ đã trở thành bà, trước kia đã là sinh viên năm thứ năm về Nha khoa, bây giờ đã trở nên một nhà điêu khắc nổi tiếng trong giới kiểu

bào tại Pháp. Ấy là chỉ nhờ ảnh hưởng gián tiếp của cái trung tâm mà thôi,

Lại cũng lúc ấy, một hôm anh Phạm Ngọc Khuê dắt đến giới thiệu cho tôi một thanh niên độ vừa hơn hai mươi, bảo tôi chứa trong buồng và theo an ủi. Vì anh chàng này đương thất vọng nặng nề, thêm bí lối thoát, nên vừa toan quỳ sinh. Trước đây, chàng bỏ học, sang Liễu Châu và theo phò tá Nhất-Linh trong những hoạt động cách mạng. Đến khi cùng Nhất Linh về xứ, hấn ta còn hoạt động hăng hái hơn, hóa ra lộ liễu tại vùng Quan Thánh. Hấn phải chạy lên vùng Vĩnh Phúc Yên... Khi túng nước, Nhất Linh cuốn gói sang Tàu, thì hấn bị bỏ quên cô đơn và bị trình sát rượt, một thân trơ trọi, bị đuổi, mà chẳng có tiền túi, mà viên đồ chánh trị tối om. Ra đường thì mắc lưới khủng bố, hoạt động bí mật, thì tẩm thân cô đơn. Chàng chẳng biết đi vào đường lối nào, để cho lòng và đời sống hòa hợp nhau mà chẳng giầy vò tâm can của một chàng trai yêu nước.

Tôi nuôi chàng trong nhà hơn tháng, khuyên chàng, dọn tâm hồn và điều kiện cho chàng đầu quân. Với cương vị của một người dân yêu nước, trước mặt chỉ biết có kẻ thù dân tộc, chẳng cần liếc hăi bên dóm sau lưng mình coi là bạn hay thù mà bận lòng. Nhưng lắng nghe những tiếng nói thầm kín, nhưng sâu trong đáy lòng của những thanh niên đồng đội. Ví như lòng còn thổn thức, thì cố gắng dúc kết tiếng nói thầm kín chung của những anh lính như chàng, để mà thay lời họ, mà nói nỗi lòng chung của họ, trong những bài thơ.

Tôi khuyên chàng làm thơ, bởi tôi

nghĩ rằng vào tuổi chàng, lời thơ là trung thực hơn tất cả. Mà riêng tôi cũng có dụng ý. Mặc dầu lúc ấy, tôi lớn hơn chàng độ mười lăm tuổi, song tôi cũng như chàng, là chẳng sành những xảo thuật của nhà thơ. Sẵn trong cái « trung tâm sáng tác » có hai thi bá là Thế Lữ và Tú Mỡ, thì những gì chàng thắc mắc và cần học, tôi thay cho chàng mà đặt câu hỏi cho hai vị tiền bối này trả lời. Tôi học cho chàng, mà cũng học cho tôi...

Tám năm sau, tình cờ tôi gặp một người vừa theo phong trào di cư mà vào Nam. Lời nói đầu tiên mà tôi được người ấy nói cho nghe là :

— Anh Tường à, thằng Quang Dũng mà anh đào tạo ở Hà Nội trước khi có binh lửa đó, bây giờ nó làm thơ hay đáo để. Có thể nói rằng mỗi anh vệ quốc quân đều có một tập thơ Quang Dũng trong túi ba lô.

Thật là bất ngờ. Tôi không biết chàng thanh niên toan tự tử có tên là Quang Dũng. Và thật sự tôi cũng chẳng đào tạo chi cho hắn. Thầy của hắn là Tú Mỡ và Thế Lữ nói riêng, là cái trung tâm sáng tác nói chung kia.

Kính thưa liệt quý vị,

Mục đích của buổi nói chuyện hôm nay không phải là để nhắc lại một trang của văn nghệ học sử. Càng không phải là để đề cao hay nhắc nhở đến tên tuổi của một số nhà văn nghệ được gọi là « ở bên kia ». Cái chuyện « ở bên này » hay « ở bên kia », chúng ta nên gởi ở ngoài cổng của làng văn nghệ, hoặc là dành riêng cho những nhà « văn nghệ

dẫn thân » cho sắc áo và màu cờ của mình. Tôi chỉ muốn cùng quý văn hữu bàn bạc đến cái gì Vĩnh cửu hơn, và có thể trường tồn với dân tộc. Tức là về vấn đề sáng tác văn nghệ.

Cũng theo chiều hướng ấy, tôi xin mời quý văn hữu cùng tôi liếc nhìn sang qua làng văn của một dân tộc mà tình cờ của lịch sử bắt buộc chúng ta đã làm quen ngót trăm năm. Dân tộc Pháp, từ vài trăm năm nay, được nổi tiếng là dẫn đầu văn nghệ thế giới. Và kinh đô Ba Lê được gọi là « kinh đô ánh sáng », không phải bởi lý do là ban đêm, dân của thành phố này đốt đèn sáng rực một cõi trời. Về phần đốt đèn sáng rực ban đêm, có lắm thành phố còn đốt đèn sáng rực hơn Ba Lê xa. Nhưng mà người ta nói về ánh sáng của Ba-Lê, là nói tượng trưng, về cái vị trò của Ba-lê rực rỡ trong văn nghệ. Cái mộng chung của tất cả nhà làm văn nghệ trong thế giới, là thấy tác phẩm của mình được hoan nghinh và suy tôn tại cái đất ngàn năm văn vật này. Bởi vậy cho nên, suốt từ thế kỷ XVIII, cho đến ngày nay, bao nhiêu tinh hoa văn nghệ đều tích súc tại đây, và nước Pháp đã tạo được một truyền thống văn nghệ, mà găm lại, ta cũng nên bắt chước những phần nào phù hợp với dân tộc tính của ta, mà cũng là cái hay của họ.

Tôi xin đơn cử một vài cố gắng, trước là của một vài cá nhân trứ danh, kể đến của nhóm, của tập thể, của nhà nước.

Trước hết, tôi xin thuật lại một vài kinh nghiệm cá nhân. mặc dầu lúc ấy, tôi chưa cầm bút viết văn hay dùng văn

chi cả. Năm ấy là năm 1929. Tôi vừa vào học Đại-học Farseille được vài tháng, thì có một vài sinh viên khuynh tả rủ đi du ngoạn. Đi chơi vốn là cái thích của tuổi trẻ, huống chi trong nhóm lại có mấy cô đầm sinh viên mỹ miều duyên dáng. Nên tôi chấp nhận. Nhóm thuê tàu nhỏ mà đi ra một hòn đảo con cách thành phố độ năm sáu ngàn thước, và có tên là Château d'If. Tên này, tôi đã có đọc thấy trong tiểu thuyết. Nó là một hòn đá mọc sừng sững giữa biển. Vào thời Trung cổ, nơi đây, bọn phong kiến có xây một thành trì vững chắc để chế ngự bọn cướp biển toan ngang dọc quanh đó. Về sau, bọn vua chúa biến thành trì này ra một ngục đá ghê tởm, để nhốt những tên tù bất trị, trong những thạch thất hẹp và khủng khiếp. Nói là viếng đảo, sự thật là để viếng cái ngục đá đó. Nơi đây tôi đã thấy tận mắt hai cái phòng xà lim kề nhau, ngày xưa đã dùng mà nhốt chàng Edmond Dantès và vị tu sĩ mà chàng ta trao xác, để chàng ta giả chết, được khi xác bị ném xuống bể, là chàng ta vượt ngục. Sự thật lịch sử chỉ có đến chừng đó. Nhưng mà nhà tiểu thuyết trứ danh, là A. Dumas moi tìm hồ sơ, dựng đứng những nhân vật phụ thuộc, dùng tưởng tượng thêm dặt mà viết bộ tiểu thuyết được dịch hầu đủ hết thứ tiếng là *Bá tước Monte-Christo*. Lại có một xà lim khác, tương truyền là vào thế kỷ thứ XVII, đã dùng mà nhốt một người chẳng ghi danh tánh trong sổ bộ của nhà lao, mà cái mặt và cả đầu đều bị dấu sau một chiếc mặt nạ bằng sắt. Chỉ chừng ấy tài liệu, mà A. Dumas cũng dùng được làm đề tài để sáng tác,

thêm dặt ra bộ tiểu thuyết *Mặt nạ sắt*.

Lúc ấy, tôi là sinh viên khoa học, suốt năm chỉ thấy trong óc những bài toán mà thôi. Nhưng mà, trong khoảng khắc, trí tôi lại mộng tưởng rằng : «Đảo Côn Lôn mình đã nhốt không biết bao nhiêu anh hùng nghĩa sĩ, cũng như những tướng cướp lừng danh, những tay sát nhân kinh khủng, mà sự tích cũng chẳng thua phần hào hứng. Ước gì mình có văn tài như A. Dumas, rồi được viếng đảo Côn Lôn, nghe kể lại những sự tích ly kỳ, thì tiểu thuyết mình sẽ nào có dở?» Lúc ấy, tôi nghĩ vậy. Chẳng dè lời ước được viếng Côn Lôn đã được hai lần thể hiện. Chẳng những tôi được viếng Côn Lôn với tư cách là du khách, đi qua như cơn trốt, mà tôi còn được sống chung lộn với tù nhân, nghe họ kể biết bao nhiêu chuyện quả thật ly kỳ dằng dặc cả mười lăm năm. Thế mà tôi chẳng khai thác được một mẫu chuyện để sáng tác một tiểu thuyết hấp dẫn mà đề tài rút từ Côn Lôn. Đó là bằng chứng rằng tôi chỉ một nhà văn bất lực, theo nghĩa văn chương của danh từ này. Nhân tiện, tôi kêu gọi những tiểu thuyết gia có chọn tài, tìm nơi đó những mẫu chuyện mà làm đề tài. Thật chẳng thua gì tiểu thuyết của Thi - Nại - Am hay của A. Dumas.

Đi chơi xong, tôi mới hay rằng nhóm sinh viên lại là một thứ «trung tâm sáng tác» mầm non, của một số sinh viên sinh văn chương, và tập tành nhảy lên văn đàn, và hoạt động, tuy chẳng có phương tiện nào cả, song vẫn đứng theo truyền thống văn chương mà nước

Pháp đã súc tích cả một vài trăm năm.

Năm tôi học đó, có thể nói rằng mỗi châu thành nhỏ nhỏ của nước Pháp đều có một Hàn-lâm-viện (académie) na ná như những « thi văn đoàn » đương mọc như nấm trong các trường trung học ở xứ ta. Khác có điều là họ làm việc có nề nếp, qui củ, có truyền thống hơn, một truyền thống đã súc tích rất nhiều kinh nghiệm. Lúc tôi kể chuyện đó, thì nhóm này tựa nơi tuần báo *Monde* do hai nhà thủ lĩnh văn nghệ của nước Pháp thời đó, là Romain Rolland và Henri Barbusse sáng lập. Báo này phát hành ngày thứ sáu. Những hội viên của những nhóm, của những « hàn lâm viện » nhỏ nhỏ rải rác khắp nước đã có thời giờ đọc kỹ từng bài, để rồi ngày chúa nhật, họ gặp gỡ nhau, hoặc tại trụ sở, nếu có, hoặc tại quán cà phê, quanh ly rượu, tách trà của ai nấy trả, hoặc trong những cuộc du ngoạn có đề tài hướng dẫn. Rồi họ mở những cuộc hội thảo nhỏ nhỏ, loại bỏ túi. về nội dung của những bài đã đăng. Xong, thì tiếp tục hội thảo về một tác phẩm nào vừa ra đời, về một học thuyết văn nghệ nào đương lưu hành và làm cho dư luận sôi động. Những đại ý của những cuộc hội thảo bỏ túi này được ghi vào « nhật ký » để đánh dấu những tiến triển của nhóm trong sự tiến triển chung của văn nghệ nước Pháp.

Những ngày tốt trời, nhóm tổ chức những cuộc du ngoạn có tánh chất văn nghệ, gọi là noi dấu người xưa, để cho đám trẻ nhìn tận mắt những vết tích của sự kiện nào đã giúp cho văn hào của mình thành công trong văn nghiệp.

Gọi là rút bài học. Năm trước đó, khi tôi còn học tại trường trung-học Arles, xưa là kinh đô của một « quốc vương » tí hon, dân trong vùng còn nói tiếng địa phương là tiếng provençal, lắm ông già bà cả còn dốt tiếng Pháp, chẳng khác chi đồng bào Thượng của mình chưa biết nói tiếng Kinh. Nơi đây cũng có một « hàn lâm viện » và họ rất hãnh diện với thi bá Frédéric Mistral viết bằng tiếng provençal mà được giải văn chương Nobel, với Alphonse Daudet, khi xưa mua một lò xay hoang phế mà trang trí lại làm nơi sáng tác, và từ đó viết tập truyện ngắn bắt đầu *Những bức thơ từ lò xay của tôi*. Mùa hè, chúng tôi noi dấu Frédéric Mistral và Daudet mà đến những nơi đã gây hứng cho những văn hào này. Mùa đông, thì « hàn lâm viện » tổ chức những cuộc triển lãm, trình bày tất cả những di tích của văn nhơn, từ cây gậy leo núi, cái ống điếu, đôi giầy gỗ, cho đến những trang giấy nháp đầy chỉ chít những sửa chữa của tác giả, hay những bức thơ tình, khi ái tình vừa chớm nở trong quả tim non, mà gia đình giữ gìn như của quý....

Năm 1949, khi tôi trở lại Pháp sau gần hai mươi năm xa cách, thì tôi đã cho ra đời cả chục quyển sách đủ loại. Tôi nhìn với cặp mắt khác. Lúc ấy, hai văn hào J.P. Sartre và A. Camus đã mọc lên thành hai ngôi sao sáng trên vòm trời văn nghệ của nước Pháp. Những nhà văn này, cùng với nữ sĩ Simone de Beauvoir triết gia Merleau-Ponty, Gabriel Marcel, đã thôi động được một phong trào triết văn, được gọi là « hiện sinh chủ

nghĩa ». Nhóm này đã mượn một cái quán nhậu, nằm trên đại lộ Saint Germain, giữa xóm La-tinh, có tên là Café de Flore, để làm cái « trung tâm sáng tác văn nghệ » của mình. Ngày ngày, hễ rảnh, thì họ đến đó mà « nói không đề » tùy hứng mà ngồi chung bàn với người mình chọn. Cốt để tạo bầu không khí văn nghệ đồng loã nung nấu cho cái văn tâm. Và trong tình cờ của câu chuyện, mà bắt gặp một tư hay, một lời đẹp thì nhớ đó, về văn phòng mình mà khai thác một cách nào đó.

Gần nơi quán Café de Flore này, mỗi tuần, các bậc học giả nhóm lại chiều thứ năm, nơi một giảng đường chứa độ trăm người, dưới nhãn hiệu là Collège philosophique (Hội đồng triết học), để hội thảo về mọi vấn đề thời thượng theo chiều sâu. Vùng này thuộc xóm La tinh có rất đông đảo sinh viên, cũng nhiều du khách ngoại quốc, là những thanh niên trí thức, trong nước và trong quốc tế, tiên phong và hưởng ứng với phong trào triết văn hiện sinh, và tự nguyện phổ biến nếp sinh hoạt mới trong dân gian, theo chiều rộng.

Chủ nghĩa hiện sinh của bộ ba, J.P. Sartre, A. Camus, và Gabriel Marcel, lúc ấy đã chia ra làm đôi, một bên là Gabriel Marcel, một bên là Sartre, Camus. Khi tôi vừa sang, lại xảy ra thế sự phân biệt « anh đi đảng anh tôi đảng tôi » giữa Camus và Sartre. Song nói chung, vẫn là một chủ nghĩa triết văn thoát thai từ những đòi hỏi của một tầng lớp gái trai của thế-hệ, đưa lên cho nhà văn suy tư, xào nấu thành những món ăn trần mỹ, đưa trở lại cho đám trẻ thưởng thức. Nếu không có bầu

không khí đáp đối qua lại, giữa kẻ sáng tác văn nghệ, và người thưởng thức văn nghệ, nếu không có hoàn cảnh đặc thù của kinh đô ánh sáng, thì thật là khó mà tưởng tượng được sự thành tựu của phong trào triết văn này, gọi là hiện sinh chủ nghĩa. Ai cũng biết rằng triết thuyết hiện sinh mọc lên trước ở Đan-Mạch, với Kierkegaard rồi phồn thịnh ở Đức, với Jaspers, Heidegger. Nhưng mà ở Đức cũng như ở Đan-Mạch, triết thuyết này, bởi thiếu miếng đất màu mỡ văn nghệ của Ba-lê, mà triết thuyết hiện sinh luôn luôn khô khan cằn cỗi, như một cô gái già, cô đơn, khó tính, và hết duyên. Cũng cái triết thuyết ấy, đem mà vun trồng tại Pháp, nhờ cái không khí và cái truyền thống văn nghệ của Ba-lê, mà triết thuyết trở nên triết văn, với những sáng tác lừng danh thế giới, làm hàng triệu quả tim độc giả rung động, thổn thức. Hai lãnh-tụ cự phách của phong trào triết văn này, J.P. Sartre và A. Camus, quả có công làm cho cô gái già triết học được người ta ghé mắt. Nhưng tên Kierkegaard, Jaspers, Heidegger, nếu chẳng có họ, vị tất đã được người ta chú ý như bây giờ.

Được như vậy, là nhờ văn nghệ của nước Pháp hiểu được vai trò của cái gọi là « trung tâm sáng tác ». Cái trung tâm sáng tác hiện-sinh mà tôi vừa nhắc, kể ra không có nội qui, hình thức chiêu bài, hay chi chi cả. Nó là một kết hợp ngẫu nhiên, theo công lệ « đồng thanh tương ứng », do hứng thú của một số nhà văn, theo một truyền thống ăn sâu vào sương tuyết của mọi người, không hẹn, mà vì tập quán di truyền của mình,

mà gặp gỡ nhau gần như hằng ngày. Và có như vậy được, là do nơi truyền thống của hai trăm năm văn nghệ của nước Pháp.

Bây giờ, tôi xin sang qua một loại trung tâm sáng tác khác, do bàn tay tổ chức mà nên. Và tôi chỉ phác họa một trong hàng trăm cái na ná như nhau. Tôi muốn nói những nhà xuất bản. Những cái mà tôi được viếng và hiểu có nhà Gallimard, Le Seuil, Larousse, Laffont, Hachette, không kể những nhà xuất bản sách học như Presses Universitaires, Masson, Armand Colin, Fernand Nathan. . . Tôi xin quý vị văn hữu đặc biệt để ý đến mục này. Bởi vì mỗi chúng ta đều có chơi thân ít nhiều với một nhà xuất bản, và có thể thuyết phục nhà xuất bản ấy theo dấu vết đó mà đi. Bây giờ, các bạn mới thấy dụng ý của tôi hôm nay, khi tôi đặt việc nhắc nhở đến nhà xuất bản Minh-Đức nơi đầu bài diễn văn này. Làm như vậy, tôi muốn chứng minh rằng bất cứ ở đâu, bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ dưới chế-độ nào, một nhà xuất bản có chút ít tâm hồn « mạnh thường quân » đều có thể làm được.

Chẳng cần đi vào chi tiết về lịch sử, hoặc hoạt động kinh doanh của những nhà xuất bản này chúng ta chỉ cần nhìn những đại cương. Những chi tiết rườm rà vốn có tánh cách đặc thù, do những điều kiện cụ thể của địa phương qui định, và điều kiện cụ thể của nước nhà khó cho phép bắt chước theo một cách máy móc. Những nhà xuất bản này, trong đại cương, không khác chi những nhà doanh thương khác, quản trị theo những phương pháp có lẽ còn tinh vi

hơn. Bởi vì trong những doanh thương khác, nghiệp vụ đơn giản, chẳng hạn chỉ sản xuất một loại hàng hóa nào đó mà thôi. Còn trong ngành xuất bản, mỗi tác phẩm là một nghiệp vụ riêng biệt rồi, từ cách trình bày mỹ thuật, cách ấn loát, phát hành, quảng cáo. Một người quản trị nhà xuất bản có thể nói là một ông bộ trưởng kinh tế của một tiểu giang san rồi. Nhưng mà, về mặt tinh thần, vị ấy cũng gần như một thủ lãnh của một thứ « Lương sơn bạc » văn chương, biết chiêu hiền, nạp sĩ, kết thân, giao du và luôn luôn chực đón những trào lưu dư luận mới mẻ để khai thác. Mỗi nhà văn là một vị anh hùng trong làng văn trận bút, tâm tư của mỗi vị cũng là một tiểu bang, với mọi phong tục, tập quán, gọi là văn phong. Và nhà xuất bản tức là cái chánh phủ « tổng liên bang » kết chặt những tiểu bang này lại dưới nhãn hiệu chung của nhà mình. Không vậy, họ « phân ly, kéo cò sang qua nhà xuất bản khác » như ngày xưa Hoàng Phi Hổ rời nhà Ân Thương mà sang qua nhà Châu vậy. « Bởi vậy cho nên, nhiều nhà xuất bản phải tựa vào « ý-thức-hệ », phất cờ cò lý tưởng mà chiêu mộ kẻ anh hùng đồng chí hướng. Một nhà văn viết xong một tác phẩm, chọn một nhà xuất bản, cũng là một cách dẫn thân dưới một ngọn cờ rồi. Và khi đã nhập cuộc, thì dễ mà tham gia vào cái « trung tâm sáng tác », tuy hình thức không vĩ đại, song trong qui mô thật rộng vô cùng. Và nếu nhà ấy không muốn phất cờ ý-thức-hệ mà chiêu mộ anh hùng, thì lại dùng uy tín cá nhân của một văn hào

hay nhiều văn sĩ tên tuổi để kết nạp hào kiệt. Như hồi tôi ở Pháp, thì nhà Gallimard nhờ A. Camus vậy. Nhà xuất bản này lại tổ chức nhiều «tùng thơ», hoặc nhiều tuần báo và tạp chí, mỗi tổ chức như vậy có một vị «nguyên soái», như về tiểu thuyết nhà Gallimard nhờ M. Nadeau, nhà Le Seuil, về tùng thơ chánh trị, thì nhờ Lacouture, nhà Presses Universitaires, về sách phổ thông thì nhờ Angoulvent. Phân tán mỏng như vậy để nhờ những vị nguyên soái này đóng vai trò chim mồi mà quyến rũ kẻ khác theo nguyên tắc rất phương Đông là «đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu».

Làm sao mà một nhà xuất bản, dầu to đến bậc nào, có thể chứa được từng ấy hoạt động? Vấn đề coi là khó. Té ra lại quá dễ. Ngoài ra những phòng chuyên môn chung cho mọi công tác có tánh chất kỹ thuật, chỉ cần thêm một phòng tụ họp khá rộng, rồi dành phòng ấy mỗi tuần một buổi cho một nhóm văn sĩ, ấy là có thể tụ tập đến, hoặc mười bốn, hoặc hai mươi một tiểu tổ văn nghệ rồi. Ví như cái Trung Tâm Văn Bút của ta đây, mà tổ chức theo lối đó, thì vẫn có thể có môi trường cho hàng chục rưởi nhóm nội bộ hoạt động được. Tức là biến một Trung tâm thành hàng chục cái trung tâm sáng tác.

Không phải là những văn nghệ sĩ đòi hỏi phải có những trò ăn nhậu, những thú hưởng ma-túy, những cuộc truy hoan mới đến trung tâm sáng tác. Biết bao nhiêu kẻ ăn nhậu thả cửa, nghiền ngập cực độ, truy hoan đến chán chê, mà chẳng sáng tác gì được

cả. Hai lối sanh hoạt, một đằng là sanh hoạt xác thịt, một đằng là sanh hoạt tinh thần, là hai lối sanh hoạt khác biệt nhau. Một nhà xuất bản nhỏ, có một phòng họp cho non vài chục người vẫn có thể tổ chức đến hơn chục tùng thơ, mỗi cái tụ tập vài mươi nhà văn, ấy là nhà xuất bản ấy đã kết nạp được vài trăm tác giả. Những vị này chỉ cần bầu không khí sanh hoạt tinh thần tập thể, trao đổi nhận xét, tìm hứng, nhật tứ, rồi đem về nhà mình, trong yên tĩnh, khai thác theo quan niệm riêng mình.

Này giờ, tôi nói chuyện khá nhiều đến giới nhà văn, tựa hồ quên những sanh hoạt nghệ thuật khác. Ấy bởi vì tôi chưa có dịp mà lăn lộn trong những giới này. Nhưng ai cũng biết rằng ở Ba-lê, những nhà hội họa có xóm hội họa, như Montmartre, Montparnasse, những nhà điêu khắc có xóm riêng của họ. Họ tụ hội nhau như vậy, như chim về cùng bầy. Và những xóm nghệ thuật như vậy phải chăng là những «trung tâm sáng tác thường trực»? Những nhà làm văn hóa rất thấy rõ vai trò tối quan trọng của những trung tâm văn hóa, và muốn khuyến khích sự sáng tác, công việc đầu tiên là họ lo đào tạo những trung tâm sáng tác.

Năm 1969, lúc mấy tháng ở Pháp, tình cờ mà tôi gần gũi được một nhóm đương mưu định một công tác đại qui mô như vậy. Đến nay, mưu định này đã thực hiện được bao nhiêu, thú thật, tôi không theo dõi để rõ. Nhưng cũng xin trình ra cái dự-án đã được ông Tổng-trưởng Văn-hóa lúc ấy là A. Malraux ủng hộ. Dự án này nhằm mục

đích tổ chức một « trung tâm sáng tác quốc tế » cho giới hội họa, lấy tên họa sĩ trứ danh là Picasso mà đặt tên cho trung tâm. Chánh phủ Pháp cung cấp một thửa đất tại cảnh đẹp đẽ nhất có tên là Côte d'Azur, gần biệt thự của Picasso. Những ngân hàng « mạnh thường quân » đầu tư để xây cất kiến trúc và để vốn điều hành. Ban quản trị sẽ là một ban quốc tế, gồm tên tuổi của những nhà văn hóa trứ danh của mỗi dân tộc. Theo dự án, trung tâm này sẽ thu nạp những họa sĩ trẻ và có thiên tài, do các nước tuyển chọn và đề cử. Họ đến sống tại trung tâm, mỗi ngày hít thở bầu không khí văn nghệ, trao đổi kiến thức và kỹ thuật, mỗi người có phòng sáng tác riêng trong khung cảnh đẹp đẽ thần tiên mà khỏi lo mọi vấn đề vật chất, từ việc sanh sống cá nhân cũng như gia đình, cho đến việc bán tranh và quản trị sự nghiệp. Sau thời gian sống tại trung tâm, họa sĩ sẽ « xuất sư » trở thành nổi tiếng quốc tế, và trung tâm sẽ giao hoàn số tiền thanh toán còn dư lại cho. Tranh sẽ được triển lãm trong những cuộc triển lãm quốc tế, bán giá rất

cao. Nghệ sĩ được lợi vật chất lẫn tinh thần...

Kính thưa liệt quý vị,

Nhắc đến những « trung tâm sáng tác » ở tận đâu đâu, mà quên một cái « trung tâm sáng tác » ngay tại quê nhà, trên mảnh đất Sài Gòn đây, tôi cảm thấy đó là một điều thiếu sót vớ vẩn. Không thể tựa vào cái có rằng chủ nhân có biệt hiệu là Đại Ân Am mà cho cái trung tâm sáng tác này « đại ân luôn ». Huống chi, người sáng lập cái trung tâm sáng tác này lại là một văn hữu thân yêu của chúng ta, đã cẩn thận đặt tên cho nó là « Đại Ân Am » và thường dùng tên này mà ký tên trên mặt báo chí. Hôm nay, tuy là anh vắng mặt, song tôi tin rằng hương hồn anh vẫn hiện hữu và riêng tôi ước mong được đề cử anh làm chủ tọa danh dự cho buổi nói chuyện hôm nay. Anh đã qua đời đúng ba năm. Và tháng này có lẽ là tháng mãn tang cho. Tôi muốn nói văn hữu thi sĩ Đông Hồ...

(còn tiếp 1 kỳ)

HỒ-HỮU-TƯỜNG

HÃY TÌM ĐỌC:

Nguyệt san ĐƯỜNG ĐI

Tập san Giáo dục Khảo cứu Văn nghệ đặc sắc
do Hội Phát Triển Giáo Dục Bách Việt chủ trương

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

Trụ-sở chính : 61-65, Hàm Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 *Tông Đốc Phương*

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, *Bác sĩ Yersin*

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, *Gia-Long*

ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, *Nguyễn Hữu-Cảnh*

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, *Amatrang-Long*

ĐT 148



- Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

- Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

CON ĐƯỜNG CÁI QUAN

« Hỡi anh đi đường cái quan !
Dừng chân đứng lại cho em đây
than đôi lời... Đi đâu vội mấy anh
ơi ?... » Mấy câu ấy đi đôi với một
khúc điệu giản đơn, hơi uyển chuyển,
khá gần với giọng thường của mỗi
tiếng nói, tuy vậy vẫn là một khúc
điệu có thoáng một chút gì khác lạ,
một chút rung động của cái sinh khí
rất điển hình nơi nhạc sĩ của chúng
ta. Đó, *CON ĐƯỜNG CÁI QUAN*
nhạc phẩm đầu tiên trong ba thiên
trường ca của Phạm Duy bắt đầu
như thế. Một công trình rục rờ về
thi ca và âm nhạc, một công trình độc
đáo nhất và táo bạo nhất mà một
nghệ sĩ Việt nam có thể quan niệm
được đã bắt đầu như thế.

Nhưng, mặt khác, mục đích của
đoạn khởi đầu theo thể hát ví ấy
là làm một cái giàn phóng cho đoạn
Tôi đi từ ải Nam quan. Căn cứ theo
nét nhạc, thì hành khúc này khác
hẳn với những hành khúc mà Phạm
Duy đã viết ra trong những năm 40
— Thực ra, vào khoảng những năm
50, hành khúc này dễ thành ra khúc
điệu mới mẻ nhất, táo bạo nhất của
nhạc sĩ từ trước đến giờ. Vâng, *Tôi
đi từ ải Nam quan* là một khúc nhạc
thật đẹp ! Phạm Duy đã chinh phục vũ
trụ âm nhạc của ông bằng những nhịp
ngắn cụt, những quãng 5, quãng 8 nháy

bực, những chuyển cung đột ngột. Ở
đây dĩ nhiên phải nói đến sự hùng khí,
nhưng cũng phải nói thêm rằng *Tôi
đi từ ải Nam quan* đưa ra cái giọng
chung cho toàn thể trường ca, bởi vì
hùng khí ấy không phải chỉ thấm
nhuần phần đầu tức đoạn *Từ miền Bắc*
mà thôi, nó còn bao trùm cả hai phần
khác là *Qua miền Trung* và *Vào miền
Nam* nữa. Hơn nữa, điều ấy còn giải
thích lý do tại sao nhiều khúc điệu
trong thiên Trường ca có tính cách khí
nhạc hơn là thanh nhạc.

Sau đoạn khơi dậy đầy phấn khởi
về buổi ban sơ của đất nước Việt
nam, bài *Đồng đảng có phổ kỳ lừa* —
câu phong dao mà Phạm Duy đã biến
cải ít nhiều — gọi lại một cách vắn
tắt câu chuyện huyền thoại về nàng
Tô Thị và nối kết đoạn hành khúc
trước với đoạn *Hát lượn Người về
miền xuôi*. Trái với sự phấn khích vừa
rồi, *Người về miền xuôi* là một khúc điệu
bình lặng, khoan thai và đĩnh đạc,
phong độ khá cổ điển, một khúc điệu
đặc sắc và rất quyến rũ. Nhân tiện
cũng nên ghi nhận những đoạn
chuyển cung rất đẹp để ở khoản các
câu « *Đường về miền xuôi biết bao đò
bao quán mới. Đường dài mà vui hỡi
người bạn đường nặng vai...* », nhạc
từ cung do trưởng chuyển sang mi
trưởng, sang si thứ, sang mi trưởng,

rồi rồi cuộc lại đưa chúng ta trở về với cung La thứ của lúc đầu.

Bài tình ca *Này người ơi!* thì quả là rất giống Phạm Duy trong lúc cao hứng nhất và quả là khúc điệu *thuần túy* nhất của cả đoạn đầu bản trường ca. Đoạn khúc gần như quá ngắn ngủi ấy, thật là sáng khoái, thật là nồng nàn! Khúc điệu chảy qua âm thề trong trẻo của cung La trường một cách thoải mái và lôi cuốn chúng ta vào đoạn *Tôi đi từ lúc trăng tỏ*. Đoạn này lặp lại một cách hợp lý, khúc điệu *Tôi đi từ đi Nam quan* với những lời ca mới.

Hình ảnh Thăng long vừa phai tàn thì chúng ta bắt đầu vào phần thứ hai của tác phẩm: *Qua miền Trung*. Vài nhịp ca theo điệu hát lý — *Ai đi trong gió trong sương* đưa chúng ta vào bài hát ru *Ai vô xứ Huế thì vô*. Điệu hát đơn âm khó khăn này cũng giống như các điệu ru địa phương khác của Việt nam, nhưng dù sao nét nhạc ở đây vẫn có một tinh tế riêng biệt của Phạm Duy. Chúng ta gặp một nét phóng túng nho nhỏ về tiết tấu: khúc điệu vốn theo nhịp 4/4, nhưng vào giữa bài có hai phách đột ngột chuyển sang nhịp 5/4. Nhịp 5/4 hãn hữu ấy đã được đưa vào đây bởi sự mở rộng chút ít của nét nhạc. Một nhạc sĩ khác kém cỏi hơn, chắc chắn sẽ không thể có lối thay đổi tiết tấu gần như nhỏ nhặt ấy, nhưng Phạm Duy thì không bỏ qua một chi tiết nào, và các bản liên hợp phổ của ông, như tôi

đã có lần nói đến, nổi bật lên vì lối viết kỹ càng và chính xác. Tôi cũng ghi nhận điều này: là âm hưởng của điệu *Ai vô xứ Huế thì vô* nghe quen thuộc đối với lỗ tai người Việt nam nhưng đối với lỗ tai của người Tây phương thì nó lại có một vẻ quyến rũ đặc biệt mới lạ và mê hoặc.

Phải có thiên tài của Phạm Duy mới có thể biến một điệu dân ca tầm thường như điệu hò giã gạo thành ra một điệu phi ngựa bằng âm thanh huy hoàng như bài *Ai đi trên dặm đường trường*. Từ phách đầu đến phách cuối, khúc điệu tinh xác và khó khăn này đã biểu lộ một sinh lực mạnh mẽ phi thường mà vẫn luôn luôn được kiểm soát chu đáo. Hơn nữa, tính cách cực kỳ hợp lý thẩm nhuận suốt con đường chuyển đạo của khúc điệu này, chính là tính cách điển hình của nhạc Phạm Duy.

Còn bài *Nước non ngàn dặm ra đi* thì sao? Còn điều gì đáng nói thêm nữa về đoạn nhạc tuyệt đẹp ấy? Quả thực tất cả bản trường ca từ đầu đến đây dường như nhằm đưa chúng ta đến chỗ tuyệt đỉnh của khúc hát trữ tình này. Tôi khoái khúc điệu *ngàn vạn dặm này*, với một nhạc đề thật dài bình lặng và thấm thía một nỗi buồn nhớ não lòng, thể hiện một cách thanh nhã từ giọng kim cao vút cho đến giọng thồ trầm sâu, qua nhiều đợt âm ba lớn bé tiếp nhau. Tôi cũng khoái đoạn giữa uyển chuyển—bắt đầu từ câu “Nhưng ánh tháp vàng cây quế giữa rừng”... đoạn này chuẩn bị một cách vững vàng và

chính xác cho sự trở về nhạc đề tình ca nguyên thủy. *Nước non ngàn dặm ra đi* không phải là khúc điệu đẹp dễ duy nhất và vượt xa các khúc điệu khác cùng tác giả, tuy nhiên trong vũ trụ âm thanh của Phạm Duy, khúc điệu này chắc chắn phải chiếm một trong những vị trí hàng đầu, nhờ lối cấu trí toàn hảo và những cảm xúc mạnh mẽ của nó.

Trong khi âm vang của tiếng hát Huyền Trân Công Chúa vừa tắt, thì khúc *Gió đưa cành trúc la đà* — một điệu hò trên sông vì vút và thoang thoang không khí của bản tình ca trước đây — cất lên để chuyển sang bài *Tôi xa quê hương ruộng nghèo*, bài này lặp lại điệu hò già gạo vừa rồi với những lời ca đầy hình ảnh, và kết thúc phần thứ nhì của tác phẩm.

Bây giờ chúng ta đến phần thứ ba của bài trường ca, tức phần *Vào miền Nam*. Đoạn *Hồ ơ anh đi đường vắng đường xa* ngắn ngủi đưa chúng ta vào hành khúc *Nhờ gió đưa về*, một loại khúc điệu không lồ. Cơn gió lớn ấy bắt trớn từ một quãng năm nhảy bậc, rồi cách đó xa hơn một tí lại bắt trớn lần nữa bằng một quãng sáu thứ. Những cái trớn ấy phóng ra một khúc điệu khí lực thật mạnh mẽ, một khúc điệu cốt cách cổ điển nhưng vẫn mang một tính chất Đông phương khá rõ rệt. Vào giữa bài, quãng sáu thứ vừa rồi lại chuyển sang một quãng sáu trưởng nồng nhiệt, còn điệu la thứ ở đoạn đầu lại chuyển thành la trưởng trong sáng, thế rồi khúc điệu

mang tính cách giao hưởng ấy được kết thúc một cách huy hoàng và thắng lợi.

Đoạn *Đi đâu cho thiếp theo cùng* là một khúc điệu kỳ cục và tinh tế, hơn nữa lại có phần khó trình bày, đem lại một sự tương phản — Dĩ nhiên cả lời lẫn nhạc vẫn hoàn toàn hợp nhau. Đoạn hò lơ tiếp theo đó — *Đèn cao Châu Đốc gió độc Gò công* — không có gì đáng nói nhiều. Tuy vậy, tôi cũng xin ghi nhận rằng cái phần do Phạm Duy soạn (từ câu “Đèn nào cao cho bằng đèn Châu đốc? v.v...”) hoàn toàn hợp với phần còn lại của tác phẩm, và làm cho khúc dân ca giản dị, rất điển hình của miền Nam Việt nam, được thêm phong phú hơn nhiều.

Tôi yêu sự nồng nàn và nét nhục cảm ngụ trong đoạn *Âu ca Cửu long giang*. Tôi yêu khúc điệu đẹp một cách cao nhã ấy khúc điệu giống như giòng sông Cửu long uốn khúc với một vẻ duyên dáng và thoải mái vô cùng. Lại một tuyệt đỉnh nữa của nhạc trữ tình Phạm Duy!. Rồi thì đến *Về miền Nam*, bản hành khúc của những hành khúc, kiêu dũng và sung mãn, nó lôi cuốn ta không cách nào cưỡng nổi. *Về miền Nam*, vào cuối những năm 50, chắc chắn là cái tuyệt đỉnh của một loại hành khúc nơi Phạm Duy. Những bản hành khúc mà ông sáng tác sau này vào những năm 60 — tôi đặc biệt nghĩ đến các bài *Mẹ trong lòng người đi*, *Thênh thang thuyền về* và *Khi tôi về* — không phải kém thua, nhưng chúng mang tính

chất khác. Sau khi đã đưa hành khúc — và dân ca — đến một mức toàn hảo nào đó, lẽ tự nhiên Phạm Duy tìm cách chuyển biến, đổi mới hình thức nội dung của hai loại nhạc ấy.

Giả ỡn cái cỏi cái chày như một khúc điệu nhỏ xinh xắn, đậu vắt vèo trên ngọn La trường mà đong đưa; điệu hò ru hồn nhiên ấy đưa niềm hoan lạc *Về miền nam* trở lại với chúng ta, nhưng lần này với những lời ca khác mới.

Nhiều đoạn nhạc trước đây viết theo một kỹ thuật khá khó khăn và điệu xảo, còn đoạn cuối cùng của bản trường ca, tức đoạn kết *Đường đi đã tới* do sự cố ý của tác giả, lại hết sức giản dị. Vào những phách sau chót, một đoạn kết ngắn lại vắt vèo lần nữa trên chót đỉnh của cung La trường, kết thúc một cách mạnh mẽ và khinh khoái tác phẩm đầu trong ba thiên

trường ca của Phạm Duy.

Trong phần thứ ba của tác phẩm, soạn giả có ý muốn đưa vào đôi ba đoạn, một vài âm hưởng đặc biệt của nhạc Tây phương — Dù thể *Vào miền Nam*, cũng không kém *Từ miền Bắc* và *Qua miền Trung*. Trái lại, sự pha lẫn những âm hưởng Tây phương vào những âm hưởng riêng biệt của Việt nam đã làm cho bản trường ca thêm phong phú và do đó cũng khiến cho nó có tính cách phổ quát hơn. Và lại thái độ ấy rất hợp với quan niệm nghệ thuật của Phạm Duy từ những năm 40 đến nay. Hơn nữa, trong bản trường ca thứ hai cũng như trong nhiều tác phẩm khác ra đời trong những năm 60 và 70, nhạc sĩ tiếp tục pha lẫn âm hưởng Đông phương với Tây phương, với một kỹ thuật càng ngày càng vững chắc và tinh vi. Nhưng tôi đã nói về điểm này ở những trang trước đây rồi.

MẸ VIỆT NAM

Âm hưởng khinh thanh của một cây sáo đã đón chúng ta vào *Đất mẹ*, phần thứ nhất của bản trường ca *Mẹ Việt nam*. Rồi điệu ngâm *Mẹ ta* — có phần trịnh trọng tĩnh chỉ hơn điệu hát ví ở bản trường ca thứ nhất một chút — lại đưa chúng ta vào đoạn quan trọng đầu tiên của tác phẩm, tức đoạn *Mẹ xinh đẹp* Phạm Duy đã khắc những câu hát luyện này vào khối cẩm thạch do thứ, — *Mẹ xinh đẹp* là một đoạn

nhạc vô thể có nhiều chuyển hệ, điệu ấy khiến cho cung do thứ không mấy xác đáng, tuy nhiên theo tôi thì mặc dù có vẻ do thứ, toàn thể khúc điệu này vẫn có một không khí khá đặc biệt. — Có lẽ Bach và Beethoven sẽ ưa thích cái *luận lý* quyết liệt và mạnh mẽ của khúc điệu đầy sinh khí này. Từng câu từng câu nhạc kết liền nhau với sự chính xác của máy móc trong một chiếc đồng hồ, nhưng cũng với một vẻ

tự nhiên thoải mái. Ít có khúc điệu nào khiến tôi cảm xúc mạnh mẽ như *Mẹ xinh đẹp*.

Đoạn *Mẹ chờ mong* bắc cầu giữa điệu hát luyện và đoạn tình ca *Lúa mẹ*. Tôi yêu cái bình thản trữ tình của *Lúa mẹ*, tôi yêu khúc điệu dịu dàng ấy, có lẽ cũng dịu dàng như ngọn gió đêm hè được nhắc đến trong lời thơ; khúc điệu uể oải vươn mình trong ánh nắng của cung Mi giảm trưởng, nhưng rồi lại kết thúc bằng một hài âm do thứ sang trọng.

Bắt đầu phần hai *Núi mẹ*, chúng ta được *Mẹ* hỏi đón tiếp, rồi đến điệu lý *Mẹ bỏ cuộc chơi*. Khúc ngâm dài này là một điệu dân ca (ru con) miền nam mà Phạm Duy sưu tầm được từ nhiều năm trước. Trong khi chuyển lại ở đây, tác giả đã làm phong phú thêm ít nhiều và nhất là đã thêm lời hát mới vào. Theo ý riêng, tôi ước giả sử Phạm Duy cho vào chỗ này một khúc điệu do ông soạn ra thì thích hơn, tuy vậy tôi thú thật *Mẹ bỏ cuộc chơi* kết hợp rất chặt chẽ với phần còn lại của bản trường ca.

Tiếp theo nỗi buồn sâu xa của điệu ru con ấy, các âm hưởng nhanh nhẹn của *Mẹ trong lòng người đi* gây một tương phản tài tình. Đoạn nhạc có vẻ sùng lớn ấy — chỉ được khinh giảm ở đôi đoạn ngắn ngủi giữa bài, vào chỗ các câu “Ra đi còn nhớ ngày nào... nuôi con mẹ vẫn nguyện cưu...” — thứ nhạc trọng pháo ấy rõ là một hành khúc, nhưng là một hành khúc theo quan niệm có phần khác hành khúc trong bản trường ca

thứ nhất, mặc dù khá mới lạ, khúc điệu này dù sao vẫn ghi rõ dấu vết của nhà soạn giả.

Bây giờ chúng ta đến phần thứ ba của tác phẩm : *Sông mẹ*. Đoạn *Muốn về quê mẹ* vẫn tắt theo lối nhạc vô thê đưa chúng ta vào đoạn *Sông còn mãi mẹ* cũng viết theo cùng một lối ấy. Điệu hò trên sông vóc dáng nặng nề ấy lại một lần nữa được tiếp nối bằng bài bi ca *Sông vui chôn mẹ*. Lần này với chủ âm rõ rệt nói cho đích xác là cung Si giảm trưởng — khúc điệu bi ca này có giọng bình lặng và phảng phất u hoài. Những nốt tô điểm tinh vi của khúc điệu *loãng chảy* này làm tăng thêm không khí kỳ dị và mê hoặc của đoạn nhạc. Tuy vậy, vào khoảng giữa bài, nhà phù thủy âm thanh của chúng ta lại đột ngột chuyển sang cung si giảm thứ trong vài phách, nhờ đó đem đến một chút bóng dáng cho khung cảnh quá chói chang, và diễn tả rõ ràng mỗi xúc động của thi sĩ trước cảnh tượng Mẹ bị đám con dìm xuống sông...

Nhưng tuyệt đỉnh của bản trường ca là ở đoạn *Những dòng sông chia rẽ*. Thật là cao cả, vĩ đại, hùng hồn biết bao trong lời thơ và nhạc điệu ấy, nó kết tinh một cách độc đáo tất cả nỗi buồn của một con người đứng trước định mệnh thảm thương của dân tộc mình ! Mỗi một phách nhạc của bài ca tang tóc này như muốn đồ một hồi chuông báo tử cho tất cả những linh hồn trong quá khứ, đồ một hồi

chuông báo tử, có lẽ một cách tượng trưng hơn, cho tất cả những người chết của một nước Việt nam gần đây của chúng ta.

Khúc điệu này bắt nguồn từ rất cao trong cái hồ bóng tối mênh mông của cung Si giảm thứ, rồi từ đó nó phân ra làm nhiều giòng tiết điệu, lần lượt uốn lượn sát cạnh bờ Ré giảm trưởng, Fa thứ, Si giảm thứ, Mi giảm thứ và Sol giảm trưởng. Vào đoạn cuối của bài này, điệu nhạc khởi đầu lại tái hiện, nhưng lần này thấp hơn một bát độ. Bút pháp này — nhân tiện cũng xin nói là bút pháp ấy đã được Phạm Duy nghĩ ra từ nhiều năm trước, đích xác là vào năm 1953, áp dụng vào đoạn « Nhẹ bàn chân, Hương đêm ơi... Nhẹ bàn tay, Hương yêu ơi... » trong bài *Dạ lai hương* — bút pháp này đem lại tính cách toàn hảo cho tuyệt phẩm *Những dòng sông chia rẽ*.

Phần thứ tư, cũng là phần cuối cùng của bản trường ca, *Biển mẹ* mở đầu trong ánh sáng rực rỡ của cung Mi giảm trưởng với bài *Mẹ trùng dương*. Tôi không cần phải nhấn mạnh về cái đẹp bình lặng và thu hút của khúc điệu này, của điệu ru với âm hưởng loảng chảy này. Tuy nhiên, lần này nhạc sĩ đã đạt được nét đẹp ấy với khá ít phương tiện. Nhân tiện, đối với những người Việt nam đã quen với âm nhạc Phép thế kỷ thứ 19, tôi cũng xin nhận xét rằng nét nhạc bài *Mẹ trùng dương* nhiều chỗ gần với bài *Barcarolle* của

Jacques Offenbach.

Biển đông sóng gợn chỉ là một chuỗi liên tiếp những khúc điệu kêu gọi, ở khoảng giữa có xen vào một thứ ngâm khúc. Điệu buồn của Mi giảm thứ khiến cho đoạn nhạc ngắn ngủi này đượm một âm hưởng hoang mang hơi u sầu.

Thênh thang thuyền về là một hành khúc khá dài và độc đáo, như tôi đã có lần nói đến, nó khác hẳn các hành khúc mà Phạm Duy đã soạn trong những năm 40 và 50. Ở đây khúc điệu cố ý nặng nề — cái nặng nề tuy vậy không thiếu vẻ uyển chuyển — khiến cho nó mang nặng tính chất giao hưởng. Và lại toàn thể vẫn giữ một đặc tính Việt nam khá rõ, cảm tưởng này càng rõ hơn khi con thuyền khúc điệu kết thúc chuyến phiêu du bằng một câu dân ca rất quen thuộc.

Giữa hai công trình đồ sộ *Thênh thang thuyền về* và *Phù sa lớp lớp mây trời cuộn bay*, là dạ khúc *Chớp bề mưa nguồn*. Cánh « hoa giữa đôi bờ vực thẳm » ấy — như Liszt có thể nói — sẽ không được chú ý đến nếu nó không có một hình dáng thanh tú và hương thơm ngọt ngào. Khúc điệu La giảm trưởng mà nhạc sĩ đã phả vào mấy câu thơ đầy hình ảnh và thâm trầm ấy chắc chắn là khúc điệu đẹp đẽ nhất và độc đáo nhất của phần cuối cùng bản trường ca, một khúc điệu luôn luôn vươn lên và thu hút, một khúc điệu vừa thoảng vui lại vừa gợn buồn — điềm

này, được gián tiếp nêu rõ trong lời thơ, là một điểm khá tiêu biểu về tính cách Việt nam... — Sau cùng, điều hiếm có ở Phạm Duy, sau khi vắt vẻo trên chót đỉnh suốt trọn bài, vào đoạn chót khúc ca lại chuyển bằng một câu nghiêng xuống và kết thúc bằng cung La giảm sâu thăm của giọng trầm. Quả thật là đoạn nhạc đơn sơ ấy chứa đầy nghệ thuật !

Bài ca thứ hăm mốt *Mẹ Việt-nam ơi !* có phần phảng phất *Mẹ trùng dương*, nhưng ở đây khúc điệu có tính cách nồng nhiệt hơn, oai dũng hơn, và dĩ nhiên cũng có tính cách dứt khoát hơn. Bởi vì chúng ta đã đến đoạn kết, với bài *Việt-nam Việt-nam*. Bài ca có một luận lý nghiêm túc và một bút pháp trong sáng này rất tiêu biểu cho đặc tính Phạm Duy, vì vậy tôi dễ hiểu vì sao nó nhanh chóng thành ra bài ca được ưa chuộng nhất của Việt-nam hiện nay, về lời cũng như về nhạc.

oOo

Trong khi bình luận về các bản trường ca, tôi đã muốn phân tích tỉ mỉ về những gì mà thứ âm nhạc vô thê của Việt nam hàm chứa trong hai tác phẩm ấy. Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ, tôi quyết định không nên làm thế ; cũng như tôi đã quyết định không viết bài báo đặc biệt về các bài dân ca. Không phải sở kiến thức của tôi về nhạc vô thê và dân ca Việt nam là không đáng kể, tuy nhiên kiến thức ấy chưa đủ chính xác và sâu xa để tôi có thể thảo

luận đến cùng kỳ lý với đầy đủ quyền hạn về những điều mà Phạm Duy đã mang đến cho các loại nhạc nọ, về cái cách mới lạ nào Phạm Duy đã xử dụng các loại nhạc nọ. Một cuộc thảo luận như thế chỉ có thể thực hiện do Trần Văn Khê hay do chính Phạm Duy chẳng hạn, những người mà ai nấy đều biết là hoàn toàn am hiểu về vấn đề này.

oOo

Tôi đã nhận thấy, mà không ngạc nhiên, rằng một phần khá lớn công chúng Việt-nam thích con *Đường Cái Quan* hơn *Mẹ Việt-Nam*. Tôi thì yêu thích đồng đều cả hai bản trường ca, nhưng tôi xin ghi nhận điều này : *Con đường cái quan* được sáng tác suốt quãng thời gian từ năm 1954 cho đến năm 1960, còn là bản liên hiệp phổ của một người thanh niên, và do đó nhiều bài trong tác phẩm ấy điệu xảo một cách rõ ràng và xuất lộ, dễ dàng gọi... sự chú ý. Ở đây nhạc cũng như lời đều sáng khoái, và thoát nghe qua lần đầu người ta đã yêu thích ngay bản liên hiệp phổ mà không cần phải gắng sức. *Mẹ Việt nam* được soạn trong vòng chỉ một năm 1964, vào thời kỳ mà Phạm Duy đã gần đứng tuổi, trong tư cách một soạn giả âm nhạc. Lời thơ rõ ràng là thâm thúy hơn cho nên cũng có tính chất siêu hình hơn. Theo chiều hướng ấy, nhạc cũng siêu hóa hơn, cũng được cấu trí và hòa điệu một cách phong phú hơn ; còn cái điệu xảo thì vẫn có đấy, nhưng mà điệu độ hơn, hòa hợp kín đáo hơn vào

nét nhạc. Trong đại thể, *Con đường cái quan* là một liên hợp phổ hoạt náo hơn và thẳng đứng hơn; *Mẹ Việt nam* là một bản liên hợp phổ trầm tư hơn và dàn trải hơn. *Con đường cái quan*, đến một mức nào đó, có vẻ đột xuất trong cảm hứng, *Mẹ Việt nam* thì nhiều công phu hơn.

Mặt khác, vào những năm 40 nếu tôi được quen biết Phạm Duy—với số kiến thức về nhạc học mà tôi có hiện nay—thì tưởng chừng tôi có thể tiên đoán không mấy khó khăn rằng ông sẽ có ngày tiến đến *Con đường cái quan*. Nhưng tôi thiết tưởng không thể tiên đoán nổi rằng ông sẽ tiến đến *Mẹ Việt nam* được. *Con đường cái quan* là Phạm Duy thể hiện Phạm Duy; *Mẹ Việt-nam* là Phạm Duy vượt Phạm Duy. Bản trường ca thứ nhất là sự tận cùng của một cái gì; bản trường ca thứ nhì là một chuyển hướng lớn lao về một con đường khác, về một cuộc thám hiểm những âm hưởng và tiết điệu mới lạ. *Mẹ Việt-nam* không chối bỏ *Con đường cái quan*. *Mẹ Việt-nam* tiếp tục *Con đường cái quan*, nhưng bằng cách vượt bỏ nó.

Các bài *Dân ca*, bản *Con đường cái quan*, hai bản nhạc kịch nhỏ, các bài *Tâm ca*, *Đạo ca* đều có những vẻ đẹp khác nhau, nhưng *Mẹ Việt-nam* vẫn là bản liên hợp phổ đẹp đẽ nhất và lớn lao nhất của Phạm Duy từ trước đến nay. Hiếm khi trong tác phẩm của ông mà kỹ thuật và xúc cảm, lý trí và tình cảm lại hòa hợp với nhau trong một

vẽ vĩ đại và toàn hảo vững vàng được như trong bản *Mẹ Việt-nam*. Cái đẹp của bản liên hợp-phổ ấy là cái đẹp cổ điển, một cái đẹp phổ quát. Và cái đẹp, cái toàn thiện của *Mẹ Việt-nam*, ấy chỉ có bản trường ca thứ ba là có thể sánh kịp hay có lẽ vượt qua được...

Vì Phạm Duy hiện đang ở trên dãy Trường-Sơn. Thật vậy, năm 1972 hay 1973 chắc chắn sẽ là năm của bản trường ca *Trường Sơn*. Trong bức thư đầu tiên viết cho tôi vào năm 1969, trả lời một câu hỏi của tôi, Phạm Duy đã đáp rằng: «*Con đường cái quan* là chiều dài, *Mẹ Việt nam* là chiều sâu, còn *Trường sơn* sẽ là chiều cao! Tôi hy vọng còn đủ sức để vượt qua khỏi trở lực cuối cùng trong đời mình!» Lời lẽ ấy biểu lộ tất cả tâm vóc con người. Phạm Duy sẽ khởi công soạn bản trường ca thứ ba mà không mang một chút ảo vọng nào với kinh nghiệm chông chát một đời người. Ở trên cao, trên những chót đỉnh sát tầng trời ấy, có lẽ Phạm Duy đôi khi sẽ thấy lạnh và chắc chắn ông sẽ cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết: nhưng ở đó ông sẽ thấy mặt trời và các vì sao sáng hơn, và không những ông không còn nghe tiếng gà kêu nữa, ông sẽ nhất định không còn nghe thấy tiếng động của chiến tranh và tiếng súng liên thanh ở dưới này. Ở đó, trên đỉnh Trường-Sơn nhìn bao quát xuống khắp cõi Việt-nam mệnh mông, Phạm Duy sẽ chỉ còn nghe thấy tiếng nói của lòng mình và của tài năng mình.

(còn tiếp)

GEORGES ETIENNE GAUTHIER

Mentréal, Gia-nã-đại 1-2-1972

THU THỦY dịch

Năm 71 tuổi, bàn về nghệ thuật sống dai và chuyện phản lão hoàn đồng

Còn chín tháng nữa, tôi sẽ được 71 tuổi ta, đúng 70 tuổi tây. Tôi muốn ăn một lễ thất tuần khác hơn thiên hạ, ngật chạy chưa đủ tiền đề bữa đó mời anh em đến nhậu nhẹt. Lại nữa tôi thấy lúc này mà xài tiền như vậy, hình như lãng phí. Tôi muốn bữa đó — tôi sinh ngày 27 tháng 9 năm Nhâm-Dần (1902) — anh em thân thích Bắc-Trung-Nam, tụ hội lại nhà, số 9/1 đường Nguyễn-Thiện-Thuật ở Gia-định, đề « tế sống tôi chơi » (nhưng miễn đem đồ phúng điếu).

Tế tôi khi tôi còn sống, tôi mới biết được ai ưa ai ghét.

Đời tôi nằm trong đó rồi lại điếu tang, có thầy chùa tụng kinh, học trò lễ dâng rượu, thì cái thầy ma chờ thú.

Quản lâu là nhóng tiền, ghét bỏ mẹ. Tôi muốn viết « hể chết thì chôn liền », nhưng tuy già mà còn nhớ viết làm vậy, gặp thầy lái nó bắt chết cha.

Vậy rao cho anh em xa gần hay mà sửa soạn, muốn bữa đó lại chơi rồi về thì là thượng sách, bằng muốn nhậu nhẹt thì tự biện chế lấy, lão không tiền.

Nay có bài này, báo tin cho ai cần

biết : đến tuổi nào mà người râu kẽm cho là hết xài.

Tuổi già, thuở nay ít ai nghiên cứu. Đến tuổi nào mới gọi là lão, là già ?

Công chức lớp tôi, ngày xưa núp gió, tuy ho hen suyễn tức lúc được 50 tuổi, mà không chịu xin hưu trí non, đồ thừa không đủ tiền nuôi con.

...Tuổi già, như bụi ô-tô hút lên sau đít, khi xe chạy mau. Tuổi già làm cho ta thấy đời lệch lạc, toàn là thành tín cồ hủ, càng khó biện minh, vì bọn già cố duy trì các lệch lạc ấy để đám trẻ hiểu lầm mình chơi.

70 chưa hết xài đâu. Có thứ 80 tuổi còn làm ra con, ông râu kẽm à. Có thứ vừa bốn năm mươi mà tinh đã hết.

Cho đến nay, thường có quan niệm hể bảy, tám mươi tuổi là có một chân hòm sẵn trong huyết mả, chờ ngày nào thông thêm chân kia là theo ông theo bà. Sự thật, không. Không phải vậy đâu. Tùy theo người. Người minh trí, từ sáu mươi nên làm sẵn tờ chúc ngỗ, gửi cho nô-te họ cất. Xong rồi, sống chơi tới đâu hay đó. Không bi quan mà cũng không lạc quan. Picasso, Charlot, trước kia là Victor Hugo, trên tám mươi, mà đề

gần gái « bẻ gãy sừng trâu »; họ bồng cho bẻ thử. Nhưng không phải thấy đều được như vậy cả. Theo lời lão đông-y có uy tín nhiều, ông bạn thân Đ.P.T., thì đàn ông, cái gì cũng hơn cho 8, và bát bát lục thập tứ, thì vô lực, Tôi nói mà không cắt nghĩa vì theo ông dặn, thiên cơ bất khả lậu. Lại nữa, về việc đó, tôi không hiểu nhiều, riêng bản thân, thấy máy còn chạy, tuy không chạy tốt bằng xưa.

Người thanh niên trong xã hội ta có tánh khinh thường bọn già chúng tôi. Nhưng đường có đi có biết và ai ai cũng không qua khỏi luật thiên nhiên của đất trời. Đến tuổi đó rồi sẽ hay. Cái gương trước mắt là râu mép vì khinh già nên bị phạt lưu vong. Đến phiên râu kẽm nay mất chun đứng, nhưng đã xuống ngựa thì nên bỏ qua đừng nhắc nữa mới là người tuổi tác.

Công chức trào trước, đến 55 tuổi là tới hạn về hưu. Nay vì chiến tranh thiếu người, nên kéo dài tới 57, 58. Tuy vậy, từ đây cũng hết đặc ân ấy.

Tuổi như sợi dây thun, co giãn cũng tùy. Bên niết, mấy ông cho là bực siêu phàm, tăng tuổi qui điền lên ngoài sáu mươi, tôi không nịnh mà cho rằng « cũng được », vì gì có thêm kinh nghiệm, khi vật áo khom về trước, ít xử bậy hơn lúc vật áo trước, phải may dài vì ngực ềnh.

Nói này giờ chớ chưa ai dám cấm cây nêu ghi mức già cho nhiều hạng người : 65 ư ? 57 ư ?

Nói thiệt, cây nêu ấy, chưa dám

chắc có ai cấm cho đúng chỗ,

Độc sách thuật lại nghe chơi :

Vào năm 1952, tại nước Ý, có Vittorio Emanuele Orlando, 92 tuổi, giết giải sống dai nhứt trong các Thủ-tướng từng ký tên trong tờ điều ước Versailles năm 1918, sau trận Âu châu đệ nhứt chiến. Orlando, người năm thấp, nhưng liên lạc chắc con, tóc phau-phau bù xù như lông gáy con lân râu bạc. Tiếng nói như chuông đồng, 92 tuổi mà còn thủ vai quan trọng : có chun trong thượng-nghị-viện Ý, giữ chắc lãnh tụ luật sư, làm giáo sư dạy luật. 92 tuổi mà còn ăn được, ngủ được, đi bộ được, đâu phải rằng già ?

Cũng tại Ý, bác-sĩ Raffaele Bastianelli, lại là một lão mạo khác nữa. 88 tuổi mà mỗi tuần cầm dao mổ, cứu hơn độ thể bằng khoa giải phẫu, còn tự lái ô-tô, mở phòng xem mạch. Bastianelli có bệnh nhức khớp xương năm 30 mươi tuổi đã vướng bệnh đau đạ dày, nhưng đến năm 88 tuổi, lưng thẳng bon như chữ I, độc sách không cần kính và cầm dao mổ cho bệnh nhân tay không run bao giờ.

Cũng tại Ý nữa, có Benedetto Croce, nhà triết-học, 86 tuổi, dựng viện sử-học gần nhà Đại-học ở tỉnh Naples. Ông đặt kho sách của ông trong ấy, rồi mỗi tuần giảng dạy về sử học một lần. Tám giờ sáng ông đã thức dậy, làm việc thẳng thét mười giờ mỗi ngày, ăn rất ít, không bao giờ dùng thịt, nhưng nước da hồng hào như tiên trên cõi thế. Năm 1951, Croce

đau một trận bán sống bán chết, nhưng rồi bình phục như xưa. Mạnh lại, ông nói dễ dàng không ứ ớ không lằng tai, viết chữ « cứng » không run chút nào. Ông cũng là một thượng-nghị-sĩ Ý, một văn-sĩ có hạng, sách ông xuất bản năm 1950 gồm hai bộ, và ông đang tiếp tục viết về triết-luận.

Phải nhìn nhận nước Ý khí hậu hiền lành, nhiều người ở đây sống trường thọ. Bernard Berenson, 87 tuổi, sống ở Florence. Khảo cứu và phê bình về mỹ-thuật, chuyên môn về tranh florentin (thuộc Florence), sành sỏi về điêu khắc Ai-cập và Á-đông. Trong nhà ông có một tủ sách chứa 50.000 cuốn. Vừa cho xuất bản một quyển khảo về họa-sĩ Caravaggio và đang bắt tay soạn một cuốn khác. Berenson từng nói một câu đáng chạm vào đá đề đời: — Đến tuổi này, tôi chỉ cầu xin cho Thượng-đế ban cho tôi phép lạ trở nên một tên ăn mày già, để sáng ra chợ, đứng ở một góc đường đưa nón hứng lại những giờ hoang phí trác táng của thanh-thiếu niên bụi đời.

Cũng tại Rome, kinh-đô nước Ý, có triết-học-gia George Santayana, 89 tuổi, đến trú ngụ nơi đây đã ngót mười năm nay. Mắt đã lờ, nhưng ông vẫn tiếp tục sáng tác. Bình thường ông thích đọc sách chữ latin và ưa thi ca thời-đại mới.

Bên Pháp, năm 1952 thì ông Edouard Herriot được 80 tuổi chẵn (nay đã từ trần). 7 giờ đã thức, nằm ăn điềm **tâm trên giường**, làm việc suốt đến

10, 11 giờ trưa. Mỗi tuần ba lần ông đến Quốc-hội thủ vai chủ-tịch. Ông là lãnh-tụ nhóm Xã-hội cấp-tiến Pháp. Ngày thường ông tiếp khách lạ tứ phương, trò chuyện cao đàm hùng biện không biết mệt. Mỗi sáng thứ bảy ông đi ô-tô về thành Lyon mà ông là xã-trưởng. Ngày chúa nhật, ông cùng phu nhân đến nghỉ ngơi tại một lâu đài cổ mà ông là chủ nhân. Ngày thứ hai ông dự phiên nhóm hội đồng đô-thành. Thứ ba ông trở về Paris . . . và cứ tiếp tục một chương trình ấy. Mỗi tháng ông viết hai bài đại luận cho báo chí, viết tiếp tập hồi-ký và năm 1949 cho xuất bản một cuốn khảo về Rodin, nhà điêu khắc trứ danh thế kỷ XIX, tác giả hình đồng kiết tác « le Penseur », tượng trưng cho sự suy nghĩ gò gẫm.

Lúc Herriot thi thạc-sĩ văn-chương, luận án của ông là *Madame Récamier et ses amis* (Récamier phu nhân và những lương-nhân của bà) — (sách xuất bản năm 1934, dày 572 trang, in nhà Gallimard, nay đọc còn hấp dẫn).

Ông là một nhà tài tử rất thích âm nhạc, ưa đi xem hát, mỗi tháng đi xem hai lần rạp Comédie Française và tuy cao niên lại rất khoái dắt cháu con đi xem xiếc. Tánh ông ưa hút ống cối (pipe). Tôi nhớ năm nào ông được cử làm Thủ-tướng, ngày ông giao cắt việc cho nhân viên, có anh tùy phái coi về văn-phòng, ông ban cho ba tiếng « Soignes mes pipes » (tôi giao cho chú một việc duy nhất là lau chùi mấy ống cối cho thiệt sạch, chữ tây có ba tiếng mà tôi phải dài dòng, đủ thấy cái bất tài của kẻ này).

Ông sống dai mặc dầu một bệnh ho (bronchite) kinh niên, và một bệnh sung tĩnh mạch chân tả (phlébite).

Trong hết thảy các danh nhân nước Pháp còn sống sót trong năm 1955, Thủ-tướng Edouard Herriot là người có nhiều sinh lực hơn cả (celui qui possède la plus grande vitalité) (Vitalité, ông Đào-Duy-Anh dịch: sinh khí hoạt-động-lực. Tôi tưởng viết « sinh lực » đủ rồi).

Vào năm 1955, E. Herriot được 83 tuổi. Mặc sung tĩnh mạch chân tả như đã nói từ hai mươi năm nay chớ không ít, ông vẫn cân nặng 105 ký-lô và xê dịch chậm chạp như con trâu nước. (Tôi từng đọc trong một cuốn sách nay đã quên tên, rằng lúc đang làm thủ-tướng, ông có viết thư xin gia nhập một hội « ăn » của Paris. Hội này đặc biệt lấy tên là Club des 100, tạm dịch « Câu-lạc-bộ NHÚT BÁ ». Điều kiện vào hội là phải cân đúng một trăm ký hay hơn nữa, và hội chỉ thu nhận đúng một trăm người, khi nào có ai chết thì mới tuyển thêm người thay thế cho đủ số mà cũng không khi nào để cho thiếu hoặc thu dư hội-viên. Mục đích duy nhứt của hội là tụ tập nhau mỗi tháng một ngày nào đó để ăn cho sướng miệng, cười đùa cho thoải mái và mỗi hội viên ít nhất cũng phải biết rành về các món ăn ngon và tự biết nấu nướng một món đặc biệt không ai trở bữa hơn mình. Khi gọi đơn nhập hội, tuy cao lớn ginh giàng nhưng ông Herriot chỉ cân tròn tròn 98,99 ký-lô, nghĩa là còn chưa đúng ta « bao chỉ xanh » (100 ký). Hội bác

đơn, bắt về tầm bồ làm thế nào cho đủ điều kiện « nhứt bá » rồi mới thu nạp, chớ không vì chức thủ-tướng đương kim là lật đật kiêng nề thu nhận. Bữa tiệc tiếp tân đề hội viên mới ra mắt 99 ông cũ, E. Herriot xuống bếp dạy chiên hột gà ô-m-lết rượu rhum (omelette au rhum) và khi dọn ra, Herriot về chỗ ngồi danh dự, tại bàn đủ mặt một trăm người và dưới bếp có một trăm người mỗi người bung một đĩa ô-m-lết đem dâng tới miệng, — đèn đuốc trong phòng đều tắt ráo, đề cho mỗi vị trong hàng « nhứt bá » thưởng thức món hột gà chiên bằng rượu còn lập lòe lửa mỹ-tửu bay thơm nồng nực cả phòng).

Sức ăn khỏe của ông là có tiếng, Hạ-hầu Đôn đời Tam-Quốc không bì. Lúc làm xã-trưởng thành Lyon, một kỳ nọ ông đề phu nhân ở lại Paris và đơn thân độc xa ông lái xe về với một tay xách nhỏ đựng đồ tế nhuyễn. Anh bồi dọn bàn là người mới nạp dụng, vừa vô ở được ít ngày nên chưa biết tánh ông chủ nhà. Bữa đầu tiên từ Paris ông về tới, ông bèn gọi anh bồi dạy lại dọn đặt cho ông ở quán mụ X (tôi quên tên mụ này là tay đầu bếp trứ danh tại Lyon buổi ấy), dặn bà làm cho ông bốn repas complets (quatre repas complets), và lấy đồ đựng xách « phải mang về đây cho đúng buổi ăn trưa. » Muốn tỏ ra mình là tay lệ trí, và giỏi việc, anh bồi không hỏi thêm lời nào, lui-cui dọn bàn dọn chén đĩa ly tách đề chủ đãi ba ông thượng khách với ông là bốn phần ăn. Té ra

đến giờ ăn, không thấy ông khách nào đến, E. Herriot từ trên lầu xuống, bảo dọn hết muông đĩa thừa, một mình ông thực trọn bốn khẩu phần, không chừa lại một chút nào cho anh bồi liếm đĩa. Cái thuật «trường sanh bất lão» của ông là ăn nhiều, ăn bằng bốn lần người khác.

Bên Anh-quốc, vào năm 1952, bá-tước Vicomte Samuel, cựu thống-đốc đại-sứ hoàng gia Anh tại Palesti-ne, vẫn còn khỏe mạnh. 82 tuổi đầu. Soạn sách về khoa, triết và đạo-học. Samuel nói : — Sách này vừa khởi viết, nhưng tự nó sẽ chóng thành. Càng già, ý tứ càng dồi dào : nó tràn ngập trào cuộn cuộn từ óc trên đầu chuyển xuống ngón tay, tuôn ra không kịp viết. Tại nó «ứ» lâu ngày nên viết khỏi sửa chữ nào.

Ông Bertrand Russell — mà ai có đọc văn Anh đều biết — năm 80 tuổi, ngồi viết lại thiên ký sự. Ông than «đã thắm già vì đi một hơi tám cây số ngàn thì đồ mồ-hôi». Mà trời đất ôi ? có lực sĩ tráng niên nào, đi bộ tám cây số mà khỏi thắm mệt như ông ?

Ở Londres, đường Harley Street, có hầu-tước Lord Horder, 80 tuổi, vốn là ngự-y riêng của hoàng-đế Anh quốc. Năm ông tám mươi, làm việc suốt 12 tiếng đồng hồ mỗi ngày, và lúc rảnh rang, ngồi xếp văn làm thơ, hoặc ra vườn cuốc đất trồng hoa không biết mệt, cũng không biết đau lưng.

Kề về phụ nữ trọng tuổi cao niên mà không thấy già thì số sống sót

còn nhiều hơn phe đàn ông nữa. Xin kể một gương thôi. Đó là bà Dr.A.-Helen Boyle, 82 tuổi, ở Brighton, từng tuổi ấy mà làm chủ-tịch hội tâm-lý y-học của hoàng-gia Anh sáng lập (Association royale médico-psychologique). Bà là bác-sĩ chuyên điều trị về khoa thần kinh bệnh học (psychiatrie), vừa ở Londres vừa ở Brighton. Hiện bà đang lo xây cất một trung-tâm chữa bệnh lãn trí, tuyển thêm bác sĩ chuyên môn rành nghề và lựa chọn các vị tu hành có thiện chí cộng tác. Bà bác-sĩ Boyle này không kiêng cử gì cả, ăn lượt sạp bất kể món nào tùy sở thích, tùy mắt thèm, tùy bụng muốn. Mà uống trà vô số kẻ, và chấm chút rượu mạnh Whisky nhưng chấm chút thôi. Bà có tật không bỏ giấc trưa nào, cứ trưa trưa phải nằm nghỉ lưng chốc lát, nhưng bà thức làm việc đến một hai giờ khuya mới đi ngủ.

oOo

Sánh với mấy người khác thường đó, tôi là một con chốt. Mới 70 tuổi đúng mà lên mặt làm tàng. Nhưng nếu cho phép tôi lấy kinh nghiệm có đi một khúc đường khá dài, thì tôi thấy không có luật lệ vệ sinh nào bắt buộc phải tuân theo để già không bệnh tật và còn ăn-phộp (en forme) luôn luôn.

Trong các bậc lão mạo tôi hỏi, có ông khoe từ nhỏ chí lớn không đau bệnh gì ngặt nghèo, nhờ vậy máy còn tốt và được sống lâu. Nhưng ông khác lại cãi rằng có mạng số, như ông vẫn đau rề-rề, không bữa nào mạnh

suốt mà không hiểu vì sao, nay đã 79, mà vẫn chưa chết.

Có ông có bà, dài các sang trọng, ăn sung mặc sướng nên sống dai. Sống dai nhờ tầm bễ, như vậy cũng đành đi. Nhưng có nhiều vị, ăn kham mặc khổ, thiếu trước hụt sau, đi thì cước bộ, nấu nước pha trà lấy, ăn uống quấy quá rau cỏ mắm muối quanh năm, hình thù khô đét như con khô mực mốc treo giàn bếp, ấy thế mà leo lần, bảy mươi, tám mươi, chín mươi, đề coi hay là lão chờ làm đủ một « xăng » (một trăm chẵn) mới chịu nằm xuống.

Lúc tôi bốn mươi ngoài, lên xe xuống ngựa, mà cân có hơn mười hai kí. Nay đã thất tuần, cân trên sáu mươi, là nhờ đi toàn xe lam, cước bộ và với một đôi giày cũ êm chân, tôi không tốn tiền tắc xi và xích lô máy.

Theo tôi, giàu lắm hay trúng thực. Con cháu nó ép ăn cho mau chết, chúng hưởng gia tài sớm. Hễ giàu thì ít hoạt động. Ra đường thì có xe hơi, vào nhà thì sẵn ghế xích đu, quạt máy, tủ lạnh. Cái sinh lực, không xài, nó mất đi hồi nào cũng không hay biết. Trái lại nhà nghèo phải tay làm hàm nhai, ít ăn mỡ đề lâu ngày, yến tiệc tiên lầu, rượu mạnh, năm khi mười họa mới nếm, ngày thường, cháo rau nhẹ bụng, nhờ đi bộ « bắt buộc » mà tìm ra thuật dưỡng sinh « thể thao ép », và nhà nghèo không lo đồng tiền mất giá, không lao tâm lao lực vì danh lợi, cho nên trở về già, nhà nghèo được có những tia nắng sớm sưởi ấm,

không khác cây cối buổi tàn đông, đứng giữa rừng, có luật thiên nhiên che chở.

Biết an phận tùy duyên thì được sống lâu.

Giàu thì có nhiều lo. Lao tâm nhọc trí, nay sợ đồng đô-la lên giá, mai sợ ruộng bị truất hữu, sợ mà cũng không khỏi, một muốn leo lên ghế cao ngồi cho sướng đít, bữa kia toan chạy thật xa, chi cho bằng ai sao mình vậy, trời có cho sống mạnh giỏi thì sống chơi đề coi đời đi tới đâu, trời bắt cứ kiêng quá và sống nhờ thuốc, thì xin lỗi, đề cho tôi đi cho khỏe.

Những người sống dai hình như là những người không biết sợ chết và cũng không cần nhớ đến cái chết bao giờ. Tuổi thọ trời cho tới đâu thì hay tới đó, nhắc đến ông trời hoài là vì không có chữ gì thay thế, chớ rốt cuộc rồi, ông hoàng-đế cũng băng, ông thầy chùa, ông mục sư thì tịch, Mao cũng bay mà Tưởng cũng xí, lo làm gì cho mặt trí khôn.

Phải biết hòa mình với xã-hội mình đang sống, không ích kỷ mà cũng không quá hợp, năng giao thiệp đề đòi trao tư tưởng, kết giao bạn bè cười nói cho thường cho mạch lạc lưu thông, nhất là tránh giận tránh buồn, tránh hờn người đương, tránh lo thế sự.

Đừng quá cay cú đến sanh bốn uất, phải mỗi ngày sự tiêu hóa đều đều, lỏng thì nhớ lại hôm qua ăn những gì, chặt thì tốt, và đừng đề cho táo. Lớn tuổi rồi, đừng sợ tổn

tiền, mỗi tháng thăm chừng nước tiểu phải không vôi, không đường, cũng không chứa lòng trắng trứng gà, gọi là mắc bệnh đản bạch. Phải năng tuần mạch máu. Nhà có ống nước thì đừng để cho sét đóng, thì làm gì có sự bề ống xì hơi. Đừng gắt gồng như mấy bọm già xưa, phải biết dung tha khi tuổi mình đã lớn vì xét ra lúc nhỏ mình cũng lằm lặc như ai, càng khoan hồng tích đức bao nhiêu, có lẽ, nói theo xưa, ông Nam-Tào ở trên cao kia cũng nói lòng quên hay dễ dãi việc xét sô và dung túng cho mình sống thêm vài kỷ nữa.

Bọn già sống lâu, được khỏe mạnh, nghiệm ra là những bọn xuề xoà không khó tánh, biết trước những gì ai muốn cầu xin với mình và nhạy cảm. Tiếc của làm gì, khi hai tay buông xuôi thì dĩ hà nhất thề, có ai đem theo được món nào, từ ông tướng hét ra khỏi đến ông vua giàu sang quán thế.

Tôi chưa nghe bọn già tốt số, than tiếc điều gì. Nhưng già mà đừng lẩn, mắt còn tỏ, tai còn thính, ăn biết ngon, ngủ thấy khỏe thì nên sống để chờ xem ngày thái-bình sắp đến. Bằng như ỉa trây đái dầm, nhìn không ra người quen, nói quên đầu quên đuôi, thì cũng nên đi phứt cho khỏi tổn gạo, nhứt là đi khỏi xin giấy thông hành cũng khỏi đóng thuế xuất dương phiền phức.

Già tốt số là già mà còn làm việc được, viết lách được, trí óc còn sáng suốt, sự minh mẫn trời cho không kém, vẫn học thêm và luôn luôn tích

cực tham gia giúp ích chòm xóm đồng bào.

Già tốt số phải biết chịu chơi, phải mô-đec và lạc quan mãi mãi. Nhờ lạc quan cười cợt liên miện nên tuổi già mà vẫn nhẹ vai gánh vác.

Riêng tôi, với mớ tuổi này, tôi cảm thấy như trẻ lại, không phải lỗi phản lão hoàn đồng đòi vợ bé, nhưng tôi biết an phận tùy duyên, và chỉ muốn hoàn thành tám cuốn sách khảo về đồ xưa, viết xong bao nhiêu ấy rồi, muốn đi ngày nào không thấy trở ngại. Xin đừng lằm tuởng tôi khát nợ kiếm chuyện dằng dai. Hiện tôi đã in xong bốn cuốn, cuốn thứ năm đang sắp chữ, cuốn thứ sáu chờ kiểm duyệt, cuốn thứ bảy đã được hai trăm trang, cuốn thứ tám, nếu giá giấy đừng tăng thì cuối năm nhâm tý này sẽ ra lò nóng hổi. Cuốn thứ tám, nhan là "HƠN NỬA ĐỜI HU" sẽ là cuốn sám hối, tôi khai hết những gì tôi đã lằm lỏi, các em nhỏ muốn lấy đá liệng tôi, tôi cũng không đỡ, vì tôi muốn chỉ những chỗ hư để các em tránh sau này.

Bọn già tốt nết của tôi đều biết như tôi, đi bách bộ mỗi sáng. Xa đường thì sẵn xe lam. Gặp kẹt xe thì trả tiền xuống cuốc bộ lại càng thoải mái. Không sợ xe bị đốt, không sợ trẻ em làm trầy màu sơn, và khỏi nạn thuế giữ xe quá mắc.

Bọn già như tôi, nay không còn bao nhiêu, mấy lão khó tánh đã khăn đất nằm yên không cực cựa, bọn sót lại thỉnh thoảng gặp nhau ngoài đường, hỏi thăm đều khai thiệt rằng hết ngu-ngue, tìm thú vui trong học hỏi,

người bồ túc tự điền, người ghi chép tiếng lái, người khao khát muốn biết rành thêm về căn cội nguồn gốc cái này cái nọ cái kia, cái nũa nũa.

Chúng tôi đều lấy làm lạ, tuy không đến như con bò ăn cỏ ngó máy bay, trên trời ; nhưng quả có nhiều cái ông bà chúng tôi rất dốt : ngồi một chỗ mà nghe xa ngàn dặm, thấy chuyện bên Tây bên Tàu trong một vuông kính bằng tấm gạch lót nhà, và tỷ như muốn đi đó đi đây, không cần cánh mọc không cần trai giới thần chú chi cho khó học, miễn có tiền mua vé sòng phẳng, đứng giờ ra sân bay, lột khỏi con mắt nhà đoan rồi thì a-lê hấp, một cái vù là tới nơi tới chốn.

Không cần làm như Tần-Thủy-Hoàng, sai Đôn-Phước đi tìm thuốc trường sanh cho nó trốn luôn biệt tịch. Đứa nào tốt số, chờ vài năm các nhà y-khoa bác học sẽ tìm được thuốc chữa trị các bệnh ngặt nghèo của tuổi già, chỉ sợ đồng bạc tuột dốc mãi, phải gánh bao nhiêu gánh mới đổi được một liều thuốc « sống thêm đề nghe chửi ».

Khi có một thằng già làm cầm, thì thế gian đàm tiếu, gọi « nó đã trở nên trẻ nít ». Theo tôi, không ắt đều phải như vậy hết thảy. Đó là già chịu chơi, miễn đừng chơi trống bỏi. Khi già phải biết thân và phải giữ nết. Ham trống bỏi là tự mình đào huyết lấy mình, và cái nắp hôm sớm đập trên mình chớ sợ gì ? Phải làm sao cho già mà không khác sống lại như buổi thiếu thời, ham học hỏi, ham suy cở nghiệm kim, biết tấn cho phải lúc, biết thoái cho kịp thời, sách xưa dạy rõ, hễ « cấp lưu thì dừng thoái », thì làm gì có chuyện. Chớ nước đang chảy mạnh, mà sấn vào đó thì lụy thân, ích gì ?

Ngày nay, từ bảy mươi, biết đề đặt tiết độ, thì phản lão hoàn đồng là một việc làm được. Thuật trường sanh bắt tử không khó, chỉ sợ mình không biết tránh bầy tránh dò của sự cám dỗ xúi giục. Phải nhớ già bảy mươi không khác làm trò xiếc đi đây. Lơ đễnh là té, chết dễ ợt.

(còn tiếp 1 kỳ)

VƯƠNG HỒNG SẼN

KHẢO VỀ ĐỒ SỨ CỔ TRUNG-HOA

— Sách viết năm 70 tuổi, với kinh nghiệm một đời người (461 trang và 56 ảnh chụp).

— Còn một số, bán tại nhà tác giả : 9/1, Nguyễn Thiện Thuật (Gia Định) và tại Tòa soạn Bách Khoa 160, Phan đình Phùng Saigon.

— Giá : có chữ Ký 2.000 đ. bạn hữu 1.500 đ. sắp lên, sinh viên 1.000 đ.

Nhà Xuất bản LÁ BỐI

Lô O số 121, Chung-cư Minh-Mạng Saigon 10

Giám-đọc sáng lập: Nhất Hạnh

Mời đọc:

- ☐ NẸO VÀO HIỀN HỌC của Nhất-Hạnh
*Tác phẩm «Thiền học nhập môn» dành cho tất cả.
Một lối trình bày Thiền thật trong sáng, dễ nhận.*
- ☐ NGUỒN GỐC MÃ-LAI CỦA DÂN-TỘC
VIỆT-NAM của Bình-Nguyên-Lộc
(Sau ba tháng phát hành đã bán được 1.500 cuốn).

Sách mới 1972 đã phát hành:

- ☐ 10 KHUÔN MẶT VĂN-NGHỆ HÔM NAY
của Tạ Tỵ viết về 10 nhà văn.

Đang lên khuôn 2 cuốn:

- ☐ VÔ MÔN QUAN
Thiền sư Vô-Môn bình tụng
Trần-Tuấn-Mẫn dịch
— *Một chọn lọc từ kho tàng văn học kỳ bí nhất
của nhân loại.*
— *Mô tả những thành tựu tuyệt vời nhất của sức
sống trần gian.*
- ☐ CHINH-PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC
Phan Huy Ích diễn giả
Nguyễn Văn Xuân phát giác

Mua sách tại LÁ-BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán
các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gởi sách cho bạn
đọc qua bưu điện. Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề
Ông Võ-Thắng-Tiết.

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



ĐẦU LỘC ĐIỀU DẪI
Thượng hảo hạng

Thơm mùi - mát cổ - thơm dịu

Một sáng ngậm ngùi

Khi chàng tỉnh dậy, ông Khả đã ngồi ở bàn. Ngọn đèn néon trên trần nhà sáng chói. Hiệu thấy nét mặt cha xanh xao, phờ phạc. Chàng chắc suốt đêm cha không ngủ. Hiệu đưa mắt nhìn cha : ông ngồi im trên ghế, hai khuỷu tay chống trên bàn, vẻ đăm chiêu, tư lự. Cặp kính trắng bất động ; mái tóc còn thừa thớt mây sợi đen, bất động ; toàn thân ông bất động. Dầu vậy, trông ông vẫn có dáng khoan hòa, trầm tĩnh. Ông đã ngồi như thế từ lúc nào ? Chàng không biết. Hiệu nhìn đồng hồ : 4 giờ 20. Chàng vội vã ra sau nhà đánh răng, rửa mặt, thay quần áo. Ngoài ông Khả, mọi người vẫn ngủ ngon. Hiệu đón đến, gương nhẹ trong mọi cử động. Đêm qua, Hiệu không rõ mình đã thao thức đến mấy giờ. Chỉ nhớ mơ hồ, mình vừa chợp mắt ngủ thiếp đi một lát, chuông báo thức của cái đồng hồ để trên bàn đã kêu vang, chàng choàng tỉnh. Bây giờ hai mắt Hiệu cay sè, đôi mi muốn sụp xuống. Giấc ngủ nửa vời làm chàng bức bối. Chàng nghe râm ran trong ngực, râm ran khắp cơ thể, chân tay rã rời, mệt mỏi. Hạnh phúc đối với Hiệu lúc này không phải là một cái gì lớn lao, trọng đại : chỉ là một giấc ngủ kéo luôn một mạch đến chiều. Nhưng, chàng không có quyền tự ban cho mình hạnh phúc ấy. Cũng không có quyền ngả lưng nằm thêm một phút

nào nữa. Muộn rồi : đúng 5 giờ, Vinh đến đón.

Khi Hiệu trở ra nhà ngoài, ngồi xuống cái ghế đối diện cha, đồng hồ chỉ 4 giờ 30 phút. Ông Khả đang chuyển nước trà từ cái bình nhỏ sang hai cái tách con. Ông nói :

— Anh xem còn quên thứ gì không ?

— Thưa thầy, không. Con thu xếp xong xuôi từ chiều hôm qua. Đồ đạc của con cũng chẳng có gì : mấy bộ quần áo nhà binh, mũ, mền và đôi ba thứ lặt vặt ...

Chàng nói và tự nhận thấy giọng nói của mình đượm vẻ buồn ngùi, cảm động. Đây là lần thứ bao nhiêu, Hiệu lại từ già cha mẹ già đi đến một nơi xa ? Chàng không nhớ rõ. Thời gian sống gần gia đình, đối với chàng, chỉ như một niềm may mắn bất ngờ, hiếm-hoi, ngắn ngủi ; như một giai đoạn ngừng nghỉ tạm thời của một cuộc phiêu lưu vô kỳ hạn, một cuộc phiêu lưu không do chàng định đoạt : chàng không được quyền lựa chọn nơi chốn, ngắn, dài. Tuy vậy, so với những lần trước, lần này chàng đã được ở cạnh gia đình một thời gian khá lâu : một năm. Đúng giờ này năm ngoái, Hiệu hí hửng vác ba-lô từ Q.N. trở về Sài Gòn. Cả nhà chàng mừng rỡ. Nhưng, nỗi vui mừng của cha mẹ, các em chàng, không thọ được bao lâu : ngày nay

chàng lại khăn gói ra đi. Lần này chàng đi xa hơn bất cứ lần nào từ trước : Đà-nẵng. Thành phố chưa-biết-mặt-mũi này gợi nhắc đến một nơi chốn phải gánh chịu nhiều thiên tai : bão, lụt, đói kém ; gợi nhắc một nơi chốn khô khan, cần cỗi, người dân phải vất vả, khó khăn mới kiếm đủ ăn. Đó cũng là nơi chốn đứng vào hàng đầu những cuộc xuống đường, tranh đấu ... Từ ngày vào quân đội, Hiệu đã được (!) đi khắp 3 vùng Chiến-thuật, từ vùng 4 lên đến vùng 2. Chàng vẫn ân hận, mình chưa có dịp được ra vùng 1. Bây giờ thì chàng toại nguyện. Có điều, Hiệu không ngờ, sự toại nguyện lại đến với chàng quá sớm. Những ngày sống cạnh gia đình thoảng qua như một đám mây tan loãng trên trời. Những sợi tóc đen sót lại trên đầu cha mẹ chàng, chưa kịp trắng ; lớp quần áo của lũ em chưa kịp ngả thêm. Hôm nhận được lệnh chuyển chuyển, Hiệu chợt vui, chợt buồn. Cái bản tính thích lang thang, bay nhảy nơi chàng, được thỏa mãn. Nhưng, nghĩ đến cha mẹ già và các em nhỏ, chàng thấy niềm vui của mình không trọn vẹn. Trong niềm vui như chứa đựng điều gì bất chính. Chàng chần chừ, nấn ná mãi mới dám cho cha mẹ hay. Dĩ nhiên là mẹ chàng buồn. Cha chàng, tuy không nói ra, nhưng, những lúc không có chàng, ông phàn nàn là chàng không biết nghĩ. « Nó không biết thương Cha thương Mẹ. Đáng lẽ lúc này nó cần sống cạnh gia đình : chỉ còn mình nó là con trai ». Được mẹ cho hay những

lời khiển trách của cha, Hiệu nín thinh, không cãi chính. Chàng không muốn và cũng không biết cãi chính ra sao. Và lại, chính chàng, chàng cũng nhận thấy cha chàng có lý. Đánh rằng sự chuyển chuyển không do chàng định đoạt. Nhưng, trong thâm tâm, chàng tự hiểu, chàng có thể bằng cách này hay cách khác, ngăn được nó khỏi xảy ra. Đàng này, chàng đề mặc. Thái độ buông xuôi ấy tự nó làm nên mặc cảm tội lỗi đối với gia đình. Người em trai tử trận vài năm trước, giờ làm lớn thêm tội lỗi ấy : Không có hẳn ở nhà, cuộc đi xa nào của chàng cũng biến gia đình trở thành hiu quạnh, cũng bắt cha mẹ già phải bận tâm, lo nghĩ nhiều hơn. Chàng thực tâm ân hận.

Ông Khả đặt chén nước xuống mặt bàn, ngược lên, hỏi :

— Anh Vinh đến thẳng đây hay đợi anh ngoài phi trường ?

Hiệu nhìn cha :

— Chú ấy hẹn con ngoài đầu hẻm. Con theo xe chú ấy vào thẳng chỗ máy bay, vừa đỡ vất vả vừa khỏi bị khám xét lời thôi.

Hút xong thuốc lào, ông khẽ bảo :

— Anh uống chén nước cho ấm dạ rồi đi, kéo muộn.

Hiệu đưa tách nước của mình lên, nhấp từng hớp nhỏ. Mùi trà sen thơm ngát gây cảm giác dễ chịu. Chén nước nóng giúp chàng tỉnh táo. Con buồn ngủ tiêu tan. Đã lâu lắm Hiệu mới được ngồi uống trà nóng

với cha vào lúc trời chưa sáng. Trong cái yên lặng của một buổi mai gây gây lạnh, chàng nghe lòng bồi hồi, xao xuyến. Chàng nhìn mái tóc-bạc quá-nửa của cha, lòng đứng đưng, xúc động. Bao giờ một mình ngồi đối diện trực tiếp với cha trong khung cảnh thân mật đầm ấm thế này, chàng cũng nghe lòng đứng đưng, xúc động. Ngay cả những lần, suốt khoảng thời gian ở cạnh nhau, hai cha con không nói với nhau lời nào, hoặc chỉ trao đổi những câu nói rất vu vơ, không cần thiết, chàng cũng vẫn thấy mình đứng đưng, xúc động. Niềm xúc động ấy dường như hắt ra từ thái độ trầm mặc, nghiêm trang mà vẫn thân mật của cha; và cũng dường như nó đã nằm sẵn đâu đó nơi tâm hồn chàng.

Thường ngày, ông Khả là người kín đáo, nghiêm-nghị. Ông rất ít bộc lộ tình cảm đối với mọi người. Càng rất ít đối với vợ con. Trong gia đình, mỗi lời nói của ông nếu không hẳn là một mệnh lệnh thì cũng là một hình thức khuyên răn, dạy-dỗ. Ít ai có dịp bắt gặp được ông vui đùa, cười cợt, hoặc buông những lời bông lơn xàm xỡ. Đừng nói đến chuyện bông đùa, ngay cả một thái độ xuề xòa, cởi mở, một lời nói có tính cách sẵn đón, thân mật quá đáng đối với vợ con, hình như cũng hiếm. Thái độ nghiêm trang khe khắt ấy của ông tự tách rời ông ra khỏi mọi người, tách rời ông ra khỏi vợ con, tạo cho ông một khoảng cách, một vị trí mà vợ con khó mon men tới. Ở trong nhà, bóng dáng ông lớn

lao, lừng lững, bao trùm, khóa chặt mọi người. Do vậy, mọi người như đều nhận chịu một sự chi phối ngấm ngấm, một ảnh hưởng sâu xa, mạnh mẽ từ con người ông lấn tới. Hiệu tự thấy mình nhận chịu nhiều nhất cá tính của cha.

Tuy nhiên, lâu lâu ông Khả lại tự ý rời khỏi vị trí của mình, nhích đến gần vợ, gần con; cố gắng tỏ một thái độ yêu thương, quý mến. Đó là vào những ngày đặc biệt: những hôm có giỗ, con cái xum họp đầy đủ trong nhà; hoặc những hôm ông tự cảm thấy cô đơn, trống trải. Và cái cách bày tỏ cảm tình của ông lại cũng có nhiều đặc biệt. Nó lúng túng, vụng về một cách rất nên cảm động: Khi, là một vài câu hỏi băng quờ, không nhằm hẳn vào chuyện gì nhất định. (Ông hỏi người này một câu, kẻ khác một câu; ngỏ ý tán thành ý kiến của đứa con này; giả vờ phản đối ý kiến của đứa con kia...vv...). Những lúc như thế, mẹ chàng là người hiểu hơn ai hết, ông tham dự vào câu chuyện chỉ như mượn một cái cớ để được sát lại bên cạnh vợ con; Khi khác, là một vài sẵn sóc bất ngờ, nhỏ nhặt: mua cho đứa này cái khăn mặt, đứa kia cái bàn chải đánh răng v.v. Nhiều khi lại chỉ là sự lặng thinh, không nói năng gì hết. Tuy nhiên, những lần thấy cha lặng thinh như thế Hiệu đều nhận biết. Chàng hiểu một cách rất rõ ràng, một khi ông đã chịu ngồi im lặng giờ lâu bên đứa con nào tức là ông muốn tỏ lòng yêu thương đứa ấy. Đối với ông, chỉ riêng sự có mặt

của ông thôi ; riêng cái việc ông cho phép cho con cái được ngồi gần cạnh mình thôi, đã là một cách dành cho chúng ít nhiều cảm tình đặc biệt rồi. Cho nên, trong mọi trường hợp được ở cạnh cha, Hiệu đều cảm biết, sự im lặng đang diễn ra chung quanh chỗ bố con ngồi, có một tính cách khác thường. Đó là một sự im lặng tuồng như đã được làm bằng tất cả tấm lòng yêu thương, che chở của cha. Ngồi trong vùng im lặng ấy, chàng tự nhiên thấy lòng nhẹ nhàng, êm ả, như người đi bộ đường trường, bỗng được ngồi nghỉ chân dưới bóng rợp của một cây to, giữa buổi trưa hè nồng nực. Những phút ngồi gần bên cha như vậy, chàng luôn luôn cảm thấy, trong bầu không khí vây bọc hai người, phảng phất chút gì thiêng liêng, trang trọng ; đồng thời nó cũng hết sức mong manh, lúc nào cũng như chực tan biến mất.

Cái gì đã gây cho chàng cảm nghĩ ấy ? Thái độ khoan thai, trang trọng của cha ? (Ông trang trọng đến nỗi, khi ông pha trà thì Hiệu thấy cái cách ông cho trà vào ấm ; cách rót nước sôi ; cách chuyển trà từ ấm sang các chén con... thấy đều tỏa ra vẻ gì gần gũi với sự linh thiêng, kính cần. Bởi vậy, chén trà ông pha bỗng muốn hóa thành cái gì đáng được nâng niu, chăm chút ; nếu uống một cách vội vàng, cảm thấy tựa hồ mình thô-tục bất xứng đối với chén trà.) Hoặc giả, lâu lâu thấy cha bỗng đứng rồi bỏ cái vẻ khô-khan, nghiêm khắc thường ngày, tự ý nhích lại gần mình, tỏ lộ với

mình một vài hồi han, săn sóc... Cái lối xử sự bất thường, đặc biệt ấy của cha đã gây cho chàng cảm động ? Hay là chỉ riêng cái hoàn cảnh, cái trường hợp mà hai cha con đang có với nhau, tự nó đã là một điều đủ để bắt chàng phải cảm động rồi : Một đêm nào đó đã khuya, chung quanh đã hoàn toàn yên tĩnh, mọi người nơi chòm xóm đã ngủ yên, theo thức hồi lâu không ngủ được, người cha trở dậy, lặng lẽ pha ấm nước trà, kêu đứa con lớn cùng ngồi nhăm nháp, vừa khẽ khàng trao đổi một vài câu chuyện vu vơ ... Hoặc một buổi sớm mai, trong khi mọi người chưa ai tỉnh giấc, người cha đã tự lúc nào, âm thầm ngồi đợi đứa con trở dậy để uống với nó chén trà trước khi tiễn nó đi xa ... Có phải chỉ riêng cái cảnh ấy thôi đã đủ khiến chàng bùi ngùi, xúc động ? Có lẽ vậy chăng ? Cần gì phải nghe cha nói ? Cần gì phải đợi những lời lâm ly, não nuột ?

Thế nhưng, Hiệu không còn được bao lâu nữa để tự nghe lòng mình xúc-động. Hết giờ rồi : 4 giờ 45 phút. Chỉ còn chừng mười phút nữa. Mười phút để ngồi trong niềm im lặng an tĩnh của cha ; mười phút để nhìn ngắm lại ngôi nhà mà chàng đã từng lớn lên trong đó...

Hiệu đứng dậy, đi lấy cái ba-lô, đặt dưới chân ghế chỗ mình ngồi.

Ông Khả rót thêm chút nước vào chén của chàng. Không nhìn chàng, ông nói :

— Ra ngoài đó, anh nhớ viết thư

về kéo mẹ, anh nóng ruột.

Hiệu nghe mình khẽ «dạ». Chàng lẩn nhè-nhẹ chén nước nóng giữa hai lòng bàn tay, đưa mắt nhìn vòng khắp gian nhà. Đề ý nhìn lâu, Hiệu bỗng ngạc nhiên: mọi vật ở trước mắt chàng (từ cái màn gió, cái tủ, cái bàn, tủ sách đến những bức tường loang lổ, những tấm hình, quyền lịch ...) chúng đã có mặt trong cái nhà này từ lâu, từ hồi chàng còn bé, vậy mà chàng có cảm tưởng bây giờ chàng mới trông thấy lần đầu. Chúng đều như vừa đời mới. Thì ra, từ trước đến nay, mọi vật đã quá gần gũi, thân thuộc với chàng, cho nên không được chàng lưu ý tới. Giờ đây sắp sửa rời xa, bấy giờ chàng mới giật mình hốt hoảng: tất cả những vật vô tri đều như cất lên một lời níu giở âm thầm, một nỗi buồn ngùi, một niềm lưu luyến. Trong một thoáng lướt qua, tâm hồn chàng như chợt mở ra, thu nhận tất cả những tiếng kêu gọi thầm thì, những lời lẽ mơ hồ mà vô cùng tha thiết của hầu hết mọi vật vô tri. Và chàng cảm thông với chúng.

— Thôi. Anh ra ngõ thì vừa, đừng đề Vinh hấn đợi.

Nghe tiếng cha, Hiệu nhìn lại đồng hồ: chỉ còn 2 phút nữa đến giờ chàng hẹn với Vinh. Chàng lật đật đứng dậy, đội mũ, vác ba lô.

Ông Khả tiễn chân chàng ra đến cổng.

Trong con ngõ hẹp, Hiệu nghe rõ bước chân mình vang lên, rành rọt, khua động nhịp nhàng trong cái yên tĩnh mênh mông của một đêm dài gần hết.

Đi được một quãng khá xa, tự nhiên chàng quay đầu nhìn lại: sau màn sương trắng nhờ nhờ, chàng thấy cha vẫn đứng im lìm bên hàng rào ngoài cổng. Không định tâm, đôi chân chàng tự dưng dừng lại.

Khi tiếp tục bước đi, chàng thầm tự nhủ: «Dầu sao, như vậy cũng còn dễ chịu hơn là phải nhìn những giọt nước mắt của mẹ và các em mình».

11-03-1972

DOÃN-DÂN

Vì sao giữa cuộc chiến tranh thảm khốc và đời sống bấp bênh này, độc giả VN vẫn say mê theo dõi bước hành hiệp của Trươn Vô Kỵ, Lệnh Hồ Xung, Kiều Phong .. ?

Hãy tìm câu trả lời trong:

NỖI BĂN KHOẢN CỦA KIM DUNG

của NGUYỄN MỘNG GIÁC

cây viết mới và đề tài mới Bách Khoa giới thiệu trên số 342

Phát hành toàn quốc đầu tháng 4-1972

Sao khuya

Thơ TƯỜNG LINH

Thôi còn gì kể nữa với sao khuya
Tâm sự đó mơ hồ như cỏ lịch
Ta cảm nín trọn mùa thu tịch mịch
Nhìn không gian run rẩy sóng tơ trời
Biển vọng về âm hưởng mưa xa khơi
Em bé bỏng nhịp hài lay thức mộng
Vùng lặn trốn tạm bình yên, khẽ động
Chấm sao quen chưa lạc hướng trông tìm
Ta im lời đâu phải lạnh lòng em
Hồn lãng tử rồi bởi hương tóc cũ
Thơ vẫn nuôi sau chiều hoa bướm ngủ
Tình âm thầm kể mãi với sao khuya
Đêm lung linh huyền ảo dáng xa về
Trái sầu rụng khắp nẻo mòn hồi tưởng
Xưa động phím, bây giờ đau âm hưởng
Thăm thẳm nhìn, ôi mắt đó sao quên !
Tiếng ca nào chen tiếng thủy triều lên
Màu áo cũ hay dáng trời dầy biếc ?
Trong cõi nhớ không có chiều già biệt
Tâm chia ly khoảng cách đến vô bờ
Còn đìu hiu vương vấn mãi trên tơ
Và se sắt vẫn ngùi ngùi điệu trúc ...

Ta trở lại căn gác nghèo âm mục
Sẹo trên người lưu vết buốt can qua
Mất mát nhiều nhưng sót lại cho ta
Khung cửa sổ tìm hương sao mùa cũ
Sao khuya đã chứng bao lời tự thú
Hồn đơn neo chót vót đỉnh trời sầu
Sao khuất rồi. Trời bỗng chuyển mưa mau...

Xuân 1972, về...

Giọt buồn

Thơ TẠ TỴ

Bước vào đời mang giọt buồn thứ nhất
Chảy chan hòa theo bao nỗi đớn đau
Lạc trần gian hồn tôi vừa đánh mất
Cõi vô minh với nếp gấp tươi màu

Ơn cha mẹ chăm nuôi và đùm bọc
Ngó trời xa rồi cất cánh bay đi
Khi ngoảnh lại chia lìa xanh cỏ mọc
Giọt buồn nhì chiu nặng đọng bờ mi

Thuở vàng ngọc mở hồn chào hoa lá
Thất vọng cho mặt đất chết môi hôn
Rồi một buổi tiễn đưa vào băng giá
Giọt buồn ba thấm mặn buốt nơi lòng

Nuôi uất ức để uơm mầm tranh đấu
Cầm thù theo mũi súng vút lên khơi
Nhưng năm tháng trôi xuôi bờ nương náu
Giọt buồn tư đành trao tặng cuộc đời

Giọt buồn năm xin nhường lòng phản bội
Càng những ai từng biết khóc như tôi
Nợ cơm áo còn mang nhiều tội lỗi
Thì tình thương đã chết từ lâu rồi

Chợt chừng ngộ vội quay nhìn thân phận
Trong xác thân cỏ ung độc gieo mầm
Tuổi hoang phế giam mình vùng đất cấm
Giọt buồn này thứ sáu gửi trăm năm

Còn đây nữa bao người quen kẻ thuộc
Khi hờn ghen yêu ghét lúc đùa vui
Tất cả đã rã rời theo mơ ước
Giọt buồn ơ thứ bảy có bụi ngùi

Giọt thứ tám để phần cho dực vọng
Công danh hề le lói dấm lân tinh
Quất ngựa dong xe dập diu ảo mộng
Mở hoang mê tìm đến cõi vong linh

Và Việt Nam 25 năm rồi đó
Lửa oan cừu đốt cháy mặt quẻ hương
Chiều hiu hắt phủ vàng bao năm mộ
Giọt buồn này thứ chín mấy đau thương ?

Giọt cuối cùng xin dành cho số mệnh
Nỗi trôi nào dẫn lộ đến hư vô
Lòng thênh thang bay giữa trời bất tận
Thật mệnh mong vì chẳng có đợi chờ !...

TẠ TÝ

TÌNH CA

Thơ PHƯƠNG HOA SỬ

trời sàigòn đứng ngó về tiênphước
tiênphước phương nào mờ mịt cách ngàn
tiênphước phương nào trùng điệp xa xăm
một miền đất yêu thương vội vàng đã mất
trời miền nam đứng nhớ trời tiênphước
chút hoa lau rụng rở một ven đồi
hoa mua rừng tím ngắt nẻo về xuôi
miền sơn cước chút chim rừng hoang dã
mai tình đã tan chẳng còn gì nữa cả
em về Trung mang dáng dấp học trò
dăm nỗi buồn cũng mọc cánh phương xa
trời lãng đãng theo mây chiều đến muộn
ta ngủ quên phần người một lần quên quên
một lần yêu một lần mất hoang tàn
mai ta về giữa một đám sương tan
cỏ thơ dại cũng mọc niềm nhung nhớ
hoa gạo đỏ chập chùng theo buổi chợ
ta ngược nhìn thương tiếc biết bao nhiêu
mắt mịt mờ qua một thửa thương yêu
tình chấp chới gió rừng thu lồng lộng
trái tim ta một ngàn năm vẫn nóng
khuôn mặt em rụng rở đến vô cùng

VÀO ĐỜI

Chương I

Hội đồng kỷ luật họp ở phòng bảy trên lầu. Đáng lý hội đồng bắt đầu xử từ năm giờ chiều, nhưng mãi đến lúc trời nhá nhem tối, ông phân hội trưởng hội phụ huynh học sinh mới tới. Thiếu tá bắt tay ông hiệu trưởng, phân trần rằng Đại tá đột ngột họp các vị sĩ quan tiểu khu về một vấn đề an ninh cấp thiết, nên ông không thể đến đúng hẹn. Các giáo sư từ nãy đến giờ đứng ngoài hành lang nhìn xuống sân trường, đã tự động bước vào phòng.

Phòng họp hơi chật chội so với số người tham dự. Lao công đã khiêng hết bàn ghế học sinh ra ngoài, và xếp băng sít lại nhau cho đủ chỗ. Cái bục gỗ cũng được khiêng đi cho rộng rãi. Dưới băng đèn, ba cái bàn học sinh phủ vải trắng dành cho chủ tọa đoàn, thư ký đoàn và hội đồng kỷ luật.

Lúc mọi người đều an vị, ông tổng giám thị chạy lại góc tối bật cái công tắc, nhưng điện không sáng. Hình như cả khu đều bị cúp. Lao công hốt hải chạy đi mua đèn sáp. Bóng nến lung linh chiếu lên các khuôn mặt nghiêm nghị khàn trượng, và vẫn còn đủ sáng để chiếu hắt ra phía hành lang. Đám học sinh từ dưới lầu chạy lên đứng lố nhố ở mép cửa.

Tất cả các vị ngồi trên bàn chủ tọa đều thất cà-vạt chỉnh tề. Ông hiệu trưởng hỏi ông tổng giám thị :

— Anh đã cho mời phụ huynh em Quang chưa ?

— Rồi, nhưng hình như gia đình của học sinh ở xa. Tùy phái cho biết hôm nay không có thân nhân em Quang đến dự cuộc họp.

Ông hiệu trưởng lại hỏi :

— Em Quang có mặt ở đây rồi chứ ?

— Rồi, từ lúc bốn giờ chiều. Quang xin cho em phó tổng thư ký được dự cuộc xét xử để trình bày rõ thêm vụ hôm qua.

— Điều đó tùy hội đồng quyết định.

Rồi ông hiệu trưởng gọi người giám thị bên ngoài vào :

— Anh lấy bàn học chặn lại, đừng cho học sinh đến gần phòng họp. Anh bảo Quang cứ ở dưới đó, khi nào hội đồng cần sẽ gọi lên. Nhờ anh lo giữ trật tự bên ngoài chút. Đừng để học sinh tụ tập ồn ào quá.

Giáo sư phía dưới lớp vẫn còn xầm xì nói chuyện riêng. Ông hiệu trưởng nhìn quanh một lượt, rồi quay về phía thiếu tá phân hội trưởng, mỉm cười xin phép, bắt đầu nói sau mấy tiếng dằng dẳng :

— Xin quý vị im lặng cho. Xin quý vị im lặng.

Thưa quý vị. Phiên họp bất thường của hội đồng kỷ luật bắt đầu.

Vâng, đây là một phiên họp đặc biệt, vì theo qui chế tổ chức học đường, hội đồng kỷ luật chỉ gồm có hiệu trưởng, tổng giám thị, đại diện phụ huynh học sinh, và hai giáo sư ủy viên hội đồng kỷ luật. Tất cả gồm có năm người. Giáo sư liên hệ đưa học sinh ra hội đồng kỷ luật được dự phiên họp phát biểu ý kiến, nhưng không được bỏ phiếu quyết định. Học sinh phạm kỷ luật có thể mời cha mẹ đến, nhưng cũng chỉ được góp ý bào chữa và dự thỉnh mà thôi. Sở dĩ phiên họp của hội đồng kỷ luật này có sự tham dự đông đảo của tất cả giáo sư, vì ông tổng thư ký hội đồng giáo sư hướng dẫn cho rằng em Quang đã xúc phạm danh dự toàn thể giáo sư, nên yêu cầu nói rộng thành phần hội đồng. Nghĩa là đáng lý hội đồng giáo sư nhờ hai vị ủy viên kỷ luật (đã bầu từ đầu năm) thay mặt, tất cả giáo sư muốn hiện diện để góp thêm ý kiến.

Chúng tôi nhận thấy không có gì đi ngược với qui chế học đường, nên quyền quyết định tối hậu vẫn dành riêng cho hội đồng kỷ luật.

Ông giám thị vừa cho biết : học sinh vi phạm kỷ luật, em Lê xuân Quang, tổng thư ký ban chấp hành, có yêu cầu chúng ta cho phép em phó tổng thư ký hiện diện trong cuộc họp này. Đây là một ngoại lệ, nên chúng tôi xin quý vị cho ý kiến.

Giáo sư Uẩn trong hội đồng kỷ luật nói :

— Tôi thấy không có gì trở ngại. Đề học sinh phạm kỷ luật bình tĩnh trình bày sự việc, cần có một người thân đi theo để hỗ trợ tinh thần. Thay vì một phụ huynh, em Quang có thể nhờ học sinh đã cộng tác chặt chẽ với mình trong hoạt động hiệu đoàn là phó tổng thư ký.

Thiếu tá phân hội trưởng nói :

— Tôi cũng đồng ý vậy. Trường hợp vi phạm không thuộc hoàn toàn cá nhân em Quang, mà liên hệ đến sinh hoạt của ban chấp hành. Chúng ta nên cho em phó tổng thư ký tham dự cuộc họp.

Ông hiệu trưởng nhìn quanh để tìm thêm người giơ tay cho ý kiến, nhưng không ai muốn nói thêm. Ông khẽ gật đầu nói :

— Như vậy là chúng ta đã thông qua các nguyên tắc chung của buổi họp.

Trong khi ông tổng giám thị bảo em Quang lên đây, tôi xin trình bày qua thể thức làm việc của hội đồng kỷ luật.

Thông thường, hội đồng kỷ luật cho học sinh vi phạm trình bày việc đã qua tự ý đưa ra các lời bào chữa, cũng như dành thì giờ cho quý vị hỏi lại học sinh các điểm chưa rõ. Sau đó, học sinh phải ra ngoài chờ hội đồng nghị án. Xin lỗi, tôi dùng chữ nghị án cho gọn tuy nặng nề quá. Quý vị góp ý kiến, cần nhắc lại

hại của hình phạt : hoặc đuổi ba ngày, hoặc đuổi một tuần, hoặc đuổi hẳn. Không có trường hợp đuổi nửa tháng hay một tháng, vì như vậy là làm trở ngại quá nhiều cho việc học của con em.

Khi có quyết định, học sinh lại được vào phòng để nghe hình phạt. Sau đó, hội đồng bế mạc.

Đáng lý cuộc họp này bắt đầu từ năm giờ và chúng tôi tiên liệu sẽ chấm dứt lúc bảy giờ, cho quý vị về dùng cơm. Nhưng vì lý do bất khả kháng, cuộc họp khai mạc trễ. Chúng tôi mong tất cả quý vị chịu khó ở nán lại đầy đủ, cho cuộc họp thêm phần nghiêm trang, xứng đáng với tầm mức quan trọng của nội vụ. Vừa lúc ấy, ông tổng giám thị gõ cửa, rồi cùng với Quang, Vân vào phòng.

oOo

Mọi người nhìn về phía Quang. Không ai nhận được nét gì đặc biệt nơi em học sinh ấy. Vóc người trung bình, khuôn mặt vuông, đôi mắt một mí hơi nhỏ nên cái nhìn thiếu tinh lực.

Quang mặc áo trắng ngắn tay, quần màu sẫm, mái tóc bù xù bất cần. Cả Quang và Vân bối rối không tìm được vị trí của mình.

Ông hiệu trưởng chỉ cái băng đề dọc theo vách :

— Hai em ngồi tạm ở đây.

Hai học sinh chưa kịp ngồi, ông hiệu trưởng đã hướng về phía dưới nói :

— Thưa quý vị, đây là em Lê xuân Quang, học sinh lớp đệ nhất B3, và đây là em Trần Vân, phó tổng thư ký, học sinh lớp đệ nhất A.

Yêu cầu ông tổng giám thị trình bày qua các sự kiện khiến ban giám đốc quyết định đưa em Quang ra hội đồng kỷ luật.

Ông tổng giám thị đưa mắt ra dấu cho hai học sinh được phép ngồi, rồi mới đứng dậy nói lớn :

— Thưa ông phân hội trưởng, thưa ông hiệu trưởng, thưa các bạn đồng nghiệp. Chắc quý vị đã được chứng kiến, hoặc nghe thuật lại hành động của trò Lê xuân Quang trong buổi lễ tiếp đón ông tổng trưởng giáo dục hôm qua. Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin tóm tắt lại diễn tiến, theo quan điềm của ban giám đốc, để quý vị dễ dàng phán đoán. Những điều tôi trình bày không được rõ, xin quý vị trực tiếp hỏi trò Quang để tìm hiểu thêm.

Ngày 15 tháng 5, chúng tôi được công điện của bộ giáo dục cho biết hai hôm sau, tức ngày 17 tháng 5, ông tổng trưởng sẽ đi thăm các trường tại đây để tìm hiểu tình hình giáo dục địa phương.

Sau khi họp ban giám đốc và nhân viên văn phòng, chúng tôi đồng ý nên tổ chức một lễ tiếp đón long trọng tại đại thánh đường, cho các em học sinh đệ nhị cấp học buổi sáng được nghe qua các ý kiến cải tổ giáo dục của ông tổng trưởng. Qua báo chí, vị lãnh đạo cao cấp nhất của

ngành giáo dục đã trình bày dự định thay đổi toàn bộ quan niệm và cơ cấu giáo dục Việt nam, nhất là vấn đề thi cử. Nhưng chưa ai hiểu rõ các kế hoạch ấy ra sao, và theo chúng tôi, lớp người trực tiếp chịu ảnh hưởng của cải tổ này là học sinh đệ nhị cấp. Vì vậy, chúng tôi loan báo cho các lớp buổi sáng nghỉ học, bắt buộc học sinh mặc lễ phục tham dự buổi tiếp đón. Các giáo sư hướng dẫn phải đích thân tập hợp học sinh lúc 8 giờ 30 để sẵn sàng tiếp đón thượng cấp lúc 9 giờ.

Theo chương trình, sau lời chào mừng của ông hiệu trưởng kiêm thanh tra trung học, một vị phụ huynh học sinh đọc diễn văn đề nghị cải tổ chương trình cho phù hợp với nhu cầu mới. Tiếp theo đó, đại diện học sinh giới thiệu các sinh hoạt học đường từ học tập, xã hội, văn nghệ, báo chí, đến thể thao. Cuối cùng là huấn từ của ông tổng trưởng.

Chúng tôi cho gọi trò tổng thư ký Lê xuân Quang lên, bảo thu thập tài liệu làm bản tường trình đọc trong 10 phút. Trò Quang vâng lời, và ngay chiều hôm ấy, đưa lên ông hiệu trưởng duyệt y một bản tường trình gọn ghẽ mà đầy đủ các hoạt động từ đầu năm cho đến nay.

Sáng hôm qua, tức ngày 17 tháng 5, trò Quang và trò Vân đến nhà ông hiệu trưởng sớm, xin thay nội dung bài thuyết trình. Bản mới chỉ là bản nháp, chưa đánh máy kỹ càng như bản cũ. Ông hiệu trưởng không chấp

thuận nội dung bản này, vì cho rằng không thuộc thẩm quyền của học sinh.

Ông phân hội trưởng đưa tay. Ông tổng giám thị ngừng nói, dò hỏi nguyên nhân. Thiếu tá hỏi :

— Chúng tôi xin phép muốn biết nội dung bài thuyết trình bị bác bỏ này.

Ông hiệu trưởng ngồi bên cạnh phân hội trưởng nói :

— Tôi đọc qua bản đó hai lượt. Tôi không nhớ hết, nhưng có thể nói đại ý :

Bài đó gồm ba phần. Phần đầu các em trong ban chấp hành điểm lại tất cả mọi cuộc thắng trận của dân tộc Việt Nam tận thời huyền sử, để chứng minh rằng tất cả mọi thế chế chính quyền đều phản bội đại chúng và xứ sở. Phần hai chuyển qua ý : trách nhiệm trước tương lai của dân tộc thuộc về học sinh để do đó, các em đòi hỏi một nền giáo dục công bằng nhân bản. Phần cuối các em trình bày sơ lược các hoạt động hiệu đoàn và nhấn mạnh rằng các em không bằng lòng với những kết quả nhỏ nhoi ấy.

Rồi hướng về phía Lê xuân Quang, ông hiệu trưởng hỏi :

— Em còn giữ lại bài ấy không ?

Quang đáp :

— Thưa thầy, không. Lúc lên ki-nh đai, em bối rối vò nát tờ giấy và để rơi lúc nào không hay. Khi thầy hỏi, em chạy ra tìm, nhưng ông cai đã thu dọn rác giấy và đem đốt hết.

Nội dung bài viết đại khái giống như thầy vừa nói.

Thiếu tá phân hội trưởng có vẻ như ý, gật gù không hỏi thêm. Chờ một lúc, ông tổng giám thị kể tiếp :

— Các em cứ nắn nì đòi đọc bài tham luận. Ông hiệu trưởng bảo lời viết không thích hợp với học sinh, từ ngữ quá kêu, và có giọng khoa trương của một ứng cử viên tổng thống hay dân biểu. Trò Quang có vẻ không bằng lòng, bảo rằng bài này là đúc kết ý kiến nguyện vọng của hầu hết bạn bè có ý thức trong trường. Ông hiệu trưởng cương quyết từ chối. Các em thất vọng và đành chấp thuận chương trình dự định cũ.

Lúc 8 giờ 45, khi ông hiệu trưởng lên xe qua tòa hành chánh để đón ông tổng trưởng, trò Quang đến gặp tôi, cho biết các em đã thảo luận lại, và quyết định không lên đọc bản tường trình công tác hiệu đoàn nếu ban tổ chức không chấp thuận bản tham luận.

Nghĩ đây là một hành động vô lễ và trịnh thượng, định bắt bí thầy vào phút chót, tôi báo ngay cho ông hiệu trưởng biết lúc ông thap tung phai đoàn đi giữa hàng rào danh dự. Ông hiệu trưởng nhờ nhân xướng ngôn viên bỏ hẳn mục thứ tư trong chương trình.

Bên dưới, giáo sư Liêu đưa tay. Ông hiệu trưởng ra dấu cho ông tổng giám thị ngừng lại. Ông Liêu hỏi Quang :

— Có phải em định chờ đến phút chót đề ra điều kiện không ?

— Thưa thầy không.

— Vậy thì tại sao từ sáng đến 8 giờ 45, em không đưa đề nghị cuối cùng cho thầy hiệu trưởng ?

— Ngay khi bị thầy hiệu trưởng bác bỏ, em và anh Vân chạy đi gặp các ủy viên trong ban chấp hành. Theo thông cáo, đúng 8 giờ, học sinh phải có mặt tại phòng học. Vì vậy hồi 8 giờ 15, em mời đủ năm ủy viên và phó tổng thư ký đề nhất cấp họp tại phòng 21. Các em bàn cãi mãi mới tạm đi đến quyết định không lên đọc bài tường trình.

Thầy Bảo hỏi :

— Các em đã đưa ra ý kiến nào trước khi biểu quyết chọn thái độ bất hợp tác ?

— Xin thầy cho em miễn thuật lại các ý kiến trái ngược nhau trong buổi họp. Khi đa số quyết định, thiểu số phải phục tùng. Nên có thể bảo tất cả tám người trong ban chấp hành đều đồng ý không nên đọc bản tường trình công tác cũ.

Thầy Bảo hơi giận, nhưng cố bình tĩnh giải thích :

— Em hiểu lầm câu hỏi của tôi. Tôi chỉ muốn biết các ý kiến đưa đến quyết định cuối cùng ra sao, chứ không có ý muốn biết tên những người đưa ra cái ý kiến ấy.

— Thưa thầy, có ba loại ý kiến. Loại thứ nhất không chấp thuận nội dung bản mới, cho rằng nó không

thích hợp với một đại diện học sinh trung học. Loại nhì, ngược lại, cho rằng nhiệt huyết tuổi trẻ và trách nhiệm đối với hai nghìn học sinh tín nhiệm mình buộc mình phải lên tiếng. Sợ sệt là hèn nhất.

Loại thứ ba đề nghị nên đọc bản thành tích công tác y như chương trình, nhưng sau đó, xin đưa thẳng bản tham luận cho ông tổng trưởng.

Sau gần nửa giờ bàn cãi, ban chấp hành đồng ý với đa số năm trên tám lời giải quyết em đã làm.

Thầy Thanh ngồi trên bàn dành riêng cho hội đồng kỷ luật vội hỏi :

— Em Quang hãy giải thích rõ : lời giải quyết của ban chấp hành và lời giải quyết em đã làm có khác nhau không, và khác nhau ở đâu ?

Quang có vẻ ngần ngại trước một câu hỏi hơi dài và đột ngột, vì chưa nắm vững vấn đề. Thầy Thanh lại hỏi :

— Cuối buổi họp, ban chấp hành đồng ý nhau thế nào ?

Vấn đề lời cho Quang, lúc ấy chưa khỏi cơn lúng túng :

— Chúng em đồng ý với nhau là : nếu ban giám đốc không cho đọc bản tham luận, thì không đọc gì hết.

Thầy Thanh hỏi tiếp :

— Như vậy khi các em nghe thầy Sơn đọc chương trình buổi lễ không có mục bốn, các em đã hiểu là ban giám đốc từ chối đề nghị của các em chưa ?

Quang trả lời :

— Thưa thầy, đã hiểu.

Thầy Thanh hỏi Quang :

— Ban chấp hành đã đồng ý là : trong trường hợp ban giám đốc từ chối bài tham luận, em tổng thư ký vẫn cứ lên cướp micro đọc cần phải không ?

Quang nói vội :

— Em xác nhận : những điều em làm sáng hôm qua ra ngoài dự liệu của ban chấp hành. Nhưng em có xin phép trước khi nói, chứ không cướp micro.

Ông hiệu trưởng sử dụng quyền chủ tọa gõ bàn, cắt ngang cuộc đối đáp :

— Tôi xin phép được cắt ngang ở đây. Trong phòng này, nhiều vị không có mặt trong buổi lễ, nên cứ theo đà này, có lẽ các vị ấy sẽ không hiểu gì hết. Xin hội đồng cho phép ông tổng giám thị trình bày cho hết, rồi hãy lần lượt hỏi các em.

Ông tổng giám thị nói tiếp ; khi tiếng lao xao đã chấm dứt :

— Buổi lễ đã tiếp tục theo chương trình : mục thứ nhất chào quốc kỳ, mục thứ hai là diễn văn chào mừng của ông hiệu trưởng, mục thứ ba là ý kiến của đại diện phụ huynh học sinh. Mục thứ tư bỏ, mục thứ năm là huấn từ của ông Tổng trưởng, cuối cùng, tất cả học sinh đứng dậy hát bài hiệu đoàn ca để đưa ông tổng trưởng và quan khách ra về.

Khi ông tổng trưởng vừa dứt lời,

về ngồi lại ở ghế danh dự trên khán đài, thì trò Quang đã tự tiện lên chỗ đặt micro, định nói. Theo nghi lễ, không bao giờ có mục nào sau lời huấn từ của thượng cấp. Hơn nữa, chúng tôi biết nội dung bài tham luận không thích hợp với học sinh trung học, và khung cảnh buổi lễ. Vì vậy, từ ghế ngồi sau lưng vị tổng trưởng, ông hiệu trưởng đã chạy lại đứng án ngữ trước mặt trò Quang, kéo cái micro lên, thưa với quan khách:

Kính thưa ông tổng trưởng,

Kính thưa quý vị quan khách,

Đáng lý chương trình buổi lễ chấm dứt ngay sau lời huấn từ của ông tổng trưởng, đúng theo nghi tiết. Nhưng mấy lời tâm huyết của ông tổng trưởng đã xúc động các em học sinh chúng tôi, khiến các em có ý mạo muội trình bày trước ông tổng trưởng những băn khoăn của thế hệ học sinh hôm nay.

Ý muốn đột ngột của các em ra ngoài dự liệu của chúng tôi, nhưng chúng tôi hy vọng rằng ông tổng trưởng đón nhận những lời chân thành này như một bậc đàn anh khoan dung đón nhận ý kiến của những đứa em nhỏ vụng lời mà thành ý. Nếu ông tổng trưởng cho phép, em Lê Xuân Quang, tổng thư ký ban chấp hành học sinh mới dám phát biểu ý kiến.

Ông tổng giám thị dừng lại một chút, nhìn về phía ông hiệu trưởng, sợ rằng những lời thuật theo trí nhớ có điều gì mâu thuẫn với nguyên văn. Ông hiệu trưởng không nói gì. Ông

tổng giám thị hơi ngáp ngừng một chút, rồi tiếp lời :

— Ông tổng trưởng gật đầu đồng ý. Trò Quang bắt đầu nói, chứ không đọc. Trò vừa báo trò có xin phép chứ không cướp micro. Thực ra chính ông hiệu trưởng xin phép chứ không phải trò Quang. Trò nói quá mau, và vô ý kéo sát micro nên bên dưới nghe không được rõ. Hệ thống âm thanh ở đại thánh đường lại không mấy tốt nên gần ba phần tư học sinh chỉ nghe thoang thoáng chữ được chữ mất. Chỉ có ba hàng ghế đầu — dành cho giáo sư — nghe đầy đủ lời trò Quang. Không đọc bản tham luận cũ, trò chỉ nói tùy hứng, chê tất cả thể hệ trước đều thiếu lương tâm, vô trách nhiệm, than phiền thế hệ trẻ đã không thể tìm đâu ra một thần tượng xứng đáng để tin tưởng. Quan trọng nhất là có một đoạn trò Quang muốn nhạo báng lời khuyên của ông tổng trưởng, đồng thời lăng nhục tập thể giáo sư đã từng dạy em nên người suốt bảy năm qua.

Quang đưa tay xin được nói. Phía dưới, vài giáo sư cũng muốn phát biểu ý kiến. Ông tổng giám thị phải dừng lại. Ông hiệu trưởng chưa chỉ định người nào nói vội, ra dấu cho ông giám thị ngồi gần cửa. Giám thị mang vào một máy ghi âm xách tay. Mọi người tò mò chờ đón. Ông giải thích :

— Chúng tôi biết đây là điểm then chốt của vụ này, nên tìm cách cung cấp cho quý vị đầy đủ mọi dữ kiện.

Hôm qua, đài phát thanh có cử nhân viên qua thu lời huấn từ của ông tổng trưởng, đề làm một phóng sự đặc biệt. Chúng tôi có xin mượn lại cuộn băng đó. Ông Tổng trưởng nói hơi nhiều, gần một giờ đồng hồ. Chúng tôi xin mạn phép quý vị, chỉ cho phát lại phần sau, tức là phần khuyên răn các em học sinh. Lời phát biểu của em Quang chỉ liên hệ đến phần này mà thôi.

Máy bắt đầu chạy. Sau vài tiếng rè rè, lời ông tổng trưởng rõ hơn :

— Tôi xin phép quý vị được dành vài lời nhắn về các em học sinh.

«Các em thân mến,

«Trong giờ phút này, tôi đang mặc đồ lớn, thắt cà vạt, ngồi ghế bành, và đọc huấn từ. Tôi xa cách các em quá, xa cách từ tuổi tác, cảm nghĩ, cho đến cách thể ghi nhận sự vật quanh mình. Các em thì tuy khỏi lo lắng về cơm áo, nhưng những nhiệm vụ trước mắt thường khó nhọc, tầm thường, nhàm chán, không mấy thích hợp với mộng tưởng vạm vỡ : nào chép bài, giải toán, nháp luận, dịch sinh ngữ...

«Nhưng các em đừng quên nhân tài lỗi lạc của thế gian đều trải qua thời niên thiếu một cách bình thường như các em. Pasteur đã từng vất vả với mấy phương trình hóa học khô khan trước khi thành cứu tinh của nhân loại, và cậu bé Einstein cũng phải có lúc nuốt không trôi cái phương trình bậc hai bí hiểm lúc nghe bên kia cửa sổ có tiếng

chim hót và tiếng trẻ nô đùa. Cho nên, hôm nay đứng đây nhìn xuống các em, tôi xúc động vô ngần, thấy lại hình ảnh của chính mình mấy mươi năm về trước, như Anatole France ngậm ngùi nhớ lại quãng đời qua lúc nhìn cậu bé tung tăng tự trường ở công viên Lục-xâm-bảo.

«Không ai trong chúng ta có thể ghi lại được bánh quay của thời gian. Phải có lúc các em đứng ở giữa đường đời (au milieu du chemin de la vie) như Anatole France, nhớ đến, nói chuyện với nhau về anh em bè bạn : thằng Tí Sún nay là kỹ sư điện tử, thằng Hùng Mụn là bác sĩ y khoa, thằng Tư Lùn là phó Tỉnh trưởng tỉnh X, thằng Bảy Còm là giáo sư trường Y.

«Tôi mơ ước những ngày tươi đẹp đó, lúc các em ở đây đều đã thành tài, và phục vụ hết mình cho xứ sở.

«Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm tạ sự tiếp đón nồng hậu của quý vị giáo chức tỉnh nhà, và riêng cảm tạ ông hiệu trưởng, đã có nhã ý xếp đặt cuộc gặp gỡ thân mật và quý hóa này. »

Tiếng băng lại rè rè. Ông giám thị tắt máy. Cả phòng vẫn yên lặng như đang lắng nghe tiếp. Ông hiệu trưởng nói :

— Quý vị vừa nghe đoạn cuối huấn từ của ông Tổng trưởng, dành cho các em học sinh. Lời của em Quang nhằm đả kích đoạn huấn từ này. Ông tổng giám thị vừa tóm tắt những lời em Quang nói. Đề cho công bằng, xin quý vị cho phép em

Quang thuật lại tại đây ý kiến của mình.

Quang ngập ngừng một lúc rồi nói :

— Quý thầy cho phép em dài dòng đề cố gắng giải thích chính mình. Em vẫn thường nghĩ rằng : các thầy không thể hiểu được chúng em. Các thầy đều đã lập gia đình, có nghề nghiệp bảo đảm, lại được hoãn dịch vĩnh viễn vì nhu cầu công vụ.

Các em không may mắn như vậy. Các em không biết đậu xong cái bằng tú tài đời mình sẽ trôi về đâu, có chen chân nổi vào một trường cao đẳng chuyên nghiệp nào đó để tìm cơm áo hay không. Các em cũng không hiểu nếu hỏng tú tài, sau mấy tháng quân trường, các em có tìm thấy một lý tưởng, một niềm tin, để cầm vững báng gổ che tay, ghi chặt vào lấy cớ để giết người hay không. Trường chúng ta có năm lớp đệ nhất, và hằng năm ít ra có một trăm học sinh đậu tú tài. Nhưng số đậu vào Sư phạm, Phú thọ, hay Y Dược khoa không quá mười người. Số còn lại lang bạt một thời từ phân khoa này đến phân khoa khác, lạc lõng bơ vơ giữa phố phường Saigon, để cuối cùng gặp lại các bạn cũ thi hỏng tú tài hai ở quân trường.

Còn hơn tháng nữa, chúng em phải đi thi. Và tất cả chúng em, hơn bao giờ hết, lo âu trước một tương lai bế tắc không lối thoát. Trong thời chiến, tất nhiên chúng em phải cầm súng chiến đấu. Nhưng không thể nào an nhiên thấy nhà cửa đột nát ở thôn quê lần lượt bùng cháy, cho cao ốc và quán rượu mọc lên

quanh trường tỉnh lỵ. Không thể nào lọt vào được một trường chuyên nghiệp, có được một chỗ đứng, hưởng được một ưu thế, mà không có cảm giác xót xa là mình không đáng, là mình đã dày lên bạn bè mà đi.

Cho nên nhiều lúc chúng em không hiểu được nét bình thản trên gương mặt người lớn. Nhiều lúc chúng em nghi ngờ những giấc mộng đẹp. Ông Tổng trưởng làm em xúc động bàng hoàng khi gọi lên hình ảnh một kẻ đứng giữa đường đời ngậm ngùi nhìn lại những dấu chân qua. Hình ảnh ấy không có nghĩa lý gì khi so với tâm trạng chúng em, những kẻ đứng ở giữa đường đời ngậm ngùi nhìn hố sâu đằng trước.

Bây giờ, em không nhớ rõ mình đã nói những câu gì. Nhưng chắc chắn tâm trạng em lúc đó đúng như em vừa giải bày. Em thành thực thổ lộ những ảm ức chung của tuổi trẻ, và chưa bao giờ có ý định nhạo báng lời khuyên răn của ông tổng trưởng hay lãng nhục các giáo sư khả kính trong trường, như thầy tổng giám thị đã kết tội.

Thầy Thanh không chờ ông hiệu trưởng đồng ý, vội nói tiếp lời Quang :

— Em quên, nhưng tất cả giáo sư trong trường đều nghe rõ mấy câu cuối cùng của em. Em đã nói :

Thưa ông tổng trưởng, thưa các thầy.

Những mơ ước của ông tổng trưởng quả thật tươi đẹp, giống như cảnh một buổi lễ long trọng đầy đủ

cờ xí, biểu ngữ. trong đó người lớn an tọa bình thản trên khán đài. Nhưng chúng em, sinh nhằm một thời kỳ bi đát, mơ ước của chúng em là cơn mộng dữ. Vài năm nữa gặp lại nhau đường đời, hỏi thăm tin nhau, chúng em đã biết. Thằng Tí Sún trong một vụ hè về quê thăm nhà bị Việt cộng bắt gia nhập du kích, đã phơi xác trên đồng khai quang, thằng Hùng Mụn là sĩ quan biệt kích hay uống rượu say sưa giữa chợ và mang bùa hộ mệnh là râu lỗ tay người. Thằng Tư Lùn may mắn hơn tốt nghiệp Y khoa đang lo đếm tiền cho vào tủ sắt, và thằng Bảy Còm đang cầm phấn trắng vẽ hoa vẽ bướm đề ru ngủ lũ trẻ thơ.

Chắc chắn chỉ sai vài chi tiết nhỏ : hoặc vài chữ, hoặc đôi câu mà thôi. Dưới phòng có tiếng xì xào bàn tán. Chờ một lúc, ông hiệu trưởng hỏi :

— Tôi nghĩ sự việc đã rõ rệt. Quý vị có cần hỏi em Quang điều gì nữa không ?

Không có tiếng trả lời. Ông hiệu trưởng quay lại phía Quang :

— Em có muốn nói gì nữa không ?

— Thưa thầy, em đã nói hết.

Ông hiệu trưởng quay về phía Vân :

— Còn em, với tư cách phó tổng thư ký, em có ý kiến gì ?

— Em cùng tâm trạng và quan niệm như Quang. Chỉ khác một điều em chưa chát nghĩ thêm : Tiếng nói của Quang chỉ là tiếng kêu cứu trong sa mạc.

Phía dưới phòng lại có tiếng xì xào.

Ông hiệu trưởng ra dấu cho người giám thị dẫn hai học sinh ra ngoài, rồi khép cửa kính lại.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Tiên tri

Alexander Soljenitsy, giải Nobel văn chương 1970, trả lời cuộc phỏng vấn của Hedrich Smith, đã than rằng ông đang bị chính quyền Nga-sô bao vây thật chặt : không cho đụng tới hồ sơ nhà nước để tìm tài liệu viết tiểu thuyết, không cho mượn người giúp việc khảo cứu v.v.. Nhà nước điều khiển một kế hoạch hạ uy thế Soljenitsyne, chê thành tích quân sự của ông, chê tiểu thuyết của ông, lại chê luôn cả... tổ tiên của ông nữa.

Thật vậy, đây không phải chuyện giỡn : Có người đồn rằng ông chính tên là Solzhenitser hay là Solzhenit-sker kia,

— Thế thì đã sao ?

— Ấy ! Thế là bậy lắm, là nguy hiểm lắm đấy. Bởi vì tên viết như thế tức là một bằng cứ thuộc dòng dõi gốc Do-thái. Mà phạm gốc Do-thái thì hỏng, xét theo quan điểm bất phân chủng tộc ở Nga-sô.

Cũng trong cuộc phỏng vấn đăng trên tờ *Nữ-uớc Thời-báo* này, A. Soljenitsyne có tiên tri một điều rằng dù sao chắc chắn nhà cầm quyền Nga-sô cũng không đến nỗi ngăn cản ông nhận món tiền thưởng của Thụy-điền.

Lời tiên tri đã sai bét rồi. Vì sau đó Nga-sô từ chối không cấp chiếu khán cho phái đoàn Thụy-điền tới Mạc-tư-khoatrao giải cho Soljenitsyne.

Ta với mình

Ta là Rico (một nhân vật tiểu thuyết của Alberto Morava). Còn mình? Mình là ai ? Thưa, đó là bộ phận sinh dục của chàng Rico,

Ta với mình, nhan đề bản Pháp-văn là *Moi et lui*, là cuộc đối thoại tay đôi giữa một nghệ sĩ (Rico) và cái giống của mình. Tác phẩm thuộc loại ít tính chất khiêu dâm nhất.

Dù khiêu dâm hay không, người ta cũng nhận thấy cái giống của Rico rõ ràng bép xép, lăm lờ hơn mọi cái giống từ trước đến nay.

Đó là điều không thể chối cãi. Xa xưa, trong Thánh-kinh, có người bẻ một lá nho che nó lại. Hồi gần đây, nó vệt chiếc lá nho xông ra sân khấu, tưng nộ, ồn ào. Bây giờ đến lượt văn hào lão thành trao cho nó chiếc máy vi âm. Và nó thuyết giảng om sòm.

Nhạc-sĩ Nguyễn-vinh-Bảo ở Paris.

Tối 27 tháng ba vừa qua, nhạc sĩ Nguyễn Vinh Bảo tới phi trường Orly. Sau 6 tháng dạy đàn ở Southern Illinois University (Hoa kỳ), nhạc sĩ Vinh Bảo ghé Paris, theo lời mời của Viện nghiên cứu nhạc Đông phương (Centre d'études de musique orientale) mà Giám đốc là Giáo sư Trần văn Khê. Nhạc sĩ Vinh Bảo đã được phỏng vấn tại đài phát thanh Pháp (ORTF) ngày 3 tháng tư, đã gặp Giáo sư Emile Leipp, Giám đốc nhóm nghiên cứu âm-thanh-học ở Đại học khoa học ở Paris để trao đổi ý kiến về phương pháp đóng đàn và sự liên quan giữa âm-thanh-học và nhạc khí. Nhạc sĩ Vinh Bảo sẽ trình diễn nhạc cổ truyền Việt-Nam tại Trường nhạc học Paris (Institut de Musicologie de Paris) ngày 14 tháng 4

Ngoài ra nhạc sĩ Vĩnh Bảo sẽ cùng Giáo sư Trần Văn Khê thâu hai đĩa hát đặc biệt về nhạc đàn tài tử miền Nam. Giới hâm mộ tài nghệ của nhạc sĩ Vĩnh Bảo ở Pháp sẽ có dịp thưởng thức ngón đàn tranh tuyệt diệu của nhạc sĩ trong kỳ nhạc hội sắp tới, và qua hai đĩa hát sắp được phát hành tại Âu Châu do nhạc sĩ Vĩnh Bảo và Giáo sư Trần Văn Khê trình bày.

Vụ Ngô Thế Vinh.

Trong những ngày vừa qua nhiều báo chí Thủ đô đã tỏ ý công phần về vụ nhà văn Ngô Thế Vinh bị ra tòa. Ngô Thế Vinh, tác giả truyện dài «Vòng đai xanh» tác phẩm được giải thưởng Văn-học Nghệ-thuật toàn quốc 1971 — đã bị truy tố vì một bài báo trên Tạp chí Trình Bầy, nói là «làm suy giảm kỷ luật, tinh thần chiến đấu của quân đội».

Tất nhiên, một bài báo đâu có tác dụng lớn lao đến nỗi làm suy giảm cả kỷ luật lẫn tinh thần chiến đấu một quân đội, vì nếu quả như vậy, thì sau bài báo của tác giả «Vòng đai xanh» làm sao quân đội còn có thể phản công và chiến thắng địch như

hiện nay ở mặt trận vùng giới tuyến cũng như ở khắp các chiến trường của mấy vùng chiến thuật.

Tuy nhiên, điều mỉa mai là người bị buộc tội làm suy giảm tinh thần quân đội hiện lại là một quân nhân, y sĩ trưởng của một đơn vị trong liên đoàn biệt kích Dù, và chính hôm Tổng thống phát giải thưởng Văn học cho anh (đầu tháng 2 năm nay) anh cũng không tới lãnh được vì đương bận hành quân.

Nhưng có lẽ điều an ủi cho Ngô Thế Vinh là không phải chỉ mình anh ở vào trường hợp như vậy. Ngày 22 tháng 4 sắp tới đây Như Phong, hội viên trong Liên minh Thế giới Chống Cộng, chi hội Việt nam, (WACL) cũng bị đưa ra tòa vì đề cao Cộng sản, do một bài báo trên Tạp chí Bách-Khoa (chuyện Tàu thế kỷ 20: Tề tướng Chu ân Lai).

Nghe đâu Ô.Ô. Chủ tịch và Phó chủ tịch Trung tâm Văn bút V.N. đã tiếp xúc với Bộ Thông Tin và đồng thời gửi một kháng thư về việc truy tố các nhà văn và kháng thư này đương được chính quyền cứu xét.

THU THỦY

Phân ưu

Cụ TRÚC THIÊN Nguyễn đức Tiểu đã về với **Thái Hư** lúc

6 giờ chiều ngày 5.4.1972. Cầu nguyện Anh linh Thiên khí cụ huyền nhiên thường tại và kính phân ưu cùng tang quyến.

Nhà xuất bản Lá Bối, An Tiêm

Sự liên hệ giữa gốc tổ Việt - nam và gốc tổ Mã - lai trên căn bản ngôn ngữ

Đêm 23-3-72, tại trường Mê linh trước một cử tọa thật hạn chế nhà văn Bình Nguyên Lộc đã trình bày một công trình dài hơi khác, sau khi cho xuất bản quyền *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. Đó là kết quả của cuộc nghiên cứu lớn về ngôn ngữ Việt Nam trong một khoảng thời gian bất ngờ là 6 ngàn năm. Bình Nguyên Lộc cho biết là chúng Mã Lai mà trong đó có Dân tộc Việt, cỡ 8 ngàn năm, nhưng không thể lộn ngược xa hơn 6 ngàn năm được, vì một luật ngôn ngữ mà Bình Nguyên Lộc nói đến, và áp dụng khá nhiều. Đó là luật M. Swadesh : «Cứ một ngàn năm thì một dân tộc biến dạng hoặc thay đổi hẳn 20% danh từ của họ». Như thế thì qua 5 ngàn năm không còn gì các danh từ quá cỡ nữa bởi $5 \times 20\% = 100\%$ thay thế, bị biến dạng. Tuy nhiên Bình Nguyên Lộc đi tới 6 ngàn năm được, vì có những danh từ chỉ bị biến dạng mà không bị thay thế hẳn, và còn đủ cả các cái khoen nối kết giữa hình thức cổ và hình thức kim ở trong văn liệu cổ và ngôn ngữ của các nhóm cổ sơ đồ g chúng.

Thí dụ Bình Nguyên Lộc đã nối kết được danh từ CÁ của ta và SA-KANA của Nhứt Bồn với những cái khoen nối kết Chăm : KAN, Nam Dương : IKAN, Sở, Ngô, Việt (qua các cổ thư Trung Hoa) : AKA v.v...

Về danh từ CÁ thì người trình bày chỉ ngược nguồn được cho tới thời Tây Chu, tức cách đây ba ngàn năm, rồi lâm vào ngõ cụt bởi danh từ KOGHI của Đại Hàn biết rằng đồng gốc và cỡ 5 ngàn năm, nhưng thiếu khoen nối kết giữa CÁ và KOGHI.

Bình Nguyên Lộc không chịu thua và đối chiếu đại danh từ TÔI từ Đông Bắc Á, tức từ Đại Hàn, đến Đông Nam Á, đến Nam Ấn Độ rồi đến Trung Mỹ và nối kết được Tôi của Việt Nam với Ni của Trung Mỹ, cỡ 6 ngàn năm, vì các khoen nối kết đều còn đủ, nơi các dân tộc gốc Mã Lai.

Bình Nguyên Lộc cho biết rằng ta cứ lật quyền *Tục ngữ phong dao* của Nguyễn văn Ngọc xuất bản tại Hà Nội hồi tiền chiến, thì ta sẽ thấy rằng, vì luật Swadesh, mà ta quên hàng trăm, hàng ngàn danh từ của ta, mà ta tìm lại được hết ở Nhứt Bồn, ở Nam Dương, ở Miến Điện vân vân... Họ cũng đã rất hàng ngàn danh từ, y hệt như ta, nhưng lại mất các danh từ khác, và nếu họ học Việt ngữ thì họ sẽ biết được những danh từ mà họ bí. Thí dụ ta rất bí về BÚA, trong *Chợ búa*, nhưng Nam Dương thì biết rõ. trái lại Nam Dương rất bí về MÚA trong *Con chim mùa* (Con Công) nhưng ta thì biết rõ. Ta rất bí về MAY trong *múa may*, nhưng Nhứt thì biết rõ,

trái lại Nhứt rất bí về KI trong KIMONO, nhưng ta thì biết rõ.

Bình Nguyên Lộc lại nối kết được TANI của Dravidiên Nam Ấn mà anh cũng cho là đồng gốc Mã Lai với ta, với lại NƯỚC của Việt Nam.

Ba danh từ dùng đối chiếu, và đã được theo dõi trong một khoảng thời gian là 6 ngàn năm, cũng là dựa theo luật M. Swadesh, *Luật 200 danh từ*: Hai dân tộc của một chủng tộc có tách rời ra để sống riêng bao nhiêu chục ngàn cây số, và bao nhiêu ngàn năm, cứ tiếp tục giống nhau ở 200 danh từ căn bản của bản danh sách gọi là danh sách M. Swadesh: CÁ, TÔI và NƯỚC nằm trong bản danh sách ấy.

Nay mai, Bình Nguyên Lộc sẽ thuyết trình trước một cử tọa đông đảo đề tài sau đây: *“Một ngàn danh từ Phù Nam trong Việt ngữ miền Nam”*. Đây là một đề tài có thể hay, vì không ai dè rằng dân Phù Nam còn tồn tại và không hề có ai biết ngôn ngữ của dân tộc ấy ra sao cả.

Ngày giỗ tổ, có lẽ Bình Nguyên Lộc sẽ thuyết trình ở miền Trung đề tài sau đây: *“Vua Hùng đã thống nhứt và lãnh đạo tất cả tco nhiều bộ lạc, mỗi bộ lạc tên gì, và chính bộ lạc của vua Hùng tên gì”*.

Các cuộc thuyết trình ấy rồi sẽ in thành sách, khi nào có phương tiện và đề tài về Hùng Vương cũng có thể là đề tài hay, vì khoa học đã hoàn toàn bí về các điểm đó, nhưng Bình Nguyên Lộc cho rằng có thể biết được

một cách chắc chắn, bằng khoa ngữ học, công trình học hỏi của họ Bình từ trên 10 năm nay để viết sử, nhưng không được in trong quyển sử vì sử học chê tánh cách chứng tích của ngữ học, nên họ Bình nhượng bộ, đưa nó sang một quyển sách khác.

Công việc của Bình Nguyên Lộc, đúng hay sai, còn phải đợi quyển sách ra đời, chớ chỉ nghe qua trong một cuộc thuyết trình thì rất khó mà kiểm soát khi họ Bình cho rằng TÔI do gốc NI mà ra, thì quả thật đã làm bở ngỡ thính giả, mặc dầu người trình bày đã đưa ra chứng tích chặt chẽ, người nghe cũng cứ còn ngạc nhiên, vì khoa ngôn ngữ tỷ hiệu rất là mới đối với những người không chuyên môn.

Nhưng có điều mà ai cũng cần chú ý là các nhà làm văn hóa của ta có làm việc và làm việc siêng, có thể đưa ra cái gì, đúng hay sai còn đợi toàn quốc kiểm soát, nhưng văn hóa không ngủ quên, mặc dầu cuộc sống rất chật vật.

Đã có tiền lệ là văn hóa Trung Hoa chỉ sôi động dữ dội vào giữa thời Xuân Thu Chiến Quốc, từ đó về sau không bao giờ có sôi nổi trở lại bằng cái mức độ của thời Chiến quốc cả.

THẾ NHÂN

Ô. Châm-Vũ Nguyễn-văn-Tần và chữ Nhật

Sáng chủ nhật 2-4 vừa qua, Ô. Châm Vũ Nguyễn Văn Tần, tác giả bộ sách *Nhật bản sử lược*, có mời một số văn hữu và ký giả ăn sáng tại một căn nhà yên tĩnh, có sân rộng ở số 15/19 đường Yên-đồ Saigon, thường dùng làm lớp dạy Nhật-ngữ của Ông, để nói chuyện về những cách học chữ Nhật xưa và nay.

Theo tác giả «*Nhật bản sử lược*» thì từ năm 1956 trường Quốc gia Sinh ngữ đã được mở ra ở Saigon. Tại đây, sự giảng dạy về các sinh ngữ như Anh ngữ, Đức ngữ v.v... thì kết quả rất khả quan, riêng Nhật ngữ thì mười mấy năm qua, các giáo sư Nhật bản thay nhau liên tiếp mà vẫn không tìm ra cách nào để giảng dạy cho các học viên đọc được các sách chữ Nhật cả. Chính ông Châm Vũ đã là học viên của lớp Nhật ngữ đầu tiên tại trường Quốc-gia Sinh ngữ và ông cũng tốt nghiệp khóa sinh ngữ 3 năm ở đây. Ông cho biết là các học viên học rất khó khăn nên thường dễ nản, tỷ dụ cách đây mấy năm trường có 4 lớp Nhật ngữ, năm thứ nhất 270 học viên, sang năm thứ hai còn 16 người, sang năm thứ ba lại còn có 9. Sự thất bại của các lớp Nhật ngữ có nhiều lý do, nhưng lý do chính yếu là người Nhật dùng nhiều chữ Hán trong chữ viết mà cách đọc chữ Hán trong ngôn ngữ Nhật khác hẳn với cách đọc trong ngôn ngữ Việt. Do đó mà các giáo sư từ Nhật sang chỉ có thể dạy người

Việt bằng Roma-ji (là thứ Nhật ngữ phiên âm rất thô sơ) nên rốt cuộc, người học Romaji tất nhiên không thể nào đọc các sách báo Nhật được.

Các giáo sĩ Tây phương đến Nhật bản vào 1554 thì tới năm 1558 người Nhật đã định dùng Romaji để thay thế chữ Nhật nhưng thất bại, năm 1874 Minh-trị Thiên-hoàng định bỏ hẳn chữ Hán để chỉ dùng chữ Hiragana của Nhật, nhưng lại thất bại nữa; một tờ báo đã in bằng Hiragana liền trong 3 tháng mà rồi cũng phải bỏ cách in đó vì độc giả không hưởng ứng. Tóm lại cho tới nay người Nhật vẫn phải dùng chữ Hán để viết và nói.

Bởi vậy mà Romaji không đủ khả năng để phiên âm nội Nhật ngữ. Ngay chữ «Hiro Hito» chẳng hạn, viết như vậy nhưng đọc theo chính văn thì phải phát âm là «Khiro ssto». Trong Nhật ngữ, nhiều tiếng âm trùng nhau mà nghĩa khác hẳn nhau như câu: «*Kokoro ni kokoro aru hito bakari*» thì chữ «Kokoro» đầu có nghĩa là xứ Tiều-hồ-lô mà chữ sau lại là chữ «tâm». Trong câu «*Sono koko wa koko ni okonawareta*» thì chữ «koko» trước là hảo đầu mà chữ «keko» sau là Giang-đông. Như vậy nếu chỉ học Romaji mà không đọc được chính văn Nhật thì làm sao hiểu nghĩa nổi.

Nhân dịp này Ông Châm-Vũ cũng cho biết thêm chữ Hán đã được dùng trong Nhật ngữ ra sao. Cùng một chữ Hán mà người Nhật có từ 4 đến 11 cách phát âm khác nhau,

ngược lại cùng một chữ Nhật «Yoshi» mà có tới 273 cách thể hiện bằng chữ Hán khác nhau. Chữ «Nguyệt», nếu có nghĩa là tháng thì người Nhật đọc là «getsu» nếu là mặt trăng thì họ đọc là «tsuki».

Chữ Hán có thể đổi ra chữ Nhật bằng 2 cách. Nếu chữ Hán đơn âm đổi sang chữ Nhật vẫn giữ một âm thôi thì là «âm độc» (on doku), nếu chữ Hán đổi sang chữ Nhật thành đa âm thì là «huấn độc» (kun doku). Chẳng hạn chữ «Quốc» khi đổi sang chữ Nhật là «koku» (như ái quốc...). là theo phương pháp âm độc, nếu đổi là «kuni» là theo huấn độc. Một chữ Hán thêm tiếp đầu và tiếp vĩ là đổi thành văn tự Nhật bản (huấn

độc) chẳng hạn chữ «chính» đổi thành văn tự Nhật là «sta-shi-i», chữ «bi» đổi thành «kana-shi-i»; «shi-i» là phần tiếp vĩ...

Buổi nói chuyện rất thân mật và cởi mở, có bánh mỳ, bánh ngọt, trái cây, cà phê... và người chủ trương lớp Nhật văn Châm Vũ đã vui vẻ trả lời mọi câu hỏi về Nhật ngữ.

Cũng nên ghi lại Ông Châm Vũ Nguyễn văn Tần ngoài tác giả bộ «Nhật bản sử lược», còn là Giảng sư Nhật văn Đại học Vạn Hạnh, Trưởng tiểu ban Nhật văn Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách Văn hóa, và hội viên các Hội văn bút Nhật bản và Hội Nghiên cứu Văn hóa Miền Đông Á Châu ở Đông kinh.

THẾ NHÂN



Nhức đầu
Đau
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



1971/8YT/GCDS

Thuốc trị ung-thư vú :

Do một sự tình cờ, một bác sĩ Hoa kỳ đã tìm thấy một liều thuốc mới mẽ nhằm chống lại căn bệnh ung thư vú vốn đang trở thành mối lo của nhiều người phụ nữ trên thế giới. Liều thuốc mới đó là chất L-Dopa thường được dùng để trị bệnh Parkinson, một chứng bệnh thuộc về hệ thần kinh con người. Bệnh này biểu lộ ra ngoài bằng một trạng thái run rẩy của bệnh nhân và hoàn toàn không có liên hệ gì với nguyên nhân của các bệnh ung thư. L-Dopa là một loại thuốc mới trong cách trị liệu chứng bệnh này và tỏ ra rất hiệu nghiệm.

Không biết vì một lý do gì đã khiến cho vị bác sĩ nọ đem dùng L-Dopa vào việc trị liệu chứng ung thư vú. Bác sĩ Pearson, một đồng nghiệp trong bệnh viện của vị bác sĩ trên cho biết thêm là L-Dopa không những tỏ ra có hiệu quả mà còn tỏ ra hơn hẳn các phương pháp trị liệu cũ bằng kích thích tố. Sự phát triển của ung thư nơi hai người trong số 7 người phụ nữ bị ung thư vú tình nguyện chữa trị đã bị ngăn chặn nhanh chóng sau khi dùng L-Dopa. Kết quả này đã làm ngạc nhiên các bác sĩ trong trung tâm và khiến họ chú ý nhiều vào công cuộc thí nghiệm. Tuy nhiên đây chỉ là bước đầu và còn phải nhiều kiểm chứng và khảo cứu nữa mới có thể đưa ra một kết luận về hiệu quả thực sự của L-Dopa.

Nghiện rượu một chứng bệnh di truyền.

Trong tập san về Tâm linh học của Hiệp hội y sĩ Hoa-Kỳ (tờ American

Journal of Psychiatry), số tháng 3, 3 bác sĩ Shuckit, Goodwin và George Winokur đã đưa ra một bài khảo cứu về tình trạng nghiện ngập của một số người. Theo họ những người này, đa số đều có cha mẹ là những người đã nghiện rượu và chỉ có một số ít là ra ngoài cái khuôn khổ đó.

Một đứa trẻ nếu chẳng may có cha hoặc mẹ là người nghiện rượu thì chắc chắn khi lớn lên sẽ trở thành con sâu... rượu. Tỷ lệ người nghiện rượu ở trong một gia đình như vậy nhiều gấp 6 lần tỷ lệ ở một gia đình mà trong đó không có ai là người nghiện cả. Một sự kiện nữa là mặc dù cho đứa trẻ của một gia đình có cha mẹ nghiện ngập được nuôi nấng ở một gia đình khác lành mạnh hơn thì trong tương lai nó vẫn có hy vọng sẽ nổi nghiệp bỏ nó hơn những đứa trẻ khác. Như thế yếu tố hoàn cảnh, sự ảnh hưởng của không khí gia đình không đủ giải thích sự phát triển tính nghiện rượu của một cá nhân. Ba nhà khảo cứu trên đã đưa ra một lời giải thích trong đó họ cho rằng yếu tố di truyền giữ một vai trò quan trọng hơn yếu tố hoàn cảnh trong việc phát sinh ra chứng nghiện rượu.

Các bợn nhậu không biết sẽ biết ơn hay sẽ oán hận các bậc cha mẹ của mình ?

Thuyết tương đối vẫn còn đúng.

Một phần của thuyết tương đối đã được chứng minh đúng do công lao của hai nhà bác học ở viện đại học Hoa-thành-Đốn đã thí nghiệm kiểm chứng năm ngoái. Cuộc thí nghiệm giản dị này cần tới hơn một năm trời để tính toán các kết quả và cần tới mức độ chính xác khó tưởng tượng nổi.

Theo lý thuyết của nhà bác học Albert Einstein thì thời gian sẽ đi chậm lại khi một vật di chuyển ở vận tốc mau so với thời gian ở một vật không chuyển động. Như thế có nghĩa là nếu một phi hành gia đi tới một hành tinh nào đó thật xa trong một phi thuyền có vận tốc thật nhanh, thì khi trở về ông ta sẽ trẻ hơn là những người đồng tuổi với ông ở lại trên địa cầu. Muốn kiểm chứng điều trên đây đâu phải là chuyện dễ dàng. Sự chênh lệch về thời gian chỉ thành rõ ràng khi vật di chuyển với vận tốc thật nhanh như của ánh sáng.

Nhưng hai nhà bác học trẻ tuổi, một ở viện đại học Hoa-thành-Đốn, một ở thiên văn đài Hải quân Mỹ đã muốn chứng minh một cách... tương đối thuyết Tương đối của Einstein. Họ dùng vận tốc của máy bay phản lực và sự chính xác của 5 chiếc đồng hồ nguyên tử để trắc nghiệm bài toán.

Họ dùng hai chuyến bay khác nhau: một chuyến bay theo chiều quay của trái đất và một chuyến bay ngược chiều quay trái đất. Bốn chiếc đồng hồ sẽ được mang theo trên máy bay và một chiếc khác đặt tại phòng thí nghiệm ở Hoa-thành-Đốn để kiểm chứng. Như thế chiếc đồng hồ trên phi cơ trong chuyến bay theo chiều quay trái

đất đã được di chuyển nhanh hơn chiếc đồng hồ dưới đất. Ngược lại, trong chuyến bay thứ hai, chiếc đồng hồ trên phi cơ được di chuyển chậm hơn so với chiếc đồng hồ trên mặt đất (vận tốc di chuyển thực sự của nó sẽ bằng vận tốc phi cơ trừ bớt đi vận tốc quay của trái đất). Theo lý thuyết, trong chuyến bay thứ nhất đồng hồ trên phi cơ phải chậm đi 40 phần tỷ một giây đồng hồ so với đồng hồ kiểm chứng và trong chuyến bay thứ hai nó sẽ nhanh lên 275 phần tỷ một giây đồng hồ. Để đạt tới độ chính xác này Hafele và Richard Keating, tên hai nhà bác học, đã phải đặt hết hy vọng vào 5 chiếc đồng hồ nguyên tử của họ, những chiếc đồng hồ chính xác nhất trên thế giới. Những chiếc đồng hồ này được cấu tạo trên nguyên tắc nhờ vào những nguyên tử chất Cesium, chất này khi kích thích bằng điện, các nguyên tử sẽ giao động với một tần số là 9.192-631.770 lần trong một giây đồng hồ.

Kết quả cuối cùng được Hafele và Richard công bố là đồng hồ trên phi cơ chậm mất 5% và nhanh lên 30% so với con số lý thuyết. Cả hai nhà bác học đều lấy làm hài lòng về kết quả trên và cho thuyết tương đối đã được chứng minh một cách rất... tương đối.

TỬ DIỆP

TIN MỪNG

Được tin bạn Viêm-Tĩnh VÕ CÔNG NGỌC kết duyên cùng Cô LÂM ÁI LOAN tại Huế.

Cầu chúc bạn Viêm-Tĩnh gặp vợ hiền.

HỒ MINH DŨNG, MUỜNG MẠN, LÊ BÁ LĂNG, TRẦN DZA LŨ

MỚI PHÁT HÀNH:

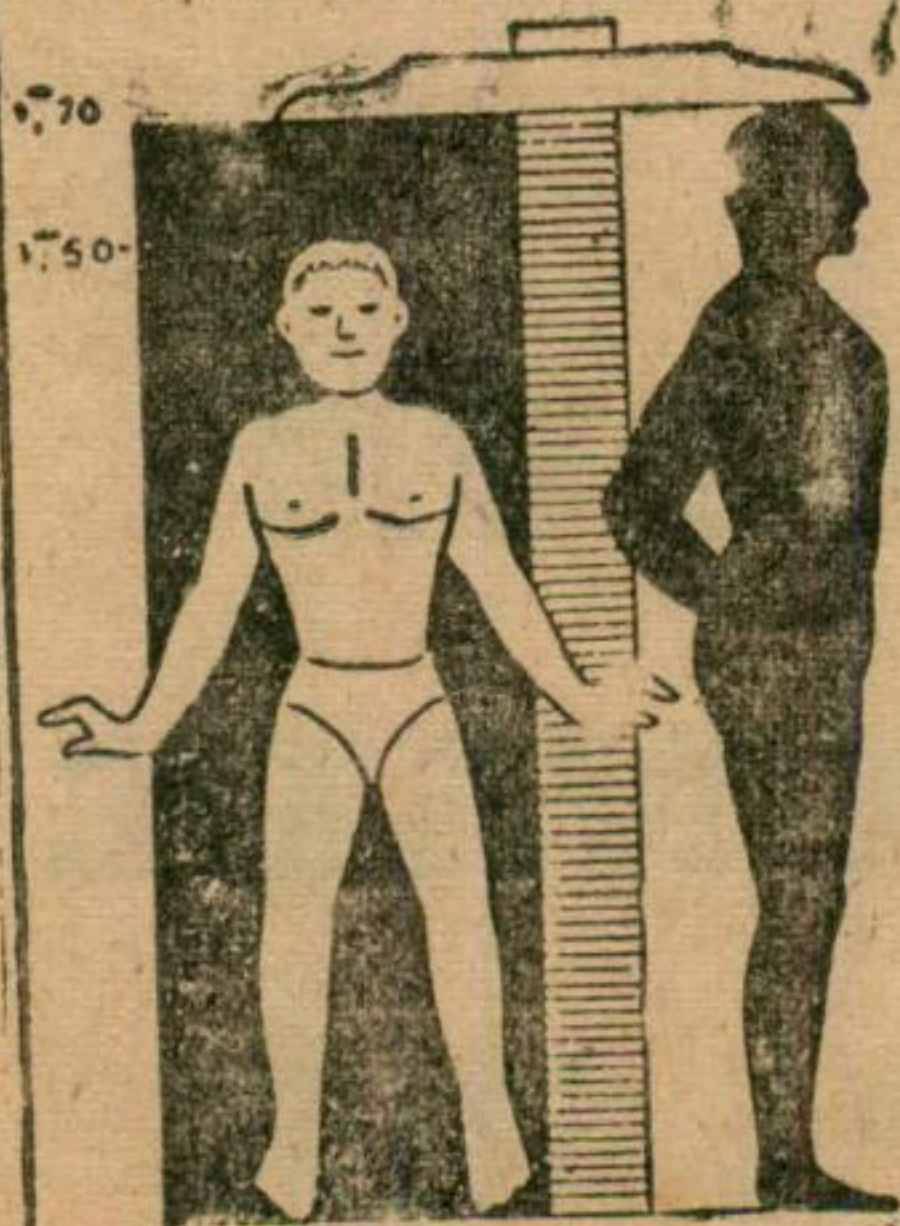
- ☐ Cuốn thứ nhì trong bộ sách Từ-điển Nhân-danh và Địa-danh.
- ☐ Sách đầu giường của những người Việt-Nam muốn ôn-nhuần lịch-sử để bảo-tồn đời sống dân-tộc.

TIỂU-TỪ-ĐIỂN NHÂN-VẬT LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

◆ NGUYỄN-HUYỀN-ANH biên-soạn

● Nhà xuất-bản THÙY-PHƯƠNG ấn-hành

Vilaplex
CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU
BIẾT ĐI
- CÙNG XUÔNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Trong những tuần qua dư luận thế giới đã đặc biệt chú ý tới 4 sự kiện quan trọng nhất trên bàn cờ thế giới là cuộc Nga du sắp tới của Tổng thống Nixon, vụ chính phủ Anh trực tiếp nắm chính quyền tại Bắc Ái-nhĩ-lan, sáng kiến hòa bình mới của quốc vương Hussein xứ Jordaniê và cuộc tấn công mới của Cộng quân tại Việt Nam.

Chính phủ Hoa-kỳ chuẩn bị cuộc Nga-du của T.T. Nixon.

Gần 3 tháng sau cuộc Hoa du, Tổng-thống Nixon lại sửa soạn hành trang để lên đường thăm Mạc-tư-khoa. Nếu cuộc Hoa-du này được Chính phủ Hoa-thịnh-đốn nhìn với cặp mắt hoài nghi và coi như một cuộc phiêu lưu chính trị, thì cuộc Nga-du lại được Hoa-kỳ nhìn với nhiều hy vọng. Thật vậy, trên 20 năm không liên lạc với Trung-Cộng, Tổng-thống Nixon, vào tháng 2 vừa qua, đã phải luôn luôn tự hỏi không biết chính quyền Bắc-kinh sẽ đón tiếp ông ra sao. Nhưng lần này trước khi đi Mạc-tư-khoa ông Nixon có vẻ yên trí hơn vì dù sao ông cũng biết rõ các lãnh tụ Nga xô hơn là Trung Cộng.

Cuộc Nga-du sẽ được diễn ra tương tự như cuộc Hoa-du nghĩa là chính quyền Nga sẵn sàng dành cho ông Nixon những nghi lễ và cảm tình vừa nồng hậu vừa long trọng ít nhất cũng như ông sang Trung-Cộng. Cuộc viếng thăm sẽ kéo dài

cùng trong khoảng thời gian 7 ngày. Nếu tại Bắc-kinh ông bà Nixon được xem đoàn vũ công Trung-Cộng trình diễn vở «Đoàn nữ binh đỏ» thì tại Mạc-tư-khoa thì ông bà sẽ được mời tới xem trình diễn tại đại hí viện Bolchoi nổi tiếng. Và tất cả các hành động của ông Nixon sẽ được truyền hình màu phổ biến trên toàn thế giới.

Về vấn đề bang giao giữa Nga và Mỹ thì người ta có cảm tưởng rằng cả hai bên sẽ cố gắng đi tới một vài thỏa hiệp quan trọng để chuyển đi của ông Nixon được thành công. Vì sự thành công của chuyến Nga du sẽ củng cố cả địa vị của ông Nixon tại Hoa kỳ cũng như địa vị của ông Brejnev tại Nga-sô. Thật vậy cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ sẽ diễn ra vào tháng 11 tới đây. Ông Nixon hy vọng mang từ Mạc tư khoa về một vài thỏa ước quan trọng để làm quà cho cử tri Mỹ hầu được tái đắc cử. Về phía ông Brejnev, tuy hạ bộ Krouchtchev nhưng ông Brejnev không làm gì khác hơn là tìm cách tiếp tục chính sách «sống chung hòa bình» của Krouchtchev. Nếu đi tới vài thỏa ước quan trọng với Mỹ thì ông Brejnev sẽ được tiếng là «người của hòa bình».

Hai vấn đề mà cả Nga và Mỹ có thể giải quyết ổn thỏa trong chuyến Nga-du của ông Nixon vào tháng 5 này là việc giới hạn vũ khí chiến thuật và việc trao đổi thương mại.

Vấn đề thứ nhất đang thực hiện được nhiều tiến bộ trong cuộc hội

đàm giới hạn vũ khí chiến thuật (SALT) tại Helsinki, thủ đô của Phần lan. Vấn đề thứ hai cũng được các nhà cầm quyền Nga hết sức chú ý là Nga muốn mua các sản phẩm tân tiến nhất là các máy tính điện tử của Mỹ.

Trước đây người ta có cảm tưởng rằng Nga sẽ kéo dài các cuộc thương thuyết để đợi một vị Tổng-thống Hoa-kỳ mới. Nhưng giờ đây ông Nixon gần như là chắc chắn được tái đắc cử, nhất là các đối thủ của ông thuộc đảng Dân chủ đang bị lúng túng trong các cuộc bầu cử sơ khởi. Vì vậy mà Nga có thể ký luôn các thỏa ước với ông Nixon ngay trong chuyến Nga-du vì trước sau rồi cũng phải ký với ông. Chi bằng ký ngay thì Nga lại còn cho cảm tưởng là đã giúp Nixon tái đắc cử.

Vì chắc chắn chuyến Nga du này sẽ thành công dễ dàng nên ông Nixon chỉ trao trách nhiệm chuẩn bị cho ông Martin Hillenbrand, Phụ tá Ngoại trưởng đặc trách Âu vụ mà thôi. Còn ông Kissinger thì được đi nghỉ hè tại Acapulco. Và chính ông Nixon cũng tuyên bố "cuộc hội kiến thượng đỉnh có những viễn tượng tốt đẹp".

Anh nắm chính quyền tại Bắc Ái nhĩ lan:

Cuộc tranh chấp đồ máu giữa hai cộng đồng Công giáo và Tin lành đã kéo dài trên 3 năm qua mà không tìm được một lối thoát. Dân Công giáo tiếp tục bị đa số Tin lành thống trị. Trước tình thế này ông Edward

Heath quyết định đặt vùng Bắc Ái nhĩ lan trực tiếp dưới quyền cai trị của chính phủ Luân đôn. Ông Heath đã bỏ chính phủ Bắc Ái, đình chỉ quốc hội xứ này trong một năm. 18.500 quân Anh được lệnh can thiệp để giữ trật tự.

Đây là lần đầu tiên từ 50 năm nay mà chính quyền Luân đôn có biện pháp quyết liệt đối với Bắc Ái như vậy. Với những biện pháp này ông Heath muốn chấm dứt sự thống trị của đa số Tin lành và tạo nên điều kiện thuận lợi để hai cộng đồng có thể thương thuyết tìm ra một lối thoát cho tình hình hiện tại.

Nhưng các quyết định của chính phủ Heath không những làm mất lòng dân Tin lành mà cũng chẳng lấy được thiện cảm của dân Công giáo. Dân Tin lành trong "Phong trào Tiền phong" do William Craig hướng dẫn đang bắt đầu hoạt động khủng bố để chống lại tổ chức khủng bố Công giáo "Quân đội cộng hòa Ái nhĩ lan (IRA)". Và nhiều đoàn biểu tình Tin lành đã rầm rộ xuống đường phản đối chính phủ Anh.

Các cuộc khủng bố vẫn tiếp diễn, bom vẫn nổ và máu vẫn đổ trong khi chính phủ Anh đang ở trong một tình trạng hoàn toàn bất lực.

Trong khi đó phe Công giáo cũng đòi chính phủ Anh phải thả luôn 900 chính trị phạm Công giáo bị chính quyền Tin lành bắt giữ. Nhưng chính phủ Anh không thể thả luôn cả một lúc nên nhiều phần tử Công giáo đã tỏ ra hết sức phẫn nộ.

Tuy nhiên cả phe Công giáo lẫn Tin lành đều lúng túng không biết nên hành động ra sao. Nên trong tương lai nếu khéo léo ông Heath còn có hy vọng đóng vai trò trọng tài.

Sáng kiến hòa bình của Quốc vương Hussein.

Quốc vương Hussein vừa đề nghị thành lập một vương quốc liên bang giữa hai lãnh thổ phía Đông và phía Tây sông Jourdain. Như vậy ông sẽ thừa nhận quyền của người Do thái ở phía Tây được tham gia chính quyền trong vương quốc Jordanie.

Ngay lập tức các quốc gia Ả-rập đã liên tiếp đả kích Hussein là bắt tay với kẻ thù. Và đồng thời Do-thái cũng bác bỏ đề nghị này. Vì nếu chấp thuận đề nghị này thì lãnh thổ phía Tây sông Jourdain sẽ tách ra khỏi ảnh hưởng của chính phủ Jérusalem.

Đồng thời chính phủ Do - thái cũng tổ chức bầu cử hội đồng tỉnh và thị xã tại vùng này. Mặc dầu bị cả Hussein lẫn quân du kích Palestine đe dọa, 84% dân Ả-rập ở vùng này sợ áp lực của Do-thái đã đi bầu. Thị trưởng thành phố Nablus là ông Haj Mazuz Al-Masri, sợ tướng Moshe Dayan bắt giam đã phải ra tái ứng cử.

Như vậy đối với cả Ả-rập lẫn Do-thái, sáng kiến của Quốc vương Hussein đều thất bại. Nhưng ngược lại đối với Hoa kỳ nhờ đề nghị này mà Hussein được đón tiếp trọng thể tại Hoa-thịnh-đốn và được ông Nixon cấp cho 24 phản lực cơ siêu âm thanh F-5.

Cuộc tấn công của Cộng quân tại Việt-Nam.

Lần đầu tiên từ khi Hiệp định Genève được ký kết năm 1954, quân đội Bắc-Việt đã công khai vượt tuyến và ra mặt tấn công miền Nam. Cộng quân đã tấn công các thị trấn Do-linh, Đông hà và xâm nhập vào tỉnh Quảng-trị với lực lượng đông đảo, sử dụng cả chiến xa và phi cơ Mig.

Từ trước tới nay chính phủ Hà nội luôn luôn chối cãi là không xâm lăng miền Nam và tuyên bố là cuộc chiến hiện thời chỉ là «dân chúng nổi dậy». Vì vậy nên người ta tự hỏi không biết phe Cộng sản muốn gì khi họ ngang nhiên vi phạm hiệp định Genève mà chính họ đã ký kết và ra mặt đưa quân tiến về phía Nam vi tuyến thứ 17.

Cùng một lúc phe Cộng sản lại kêu gọi Hoa kỳ trở lại bàn hội nghị Ba-lê và thảo luận nghiêm chỉnh. Nhiều quốc gia trên thế giới đã lên án cuộc tấn công hiện thời của phe Cộng sản.

Người ta có cảm tưởng rằng quân Cộng-sản muốn tung ra hết mọi phương tiện, để chiếm được ưu thế khi cuộc hòa đàm được nối tiếp. Có lẽ họ cho rằng với sự triệt thoái của quân đội Mỹ họ đang ở trong điều kiện thuận lợi nhất để tấn công vì từ nay đến khi bầu cử Tổng thống tại Hoa kỳ, ông Nixon sẽ không dám đem quân trở lại. Vì thế người ta cho rằng từ nay đến tháng 11 phe Cộng sản sẽ cố gắng khai thác tối đa sự bất động của chính phủ Mỹ trong mùa bầu cử.

TỪ MINH

HỘP THƯ

— *Tạp chí Bách Khoa* đã nhận được những bài của quý bạn sau đây:

Tniện Thư (thơ), Nguyễn Đức Nguyên (Lời cuối), Lê Nguyên Ngữ (thơ), Hoàng Chu Ân (Hội Trường), Hữu Phúc (thơ), Hàn Sa (thơ), Trần Sao Hoa (thơ), Luân Vũ (thơ), Bùi Nhung (thơ), Bùi Văn Cang (thơ), Nguyễn Tinh (thơ), Trần Hữu Nghiễm (thơ), Nhã Nam (Bốn cái cốc), Quang Ngọc (thơ), Lữ Quỳnh (Chết khi rạng đông), Trần Ngọc Kim (thơ), Phạm Trường Ly (thơ), Trương Văn Ngọc (thơ), Bùi Văn Mùi (thơ), Nguyễn Miên Tịnh (thơ), Trần Mai Hoạt (thơ), Vũ Khách Quan (Đường hướng giáo dục mới), G.C (thơ), Nguyễn Cát Đông (thơ), Nguyễn Tiến Cung (thơ), Trần Di Minh (thơ), Mai Tâm Thảo (thơ), Phạm Cao Hoàng (thơ), Trương Như (Cánh dơi lẻ loi), Hoàng Th. Hiệp (thơ), Nguyễn Tịnh Phúc (thơ), Hoài Diễm Từ (thơ), Phạm Quang Ba (Sương khói bên người), Lê Nguyên Thảo (Tuyệt Địa), Thái Minh Phương (Khu tiền chế 2), Hồng Lạp (thơ), Trần Vạn Giã (thơ), Anh Việt Thi (thơ), Lê Trầm Tích (thơ), Ngô Vô Hường (thơ), Trần Dza Lữ (thơ), Đoàn Văn Khánh (thơ), P. Trinh Nguyên (thơ), Đặng Vinh Chánh (thơ), Vũ Hữu Định (thơ), Cát Triệu (thơ), Hữu Phúc (thơ), Bùi Nguyễn Dương Thanh (thơ), Dương Phú Thanh Đàm (thơ), Hàn Vũ Giang Châu (thơ), Trường Thi (thơ), Lưu Hồ Thượng Uyển (thơ), Huyền Kỳ (thơ), Nguyễn Đình Chiến (Lạ lùng), Châu (thơ), Tống Châu Ân (Những hành lang trắng, Một phương nào khác), Lê Minh (Gió

khuya) Phan Cung Nghiệp (Một nửa hình hài).

Những bài được lựa đăng, chúng tôi sẽ liên lạc bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên các số Bách khoa tới đây.

— *Ô. Trương Văn Gia* (Châu Đốc) Bách khoa chỉ bán lẻ các tập, hoặc các số rời từ năm 1966 trở đi. Như vậy không còn B.K đóng tập trong năm 1963 nữa.

— *Ô. Trần Huiễn Ân* (Tuy Hòa) Đã nhận được thư của anh. Sẽ đăng vào số 369 (15-5) như anh đã dặn trong thư.

— *Ô. Lê Văn Trung* Sẽ đăng «Giấc ngủ hoàng nam» trên những số tới. Mong tin anh luôn.

SÁCH MỚI

— Thư về đường Sơn Cúc truyện của Hoàng Ngọc Tuấn do Thời Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 44 trang. Tựa của Võ Phiến đã coi truyện này « chính là một bài thơ ». Giá 70đ.

— Mấy gã làng ngang tập thơ của Hà Thượng Nhân, Cà Tầu, Ch. Số Zách. Thụy Bảo, Trạng Đốp do Người xuất bản và Trạng Đốp gửi tặng. Sách dày 100 trang gồm ngót 90 bài thơ thuộc đủ mọi đề tài rất đặc sắc của 5 nhà thơ quen thuộc. Giá 180đ.

— Cahiers de l'Asie du Sud-Est số 9 (tháng 9/71) Cơ quan ngôn luận của Ủy ban vận động thành lập Liên bang Đông-Nam-Á xuất bản bằng Pháp ngữ tại Ba-lê. Trong số này có những bài: Un Canal Mékong Océan Pacifique par Savannakhet-Đông và Cửa Việt...; Fédération des Pays de l'Asie du Sud-Est: Principe politique et doctrine économique; Un Marché Commun des voies de communication des pays de l'Asie du Sud-Est.